Học Đạo Đức Chú Thích  
Thường Chiếu : Thích Đạo Thịnh

**NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO**

Lời Giới Thiệu

Đức Phật xuất thế độ sinh, bốn mươi chín năm ứng cơ thị hiện thuyết pháp giáo hóa, có tới tám vạn bốn nghìn pháp môn, tùy theo căn tính của chúng sinh  
mà thụ nhận. Pháp môn tuy nhiều nhưng không ra ngoài ba môn học Giới - Định - Tuệ. Trong ba môn học ấy Kinh tạng nhiếp về Định, Luật tạng nhiếp về Giới, Luận tạng nhiếp về Tuệ. Hành giả nương vào Tam tạng thánh điển của Phật mà tu, mà sửa mình thì sẽ chứng được tam minh, lục thông nhẫn đến quả vị Vô thượng Bồ đề.

Phật giáo kể từ khi du nhập vào Việt Nam, trên  
hai nghìn năm lịch sử, luôn đồng hành cùng dân tộc.  
Giáo hội Phật giáo Việt Nam với phương châm hoạt  
động “Đạo pháp dân tộc chủ nghĩa xã hội” và lý tưởng  
“Phục vụ chúng sinh là thiết thực cúng dàng Chư Phật”.  
Trong những năm gần đây, dưới sự dấn thân hành đạo  
của Chư tôn đức Giáo phẩm, khiến cho đạo pháp ngày  
càng phát triển, làm hưng long chốn tùng lâm Phật  
địa. Trong sự nghiệp Hoằng pháp lợi sinh cao cả ấy, có  
sự đóng góp không nhỏ của các Tăng, Ni trẻ với tâm  
nguyện thiết tha “Trên cầu Phật đạo, dưới độ chúng  
sinh”, ngày đêm sam học, luôn lấy Giới - Định - Tuệ  
làm kim chỉ nam cho bước đường tu tập. Tinh tiến như  
4 *Học Đạo Đức Chú thích*thế, trước là độ mình sau là tấm gương sáng để mọi  
người soi chung, âu cũng là bản hoài của mười phương  
ba đời Chư Phật vậy.  
Cách đây không lâu, có một vị Tăng là học trò cũ  
của tôi đem đến một quyển sách có nhan đề “Học Đạo  
Đức” thỉnh tôi xem qua và cho lời giảo chính. Tuy tôi  
tuổi cao, sức yếu nhưng vì muốn khích lệ, động viên  
cho những Tăng Ni hậu học dấn thân trên bước đường  
Hoằng pháp lợi sinh, trang nghiêm giáo hội. Sau khi  
đọc, Tôi thấy đây chính là một quyển sách hay, có ý  
nghĩa rất sâu sắc và mang tính giáo dục lớn; đặc biệt là  
giáo dục cho giới trẻ.  
Quyển sách tuy không lớn, không dày, không  
đồ sộ chỉ vỏn vẹn chưa đến 60 trang nhưng chứa đầy ý  
nghĩa về đạo đức, đặc biệt là tính nhân văn; mỗi câu,  
mỗi chữ rất chặt chẽ, súc tích và phù hợp với Thánh  
giáo cũng như thế học. Tôi nghĩ, nếu đem quyển sách  
này áp dụng vào cuộc sống, đặc biệt là giới trẻ, nếu  
đọc tụng hành trì theo chắc chắn sẽ đem lại lợi ích  
to lớn chẳng thể nghĩ bàn, góp phần không nhỏ trong  
sự nghiệp cải đổi vận mệnh, thay đổi bản thân, tạo  
nên một lối sống lành mạnh, nhằm xây dựng một cuộc  
sống ấm no, hạnh phúc đồng thời cũng góp phần làm  
cho đất nước và nhân loại ngày càng thêm tốt đẹp.  
*Học Đạo Đức Chú thích* 5  
Chính vì những lợi ích như thế, cho nên tôi  
chẳng quản tuổi cao sức yếu, đặc biệt có vài lời giới  
thiệu tới chư Tôn đức, các học giả, thiện hữu tri thức  
quyển sách quý này, với mong muốn các quý vị sẽ tư  
duy đọc tụng, đem áp dụng vào cuộc sống hằng ngày,  
nhằm đem lại những lợi ích thiết thực, góp phần xây  
dựng nhân loại ngày càng văn minh hơn, tốt đẹp hơn.  
**Trường Hạ: Tổ Đình Viên Minh  
Đệ Tam Pháp chủ GHPGVN  
Trưởng lão Hòa Thượng THÍCH PHỔ TUỆ**Trân trọng giới thiệu  
6 *Học Đạo Đức Chú thích*CHƯƠNG THỨ NHẤT(1)  
**LỜI PHẬT DẠY  
Đấng Đại Giác, Thế Tôn**(2) **dạy:  
Được thân người, là việc khó  
Nay được rồi, phải gìn giữ  
Nếu để mất, khó được lại.  
Lời Phật dạy, đúng không sai  
Nếu có ai, tin hiểu được  
Thì người đó, có duyên lành  
Gắng tu thân, chăm làm thiện.  
Nếu làm thiện, sẽ được phúc  
Giúp đỡ người, phúc tăng thêm  
Gia sự hưng, tài lộc vượng  
Thọ mạng lâu, không tật bệnh.  
Sống ở đời, chớ làm ác  
Nếu làm ác, thọ khổ lâu  
Tâm ưu sầu, luôn phiền muộn  
Sống không vui, chết đọa lạc.**  
*Học Đạo Đức Chú thích* 7  
**Lời Phật dạy, thật không sai  
Nếu có ai, chăm làm thiện  
Sẽ được phúc, sinh Trời Người  
Nếu làm ác, chịu khổ đau.  
Vậy nên khuyên, hết tất cả  
Không luận già, hay còn trẻ  
Gắng tu tâm, giữ ý thiện  
Không sát sinh, không trộm cắp  
Không tà dâm, không uống rượu  
Không nói dối, không thêu dệt  
Không đôi chiều, không ác khẩu  
Không tham lam, không giận dữ  
Không si mê, là việc thiện**(3)**.  
Thường dùng trí, để quán soi  
Thiện nên làm, ác thì bỏ  
Người đạo đức, ắt tu theo  
Mãi về sau, được an lạc.**  
8 *Học Đạo Đức Chú thích*CHƯƠNG THỨ HAI(4)  
**BIẾT ƠN CHA MẸ  
Đạo làm con, phải báo hiếu  
Không báo hiếu, trái đạo trời  
Vậy nên khuyên, khắp tất cả  
Chớ bỏ qua, ắt thành người.  
Sinh ta ra, là cha mẹ  
Mẹ mang thai, cha gồng gánh  
Tháng thứ nhất, thai tựa sương  
Tháng thứ hai, thai định hình  
Tháng thứ ba, thai dần lớn  
Tháng thứ tư, biết giới tính  
Tháng thứ năm, xương hình thành  
Tháng thứ sáu, đủ các căn  
Tháng thứ bảy, xương dần chắc  
Tháng thứ tám, trong ngoài đủ  
Tháng thứ chín, đến kỳ sinh.**  
*Học Đạo Đức Chú thích* 9  
**Khi sinh con, cha mẹ khóc**(5)  
**Mẹ đớn đau, cha lo lắng  
Ngóng từng giây, mong từng phút  
Con chào đời, được bình an  
Cha mới vui, mẹ mới cười  
Đông vừa qua, thu lại tới  
Mẹ nuôi con, bao cực khổ  
Ướt mẹ nằm, ráo cho con  
Khi con khóc, mẹ dỗ dành  
Con không vui, mẹ lo lắng.  
Ngon con ăn, đắng mẹ nuốt  
Bao cực khổ, mẹ chẳng than  
Bao trái ngang, cha gồng gánh  
Cốt con ngoan, cha mẹ mừng.  
Con ốm đau, cha mẹ lo  
Con khóc to, cha mẹ xót  
Con an giấc, cha mẹ vui  
Con lớn khôn, cha mẹ cười.**  
10 *Học Đạo Đức Chú thích***Đạo làm con, phải nhớ lấy  
Công cha nặng, như núi Tản**(6)  
**Nghĩa mẹ lớn, tựa biển khơi  
Là con hiếu, chớ được quên.**CHƯƠNG THỨ BA(7)  
**TU HỌC ĐẠO ĐỨC  
Nhìn con lớn, cha mẹ vui  
Dạy cho con, học đạo đức  
Nếu con ngoan, phải thuận thành  
Vâng lời cha, vâng lời mẹ.  
Học văn chương, ý phải thẳng  
Học đạo đức, tâm phải ngay  
Đi thưa cha, về trình mẹ  
Có ông bà, phải thưa trước.**  
*Học Đạo Đức Chú thích* 11  
**Khi tới trường, kính thầy cô  
Nếu kết giao, chọn bạn hiền  
Đi tới nơi, về tới chốn  
Chớ la cà, cha mẹ lo.  
Khi ra đường, gặp người lớn  
Phải chào hỏi, phải kính thưa  
Đi đúng làn, không lạng lách  
Làm tổn người, khiến mình đau.  
Về tới nhà, phải chu đáo  
Dọn phòng xá, cho sạch sẽ  
Sách vở học, phải gọn gàng  
Học xong rồi, phải cất đi.  
Chữ Thánh Hiền**(8)**, phải kính trọng  
Biết kính trọng, được thông minh  
Chớ coi khinh, vứt bừa bãi  
Nếu bừa bãi, học không vào.**  
12 *Học Đạo Đức Chú thích***Tuổi còn nhỏ, cốt đạo đức  
Luôn hiếu thảo, với bậc trên  
Em kính anh, anh nhường nhịn  
Anh em hòa, gia sự hưng**(9)**.  
Khi dùng cơm, phải chú ý  
Ăn từ tốn, chớ tham lam  
Thức ăn đủ, không lấy thêm  
Cơm trong miệng, hết mới vào**(10)**.  
Không ồn ào, khua bát đũa  
Không nói cười, mất uy nghi  
Khi ăn xong, đứng dậy dọn  
Nhà cửa sạch, mới rời đi**(11)**.**  
*Học Đạo Đức Chú thích* 13  
CHƯƠNG THỨ TƯ(12)  
**ÂN NẶNG QUỐC GIA  
Ân quốc gia, luôn phải nhớ  
Chim có tổ, người có tông  
Bậc có công, ta phải báo  
Biết tự hào, người Việt Nam.  
Sử sách ghi, ta thường đọc  
Học để nhớ, để biết ơn  
Yêu Tổ quốc, yêu đồng bào  
Sống làm sao, cho xứng đáng.  
Con của Rồng, cháu của Tiên**(13)  
**Trăm anh em, khi dựng nước  
Nửa theo cha, nửa theo mẹ  
Mẹ lên rừng, cha xuống biển.**  
14 *Học Đạo Đức Chú thích***Xây thành lũy, đặt quốc hiệu  
Các vua Hùng, gọi Văn Lang**(14)  
**An Dương Vương, gọi Âu Lạc**(15)  
**Tích nỏ thần, mãi khắc ghi.  
Triệu Đà Vương**(16)**, mưu xảo quyệt  
Lấy người Việt, trị người Việt  
Khiến đất nước, chịu lầm than  
Dân cơ hàn, bao khổ cực.  
Đất Mê Linh, sinh Nữ Tướng  
Là Trưng Trắc, và Trưng Nhị**(17)  
**Đuổi Tô Định, quét Hán gian**(18)  
**Rửa hận nước, trả thù nhà.  
Thế giặc mạnh, nước còn xuân  
Hai Bà đi, dân lại khóc  
Ách đô hộ, lắm lầm than  
Triệu Thị Trinh**(19)**, toan khởi nghĩa.**  
*Học Đạo Đức Chú thích* 15  
**Năm Nhâm Tuất, rằm tháng Giêng  
Có Lý Bôn**(20)**, dựng cờ nghĩa  
Triệu Quang Phục, Tướng Phạm Tu  
Tướng Tinh Thiều, cùng hợp sức.  
Đuổi Tiêu Tư, đón Hợp Phố**(21)  
**Dẹp quân Lương, xưng Hoàng Đế  
Năm Bốn bốn, dựng kinh đô  
Đặt quốc hiệu, là Vạn Xuân**(22)**.  
Cuộc khởi nghĩa, Mai Thúc Loan  
Thu Châu Hoan, đuổi giặc Đường  
Từ Hùng Sơn, tới Vạn An  
Thống giang sơn, xưng Hoàng Đế**(23)**.  
Đất Đường Lâm, sinh Hổ Tướng  
Anh Phùng Hưng**(24)**, em Hải, Dĩnh**(25)  
**Dựng cờ nghĩa, quét giặc thù  
Thu Tống Bình, xưng Hoàng Đế.**  
16 *Học Đạo Đức Chú thích***Khúc Thừa Dụ**(26)**, lấy Tống Bình  
Phục danh nghĩa, thật tự chủ  
Dương Đình Nghệ**(27)**, đuổi Chính, Tiến  
Giành Đại La, lo việc nước.  
Ngô Quyền Vương**(28)**, phá Nam Hán  
Sông Bạch Đằng, sử chói chang  
Thành Cổ Loa, đặt triều chính  
Hai sáu năm, cai trị nước.  
Loạn sứ quân, dân khổ cực  
Đinh Bộ Lĩnh**(29)**, phất cờ lau  
Dẹp sứ quân, xưng Hoàng Đế  
Mở vận nước, dựng kinh đô.  
Lê Đại Hành**(30)**, nối nghiệp vua  
Xưng Hoàng Đế, dẹp xâm lăng  
Xây bờ cõi, dựng cơ đồ  
Trong ngoài yên, dân lạc nghiệp.**  
*Học Đạo Đức Chú thích* 17  
**Sư Vạn Hạnh**(31)**, giải sấm truyền  
Lê vận hết, Lý đi lên  
Đào Cam Mộc, quân dân đồng  
Cùng suy tôn, Lý Công Uẩn**(32)**.  
Lý Thái Tổ, Chiếu dời Đô  
Từ Hoa Lư, về Đại La  
Mộng rồng vàng, đổi Thăng Long  
Tạo kế lâu, truyền tám đời.  
Trần Thủ Độ**(33)**, lập kế sâu  
Đưa Trần Cảnh, lên Hoàng Đế  
Nối nhà Lý, rạng nhà Trần  
Ngàn đời sau, dân còn nhớ.  
Từ Thái Tông**(34)**, đến Nhân Tông**(35)  
**Bi Trí Dũng, được vẹn toàn  
Chống quân Nguyên, đuổi giặc thù  
Vững biên cương, yên bờ cõi.**  
18 *Học Đạo Đức Chú thích***Chốn rừng thiêng, non Yên Tử  
Tâm hướng Phật, chí xuất gia  
Thái Tông về, Nhân Tông tới  
Bỏ cao sang, hành khổ hạnh.  
Tâm chứng ngộ, được giải thoát  
Mở thiền phái, lập tông phong  
Đi khắp nơi, truyền đạo đức  
Khiến dân an, hành chính đạo.  
Hưng Đạo Vương**(36)**, Trần Quang Khải**(37)  
**Các tướng tài, lập chiến công  
Báo quốc ân, phụ triều chính  
Khắp năm châu, danh lừng lẫy.  
Mười hai vua, triều nhà Trần  
Mở giang sơn, thông vận nước  
Dân an cư, dân lạc nghiệp  
Lý sang Trần, dân hạnh phúc.**  
*Học Đạo Đức Chú thích* 19  
**Hồ Quý Ly**(38)**, mưu đoạt vị  
Trị bảy năm, thì mất nước  
Kỷ thuộc Minh, hai mươi mùa  
Dân lầm than, toan khởi nghĩa.  
Đất Lam Sơn, hội nhân tài  
Dựng cờ xí, đuổi giặc Minh  
Thống giang sơn, lập cơ đồ  
Bình Định Vương**(39)**, khôi Đại Việt.  
Một trăm năm, mười đời vua  
Khi thịnh đạt, lúc suy vi  
Đặt khoa thi, chọn người hiền  
Trọng tiến sĩ, khắc bia truyền.  
Mạc Đăng Dung**(40)**, mưu soán đoạt  
Cướp vương vị, bức Chiêu Tông  
Tự xưng vương, truyền hậu bối  
Được năm đời, sáu lăm năm.**  
20 *Học Đạo Đức Chú thích***Qua Lê sơ, tới Lê mạt**(41)  
**Chống họ Mạc, phục giang sơn  
Năm mươi năm, Nam-Bắc triều  
Dân lầm than, bao khổ cực.  
Mạc bại vong, Lê toàn thắng  
Nhà Lê suy, Trịnh tiếm quyền  
Cung vua Lê, phủ chúa Trịnh**(42)  
**Khiến vận nước, như dây cuốn.  
Đất Tây Sơn, sinh Nguyễn Huệ**(43)  
**Ba ra Bắc, ba về Nam  
Dẹp nhà Trịnh, phù nhà Lê  
Diệt quân Thanh, xưng Hoàng Đế.  
Khi Nguyễn Hoàng**(44)**, lánh về Nam  
Trọng khai hoang, nhẹ tô thuế  
Được lòng dân, gọi “Chúa Tiên”  
Tạo cơ đồ, cho họ Nguyễn.**  
*Học Đạo Đức Chú thích* 21  
**Vua Nguyễn Ánh, hiệu Gia Long**(45)  
**Thống sơn hà, yên bờ cõi  
Định kinh đô, xưng Hoàng Đế  
Đặt tên nước, là Việt Nam**(46)**.  
Ba triều vua, đầu độc lập**(47)  
**Dân ấm no, rộng bờ cõi  
Kỳ Pháp thuộc, dân lầm than  
Mười đời sau, Bảo Đại cuối**(48)**.  
Yêu Tổ quốc, thương đồng bào  
Bến Nhà Rồng, Bác ra đi  
Tìm con đường, cứu dân tộc  
Vị lãnh tụ - Hồ Chí Minh**(49)**.  
Bác bôn ba, bao cực khổ  
Lúc Châu Âu, khi Châu Á  
Tại Hồng Kông, thành lập Đảng  
Đất Cao Bằng, lưu sử xanh**(50)**.**  
22 *Học Đạo Đức Chú thích***Tại Ba Đình, đất lịch sử  
Ngày mồng Hai, thu tháng Chín  
Năm bốn lăm, Bác tuyên đọc  
Bản tuyên ngôn, khai sinh nước**(51)**.  
Điện Biên Phủ, khắc dấu son  
Lừng Năm châu, chấn Địa cầu  
Võ Nguyên Giáp**(52)**, lập công đầu  
Quyết tiến lên, giành chiến thắng.  
Pháp chưa đi, Mỹ lại tới  
Quân với dân, chung một lòng  
Đánh giặc Mỹ, đuổi giặc nhà  
Hợp Bắc Nam, về một mối**(53)**.  
Ngày Ba Mươi, tháng Tư ấy  
Năm Bảy Lăm, vui mừng nhất  
Tin thắng trận, truyền khắp nơi  
Bắc-Trung-Nam, đồng một dải**(54)**.**  
*Học Đạo Đức Chú thích* 23  
**Khơ-me Đỏ, nổi lòng tham  
Đánh Tây Nam, hại dân lành  
Vụ thảm sát, tại Ba Chúc  
Là tội ác, bọn diệt chủng**(55)**.  
Quân dân ta, quyết tự vệ  
Giữ biên cương, yên bờ cõi  
Chống PolPot, giúp nước bạn  
Thoát diệt chủng, được bình an**(56)**.  
Năm Bảy Chín, giặc tràn qua  
Muốn dân ta, thành nô lệ  
Chúng xua quân, toan kéo tới  
Khắp vùng biên, là chiến trường.  
Nhân dân ta, đã đoàn kết  
Chống xâm lăng, đuổi giặc Tàu  
Vững giang sơn, vẹn lãnh thổ  
Ta toàn thắng, giặc rút lui**(57)**.**  
24 *Học Đạo Đức Chú thích***Sau giải phóng, xóa giặc đói  
Chống quan liêu, bỏ bao cấp  
Nguyễn Văn Linh**(58)**, nói và làm  
Quyết đổi mới, đến thành công.  
Các lãnh đạo, cùng chung tay  
Lo việc nước, sửa việc nhà  
Theo định hướng, rộng kết giao  
Khắp năm châu, cùng phát triển.  
Nhớ ơn Đảng, ơn Tổ quốc  
Ta phải sống, cho có ích  
Lấy đức hạnh, lấy nhân từ  
Lấy lòng trung, xây dựng nước**(59)**.**  
*Học Đạo Đức Chú thích* 25  
CHƯƠNG THỨ NĂM(60)  
**LẬP CHÍ THÀNH TÀI  
Tuổi dần lớn, trí cũng khôn  
Phải lập chí, cho thành tài  
Học điều hay, tránh điều dở  
Phải nhận thức, được chính tà**(61)**.  
Chính thời theo, tà thì bỏ  
Học chăm lo, không lười biếng  
Nếu lười biếng, tuệ lu mờ  
Kiến thức rỗng, thi không được.  
Nhớ công sinh, khắc công dưỡng  
Bao khó nhọc, lắm gian lao  
Nay gắng học, để báo đền  
Quyết thành tài, lưu sử sách**(62)**.**  
26 *Học Đạo Đức Chú thích***Xưa đến nay, ta đều có  
Bậc xuất chúng, bậc anh tài  
Tất cả đều, từ lập chí  
Học không ngừng, mới thành công.  
Từ ngàn xưa, đến ngày nay  
Nếu không học, lòng bị rỗng  
Nếu bị rỗng, hư cả đời  
Buồn cha mẹ, thẹn họ hàng.  
Nếu làm người, phải lập chí  
Học cái hay, hành điều tốt  
Gần bạn hiền, xa bạn ác  
Chớ ham chơi, chớ đua đòi**(63)**.  
Nếu đua đòi, gia đình khổ  
Làm con ngoan, luôn phải nhớ  
Muốn thành công, trong sự nghiệp  
Phải lập chí, học thành tài.**  
*Học Đạo Đức Chú thích* 27  
CHƯƠNG THỨ SÁU(64)  
**LỰA CHỌN VIỆC LÀM  
Học xong rồi, chọn việc làm**(65)  
**Làm việc thiện, làm việc tốt  
Ích cộng đồng, ích nhân sinh  
Lợi gia đình, hưng Tổ quốc.  
Tìm việc làm, nếu không được  
Đừng vội vàng, đừng chán nản  
Việc chưa hợp, có thể đổi  
Hãy kiên trì, sẽ thành công**(66)**.  
Việc nếu hợp, nhưng còn khó  
Phải cố gắng, đừng bỏ cuộc  
Chớ núi này, trông núi khác  
Suốt cuộc đời, vẫn trắng tay**(67)**.**  
28 *Học Đạo Đức Chú thích***Có việc hay, phải cố gắng  
Làm cho xong, làm cho được  
Người có thể, ta cũng vậy  
Khó đến đâu, không bỏ cuộc.  
Nếu việc ác, chớ có làm  
Dẫu tiền nhiều, dù lợi lắm  
Lợi trước mắt, hại về sau  
Bậc quân tử, quyết không làm.  
Việc phạm pháp, việc gian tà  
Việc của ma, đâu chính đáng  
Bậc chính nhân, không làm vậy  
Nếu cố làm, phi đạo đức**(68)**.**  
*Học Đạo Đức Chú thích* 29  
CHƯƠNG THỨ BẢY(69)  
**HƯỚNG ĐẾN THÀNH CÔNG  
Người xưa dạy, ta phải nhớ  
Việc không khó, nếu chí bền  
Dù dời non, hay lấp biển  
Nếu có chí, ắt thành công.  
Nếu một khi, có vấp ngã  
Hãy đứng lên, đừng nản chí  
Phải bước đi, về phía trước  
Nếu không dừng, sẽ đến đích**(70)**.  
Đi ngày đàng, học sàng khôn  
Học điều hay, làm việc tốt  
Người thành công, ta cũng vậy  
Không bỏ cuộc, ắt làm nên.**  
30 *Học Đạo Đức Chú thích***Miện vinh quang, luôn tỏa sáng  
Đón người tài, đợi người đức  
Ta gắng sức, sẽ thành công  
Khéo vun trồng, được hái quả**(71)**.  
Dù vất vả, dù gian lao  
Việc thanh cao, nên phải gắng  
Nếu không gắng, thì thất bại  
Ta cố gắng, sẽ thành công.  
Việc thành công, do người nghĩ  
Không suy bì, không mặc cảm  
Lòng ta an, tâm ta đủ  
Không chấp thủ, đó thành công**(72)**.  
Người thành công, không phiền não  
Không tự cao, không tự mãn  
Sống chan hoà, sống bao dung  
Sống thủy chung, không bội ước.**  
*Học Đạo Đức Chú thích* 31  
**Người thành công, sống có tình  
Lo cho bạn, trọng nhân nghĩa  
Mỗi hành động, mỗi suy nghĩ  
Chớ lợi mình, mà hại người.  
Nghĩ điều lành, làm điều thiện  
Chí rộng lớn, vì quốc gia  
Hướng ra xa, khắp mọi loài  
Ấy gọi là, người thành công**(73)**.**CHƯƠNG THỨ TÁM(74)  
**LÒNG TỪ TRẢI KHẮP  
Làm người phải, sống có “Tâm”  
Làm người phải, sống có “Đức”  
Tâm là gốc, Đức là cành  
Tâm, Đức thành, gọi bậc Trí**(75)**.**  
32 *Học Đạo Đức Chú thích***Là bậc Trí, sống khoan dung  
Sống nhân từ, và đức hạnh  
Biết yêu thương, đến mọi người  
Giúp mọi loài, được hạnh phúc.  
Người có Tài, cần vị tha  
Sống khoan hòa, không vị kỷ  
Thường hoan hỷ, làm điều thiện  
Được như vậy, sẽ bình an.  
Khi giúp người, không cầu báo  
Khi giúp vật, chẳng cầu ơn  
Người giúp ta, ta phải báo  
Vật giúp ta, ta phải đền**(76)**.  
Đối với mình, luôn răn nhắc  
Đối với người, sống vị tha  
Đối với vật, phải từ bi  
Tham sân si, là việc ác**(77)**.**  
*Học Đạo Đức Chú thích* 33  
**Ác không theo, thiện gắng làm  
Chăm giúp người, chăm giúp vật  
Đối mọi loài, sống bình đẳng  
Trải yêu thương, cho rộng khắp**(78)**.**CHƯƠNG THỨ CHÍN(79)  
**HƯỚNG TÂM HỌC ĐẠO  
Biết rõ khổ, hiểu rõ không  
Thân vô thường, pháp vô ngã  
Luôn biến đổi, không thực có  
Vạn vật chung, quy luật ấy**(80)**.  
Biết vô thường, nên học đạo  
Ác không theo, thiện gắng làm  
Nếu làm thiện, thì được phúc  
Sinh Trời Người, sinh cõi Phật**(81)**.**  
34 *Học Đạo Đức Chú thích***Vui thế gian, là giả tạm  
Vui cõi Phật, mới bình an  
Không sinh già, không bệnh chết  
Luôn an vui, gọi Niết Bàn**(82)**.  
Người học đạo, nếu hiểu được  
Pháp thế gian, luôn biến đổi  
Như mây nổi, tựa phù du  
Như sương mai, như điện chớp.  
Vô thường đến, phải ra đi  
Không mang theo, được vật gì  
Chỉ có nghiệp, là chung mãi  
Nghiệp có thiện, nghiệp có ác.  
Ác thì xuống, thiện đi lên  
Học chớ quên, hai điều đó  
Luật nhân quả, rõ không sai  
Tu để mai, được lợi ích**(83)**.**  
*Học Đạo Đức Chú thích* 35  
CHƯƠNG THỨ MƯỜI(84)  
**XẢ BỎ TÀI VẬT  
Người thành công, không vọng chấp  
Nếu vọng chấp, sẽ khổ đau  
Rõ trước sau, đều là giả  
Mượn cái giả, để hiện chân**(85)**.  
Vật ngoài thân, đừng chấp trước  
Giống như nước, sẽ cạn đi  
Cho tới khi, không còn thấy  
Như đám mây, qua bầu trời.  
Phật dạy đời, nên buông xả  
Xả tài vật, xả lòng tham  
Xả đam mê, buông sở thích  
Xả thành tích, buông sự nghiệp.**  
36 *Học Đạo Đức Chú thích***Trao cho con, dạy cho cháu  
Biết lo toan, biết điều hành  
Biết việc rành, biết phát thu  
Ta nên tu, cầu giải thoát**(86)**.  
Hạnh Bồ Tát, thường xả ly  
Đạo từ bi, ban trải khắp  
Ta sắp xếp, lại thời gian  
Bớt lo toan, chăm việc chính**(87)**.  
Ta tuổi cao, ta sẽ yếu  
Khi tuổi già, ta sẽ bệnh  
Nếu ta bệnh, ta sẽ chết,  
Nếu ta chết, đem được gì?  
Biết thế thì, nên buông bỏ  
Cầu giải thoát, cầu ngộ tâm  
Không mê lầm, trong nẻo ác  
Không tạo tác, nghiệp khổ đau**(88)**.**  
*Học Đạo Đức Chú thích* 37  
CHƯƠNG MƯỜI MỘT(89)  
**BÁO HIẾU TỔ TIÊN  
Sống trước sau, luôn phải nhớ  
Nhớ công đức, của tổ tiên  
Nhớ báo ân, cha mẹ hiền  
Nghĩ phúc điền, từ đâu có**(90)**.  
Lời Phật dạy, phải khắc ghi  
Cha nhiều đời, mẹ nhiều kiếp  
Khắp tông thân, cả họ hàng  
Nhớ báo ân, mong độ hết**(91)**.  
Đem Phật pháp, giác ngộ cho  
Chớ đắn đo, đừng chậm trễ  
Lập trai đàn, thỉnh chư Tăng  
Tụng kinh văn, đem hồi hướng**(92)**.**  
38 *Học Đạo Đức Chú thích***Chăm phóng sinh, thêm tạo phúc  
Ấn tống Kinh, tô tượng Phật  
Cúng Tam Bảo, thí chúng sinh  
Đem báo ân, cha mẹ hiền**(93)**.  
Nhớ sinh tiền, ta còn bé  
Công cha cao, nghĩa mẹ dày  
Đức tổ tiên, ân nặng trĩu  
Làm con hiếu, chớ được quên.  
Muốn ghi tên, nơi cửa Phật  
Phải hết lòng, hiếu mẹ cha  
Hiếu ông bà, hiếu tổ tiên  
Lo báo đền, cho rộng khắp**(94)**.**  
*Học Đạo Đức Chú thích* 39  
CHƯƠNG MƯỜI HAI(95)  
**NHẸ GÓT VỀ TÂY  
Thân mộng huyễn, giả tạm này  
Trước ta vay, nay ta trả  
Có gì đâu, mà quyến luyến  
Nếu xao xuyến, gọi phàm phu**(96)**.  
Tâm đạo đủ, sẽ biết ngay  
Quán hết thảy, đều giả tạm  
Đủ duyên đến, hết duyên đi  
Không tham si, không vọng chấp**(97)**.  
Lấy công phu, xin hồi hướng  
Đem phát nguyện, cầu vãng sinh  
Về Tây Phương, An Lạc Quốc  
Thành tựu rồi, hết khổ đau**(98)**.**  
40 *Học Đạo Đức Chú thích***Phật Di Đà, đã phát nguyện  
Chúng sinh ở, khắp mười phương  
Nghe tên Ta, lòng vui mừng  
Muốn sinh về, cõi nước Ta  
Dốc một lòng, luôn nhớ nghĩ  
Chuyên trì niệm, danh hiệu Ta.  
Hoặc từ một, đến bảy ngày  
Nhẫn mười câu, đem hồi hướng  
Nguyện sinh về, cõi nước Ta  
Nếu người đó, không sinh về  
Cõi nước Ta, thì Ta thề  
Mãi sẽ không, thành Chính Giác**(99)**.  
Nương nguyện đó, phải khắc sâu  
Không nghi ngờ, không nhạo báng  
Tâm quyết định, hướng về Tây  
Dốc một lòng, chuyên trì niệm**  
*Học Đạo Đức Chú thích* 41  
**Danh hiệu Phật, A Di Đà  
Niệm cho chuyên, niệm cho nhất  
Không xen tạp, không gián đoạn  
Không vấn vương, không lùi bước.  
Mọi thứ giả, Phật mới chân  
Biết vậy nên, ta phát nguyện  
Nguyện kiên cố, chẳng đổi thay  
Nếu không may, thân này bệnh  
Càng tin sâu, càng nguyện thiết  
Dẫu thân này, có mất đi  
Chẳng cần chi, phải lưu luyến  
Vì đã nguyện, về Tây Phương**(100)**.  
Quán thân này, là túi da  
Có gì vui, mà đam chấp  
Ví ngôi nhà, đã mục nát  
Tường lở long, mái xiêu vẹo**  
42 *Học Đạo Đức Chú thích***Kèo lún sụt, nóc tan hoang  
Cùng lửa dữ, cháy ngày đêm  
Chúng yêu ma, côn trùng độc  
Mọi hiểm nguy, đang chờ sẵn**(101)**.  
Biết thế nên, ta phải bỏ  
Không luyến lưu, không chấp trước  
Dẫu thân này, có hiểm nguy  
Chỉ một lòng, chuyên niệm Phật  
Phật sẽ đến, an ủi ta  
Phật sẽ qua, không hư dối  
Ta không thoái, chí nguyện sinh  
Ánh quang minh, Phật liền tới**(102)**.  
Trên hư không, Phật Di Đà  
Và Quán Âm, cùng Thế Chí  
Chúng Bồ Tát, cầm tràng phan  
Nhạc âm vang, hương sực nức**  
*Học Đạo Đức Chú thích* 43  
**Trước mắt ta, lúc bấy giờ  
Phật phóng quang, đưa tay đón  
Kim đài trao, trong khoảnh khắc  
Ta nhẹ gót, thẳng về Tây**(103)**.  
Ao Liên Trì, chín phẩm hoa  
Thức gá sen, là cha mẹ  
Hoa vừa nở, thấy Phật luôn  
Tai tinh nghe, vi diệu Pháp  
Tâm vui mừng, trong chính định  
Được trí tuệ, đắc thần thông  
Khoảng sát na, lên bất thoái  
Chứng vô sinh, thành bất tử**(104)**.  
Chúng cõi đó, ai cũng được  
Vô lượng thọ, vô lượng quang  
Hết sinh tử, sạch khổ đau  
Mãi về sau, tới thành Phật**  
44 *Học Đạo Đức Chú thích***Vậy mới khuyên, khắp tất cả  
Hết chúng sinh, thảy mọi loài  
Nhớ tu tâm, làm việc thiện  
Nên phát nguyện, về cõi kia  
Đức Từ Phụ, A Di Đà  
Đang chờ đón, chúng ta sang  
Đồng cất vang, tiếng niệm Phật  
Cùng nhẹ gót, thẳng về Tây**(105)**.**  
*Học Đạo Đức Chú thích* 45  
**CHÚ THÍCH  
I. Chương thứ nhất**(1) *Chương thứ nhất:* lấy lời Đức Phật răn nhắc,  
dạy bảo để rộng khuyên tất cả mọi người, không luận  
nam - nữ - già - trẻ - trí - ngu hay tầng lớp nào… nếu  
được nghe những lời Phật dạy thì phải tự biết rằng  
tất cả những nhân duyên đó đều do căn lành tự mình  
gieo trồng từ vô thỉ kiếp trước. Nay được nghe lời  
Đức Phật dạy, nên khởi tâm vui mừng, nguyện y giáo  
phụng hành, bỏ ác làm lành, lánh dữ hành thiện, phóng  
sinh tu phúc, chuyên tâm niệm Phật… hiện đời được  
hưởng vinh hoa phú quý, khi xả bỏ báo thân được sinh  
về cõi lành, không bị đoạ lạc trong ba đường ác đạo  
khổ đau nữa.  
(2) *Đấng Đại Giác, Thế Tôn:* là danh từ riêng chỉ  
cho các Đức Phật nói chung (ở đây chỉ Đức Phật Thích  
Ca Mâu Ni). Ngài đản sinh ngày 8 tháng 4 âm lịch năm  
624 TCN tại vườn Lâm Tỳ Ni, thành Ca Tỳ La Vệ; Ngài  
được vua cha Tịnh Phạn Vương và Hoàng hậu Ma Da đặt  
tên là Tất Đạt Đa. Tới năm 19 tuổi nhằm ngày 8 tháng 2  
năm 605 TCN Ngài vượt thành xuất gia. Trải qua 5 năm  
tầm đạo, 6 năm khổ hạnh, vào lúc sao mai mọc ngày  
8 tháng 12 năm 594 TCN Ngài hoát nhiên đại ngộ và  
46 *Học Đạo Đức Chú thích*chứng thành đạo quả hiệu là Thích Ca Mâu Ni Phật, khi  
ấy Ngài 30 tuổi. Trải qua 49 năm thuyết pháp - giáo hóa  
độ sinh, tới năm 80 tuổi (tính theo tuổi mụ), nhằm ngày  
15 tháng 2 năm 544 TCN Đức Phật thị hiện nhập Niết  
Bàn tại rừng Sa La Song Thọ, thuộc Ấn Độ ngày nay.  
(3) *Không sát sinh, không trộm cắp/ Không tà  
dâm, không uống rượu/ Không nói dối, không thêu  
dệt. Không đôi chiều, không ác khẩu/ Không tham  
lam, không giận dữ/ Không si mê, là việc thiện.*Đây chính là mười điều thiện mà Đức Phật dạy cho  
Long Vương và tất cả chúng sinh trong *Kinh Thập  
Thiện Nghiệp Đạo*. Trong Kinh ấy Đức Phật dạy, phần  
lớn chúng sinh trong cõi Trời, cõi Người, cõi A Tu La  
khi mất đi thường đọa vào ba đường ác Địa Ngục, Ngã  
Quỷ, Súc Sinh. Nguyên nhân bởi do chúng sinh thích  
làm các việc ác thông qua ba nghiệp Thân, Khẩu, Ý.  
Thân thì có sát sinh, trộm cắp, tà dâm; Khẩu thì có  
nói sai sự thật, nói lời thêu dệt, nói lưỡi đôi chiều,  
nói lời hung ác; Ý thì thường khởi tham lam, sân giận  
và si mê. Nói tóm lại không làm mười điều ác trên thì  
gọi là thực hành (làm theo) mười điều thiện. Người  
làm việc thiện Đức Phật nói thường được sinh trong  
cõi Trời và cõi Người, hưởng phúc báo và thọ mạng, ít  
bị khổ đau hơn.  
*Học Đạo Đức Chú thích* 47  
**II. Chương thứ hai**(4) *Chương thứ hai:* nói về công ơn sinh thành và  
nuôi dưỡng lớn lao của cha mẹ. Nếu là người con hiếu  
thảo, chúng ta không được giây phút lơ là, sao nhãng  
công ơn sinh thành, nuôi dưỡng lớn lao ấy. Phải chăm  
chỉ học tập, lao động, làm việc tốt… để báo hiếu cha  
mẹ, luôn khiến cho cha mẹ được vui thì mới xứng đáng  
là người con hiếu thảo.  
(5) *Khi sinh con, cha mẹ khóc:* vì sao khi sinh con  
cha mẹ lại khóc? Vì khi sinh chúng ta cha mẹ mừng  
vui, lo lắng lẫn lộn. Mừng là vì đứa con yêu sau bao  
ngày mong đợi, tới nay đã sắp được chào đời; lo là  
người mẹ liệu có dễ dàng vượt qua được sự khó khăn  
để hai mẹ con được “mẹ tròn con vuông”, được bình an  
hay không? Người xưa nói khi sinh con người mẹ phải  
chịu vô vàn đau đớn thậm chí có những bà mẹ phải  
hi sinh cả tính mạng của mình để bảo vệ cho con yêu  
được chào đời.  
(6) *Núi Tản:* Chính là núi Tản Viên, còn được gọi  
là núi Ba Vì. Theo sách *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* của  
Sử thần Ngô Sĩ Liên: “Núi Tản Viên chính là Tổ Sơn  
(núi tổ) của đất nước Việt Nam chúng ta”. Người xưa  
thường nói: “Công cha như núi Thái Sơn, nghĩa mẹ  
48 *Học Đạo Đức Chú thích*như nước trong nguồn chảy ra…” Núi Thái Sơn thuộc  
địa danh đất nước Trung Hoa, nó được coi là “Tổ Sơn”  
(núi tổ) của Trung Quốc. Có lẽ do trải qua hàng nghìn  
năm Bắc thuộc nên nền văn hóa Trung Hoa phần nào  
đã ăn sâu vào thơ ca, văn học của dân gian Việt Nam.  
Nay đất nước chúng ta đã trải qua cả nghìn năm thoát  
khỏi ách đô hộ phương Bắc, vì vậy không có lý gì  
chúng ta cứ phải học mãi những câu ca dao tục ngữ  
mang yếu tố Bắc thuộc như vậy. Nay tôi xin mạnh dạn  
đề nghị đất nước chúng ta thay đổi câu ca dao tục ngữ  
**“Công cha như núi Thái Sơn”** thành câu **“Công cha  
nặng, như Núi Tản”**; hoặc câu: *“Công cha như núi  
Tản Viên, nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra…”*(hoặc những câu tương đương), nhằm để giáo dục cho  
các thế hệ trẻ của Việt Nam về đạo đức, về cội nguồn,  
về tinh thần độc lập tự chủ của dân tộc.  
*Học Đạo Đức Chú thích* 49  
**III. Chương thứ ba**(7) *Chương thứ ba:* dạy về việc *“Tu học đạo  
đức”*. Đạo đức không phải vừa sinh ra đã có đầy đủ, mà  
nó được tích tụ, tích góp lâu dài từ những việc lành,  
lời hay, ý thiện thông qua ba nghiệp thân, khẩu, ý.  
Chữ **“Tu”** trong nhà Phật có ý nghĩa là **“Sửa”**. Nghĩa  
là trong cuộc sống chúng ta phải luôn biết sửa những  
cái xấu thành cái tốt, sửa từ lời ăn tiếng nói, ý nghĩ tới  
hành động, cái nào chưa được chúng ta đều phải sửa.  
Việc tu học đạo đức chính là con đường tốt nhất để dẫn  
dắt chúng ta tới ngôi nhà thành công trong cuộc sống.  
(8) *Chữ Thánh Hiền:* Tất cả chữ nghĩa không  
phải tự nhiên mà có, đó là kết quả từ biết bao gian  
lao, vất vả, tìm tòi, đúc kết của các bậc tiền bối cha  
ông chúng ta mà thành. Do đó chúng ta phải biết trân  
quý, kính trọng, bảo vệ, giữ gìn và phát triển. Các  
bậc hiền nhân quân tử thời xưa thấy mảnh giấy nhỏ  
có chữ viết còn không dám bước qua, nay chúng ta ắt  
cũng nên học theo hạnh tốt đó vậy.  
(9) *Anh em hòa, gia sự hưng:* Nếu anh em, chị em  
chung sống với nhau hòa thuận, trên kính dưới nhường  
thì gia đình sẽ được an vui, hạnh phúc. Gia sự hưng  
50 *Học Đạo Đức Chú thích*là chỉ cho tất cả những công việc trong gia đình được  
thuận hòa, trên dưới đồng lòng, cùng nhau chung sống  
hạnh phúc.  
(10) *Cơm trong miệng, hết mới vào:* Người xưa  
thường nói: “Miếng ăn là miếng xấu”, tất cả thức ăn  
dù ngon, dù bổ, dù đẹp tới đâu khi vừa đưa vào miệng,  
đi qua cổ họng liền trở thành vật bất tịnh (bẩn), do  
đó chúng ta nên biết rằng thức ăn chỉ là để nuôi thân,  
không được khởi lòng tham mà ăn. Khi ăn phải từ  
tốn, nhẹ nhàng; thức ăn trong bát còn không nên gắp  
thêm, đang có cơm trong miệng không nên đưa tiếp  
vào, không nên phồng má phồng miệng mà ăn, khi  
ăn không được khua bát đũa ra tiếng, không được húp  
nước canh và nhai nuốt cơm phát ra tiếng to… nói tóm  
lại, người có ý thức khi ăn phải từ tốn, nhẹ nhàng, nhìn  
trước, ngó sau, không để bị lỗi khi ăn uống.  
(11) *Khi ăn xong, đứng dậy dọn/ Nhà cửa sạch, mới  
dời đi:* Đạo làm con phải hiếu thảo, kính trên nhường  
dưới, bởi vậy khi ăn xong chúng ta không được đứng  
dậy bỏ mặc cha mẹ, anh chị em mà đi. Người con hiếu  
thảo khi ăn xong phải biết bưng mâm, rửa bát, dọn dẹp  
nhà cửa cho sạch sẽ, gọn gàng mới về phòng nghỉ ngơi.  
*Học Đạo Đức Chú thích* 51  
**IV. Chương thứ tư**(12) *Chương thứ tư:* Chương này nói về lịch sử dựng  
nước và giữ nước hơn 4000 năm của dân tộc Việt Nam  
chúng ta. Chương này rất quan trọng đối với tất cả  
người Việt, đặc biệt là các bạn trẻ, không luận sang  
hèn hay tôn giáo, tất cả đều nên nghiên cứu và học tập.  
(13) *Con của Rồng, cháu của Tiên:* Đây là chỉ  
cho tộc người Bách Việt chúng ta. Theo sử sách ghi  
lại thì thuỷ tổ của tộc người Bách Việt chính là Kinh  
Dương Vương. Kinh Dương Vương tên thật là Hùng  
Lộc Tục, là con thứ hai của vua Đế Minh và mẫu hậu  
Vũ Tiên. Kinh Dương Vương được vua cha (Đế Minh)  
phong cho làm vua ở phương Nam vào khoảng năm  
Nhâm Tuất (2879 TCN), lấy tên nước là Xích Quỷ.  
Kinh Dương Vương lấy con gái của Thần Long (vua  
Hồ Động Đình) rồi sinh ra một con trai đặt tên là Hùng  
Sùng Lãm. Sau khi Kinh Dương Vương băng hà thì  
Hoàng tử Sùng Lãm lên nối ngôi và đổi tên là Lạc  
Long Quân. Lạc Long Quân lại lấy con gái của Đế  
Lai là Âu Cơ và sinh ra một trăm người con. Tương  
truyền đó là sinh ra một bọc trăm trứng, trăm trứng ấy  
sau nở ra một trăm người con trai, người con nào cũng  
khoẻ mạnh, thông minh hơn người. Một hôm Lạc Long  
52 *Học Đạo Đức Chú thích*Quân bảo với Âu Cơ rằng: “Ta là giống Rồng, nàng là  
giống Tiên, thủy hỏa xung khắc, không thể ở với nhau  
lâu được”. Thế là hai người quyết định năm mươi người  
con theo mẹ lên rừng, thuộc vùng đất Phong Châu  
(Phú Thọ ngày nay) rồi tôn người con cả lên làm vua,  
hiệu là Hùng Vương, lấy tên nước là Văn Lang; năm  
mươi người con theo cha xuống biển lạc nghiệp, và  
đó chính là cội nguồn của dân tộc Việt Nam chúng ta.  
(14) *Các Vua Hùng, gọi Văn Lang:* Theo sử sách  
và truyền thuyết ghi lại trong năm mươi người con theo  
mẹ lên rừng, người con cả được suy tôn lên làm vua, gọi  
là Hùng Vương (Vua Hùng) vào năm 2879 TCN, đặt  
quốc hiệu là Văn Lang, chia nước thành 15 bộ, đóng  
đô xây dựng kinh thành tại đất Phong Châu (Việt Trì  
- Phú Thọ). Các đời Vua Hùng truyền ngôi tất cả được  
18 đời, tổng cộng được 2621 năm, tới năm 258 TCN  
thì nhường ngôi lại cho Thục Phán - An Dương Vương.  
(15) *An Dương Vương, gọi Âu Lạc:* Theo sách  
Lĩnh Nam Chích Quái ghi lại rằng: “Dân phương  
Nam khổ vì bị người phương Bắc quấy nhiễu, không  
được sống yên ổn như xưa…” Thục Phán sau khi  
được Hùng Duệ Vương thứ 18 nhường ngôi, ông lên  
làm vua, xưng là An Dương Vương, đặt quốc hiệu  
*Học Đạo Đức Chú thích* 53  
là Âu Lạc, cho mở rộng bờ cõi và xây đắp thành Cổ  
Loa nhằm tạo thế phòng thủ vững chắc cho nước nhà.  
Năm 218 TCN, Tần Thủy Hoàng đã sai 50 vạn  
quân xâm lược đất đai của Bách Việt ở phía Nam  
Trường Giang (Trung Quốc ngày nay), hàng vạn quân  
Tần đã vượt biên giới tràn vào lãnh thổ Âu Lạc. An  
Dương Vương đã lãnh đạo đất nước đánh tan quân Tần,  
giết chết tướng giặc Đỗ Thư, buộc nhà Tần phải bãi  
binh. Đây là thắng lợi oanh liệt đầu tiên của cả dân tộc  
ta chống lại họa xâm lược của phong kiến phương Bắc.  
An Dương Vương trị vì từ năm 258 TCN tới năm  
207 TCN, tròn 50 năm thì bị Triệu Đà dùng mưu sâu  
kế hiểm khống chế nỏ thần và phá thành Cổ Loa. Đất  
nước ta từ đây phải trải qua hàng nghìn năm Bắc thuộc.  
(16) *Triệu Đà Vương:* Triệu Đà là người Hán (quê  
ở huyện Chân Định, tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc), làm  
quan lệnh huyện Long Xuyên quận Nam Hải thời nhà  
Tần. Nhân khi đế chế nhà Tần sụp đổ, năm 207 TCN  
Triệu Đà đã chiếm cứ quận Nam Hải, Quế Lâm và  
Tượng (vùng Quảng Đông, Quảng Tây ngày nay) lập  
thành một nước cát cứ ở phương Nam. Vào năm 207  
TCN, Triệu Đà cất quân tiến đánh Âu Lạc. Nhiều trận  
đánh đã diễn ra. Quân Triệu thua to, phải rút về nước.  
54 *Học Đạo Đức Chú thích*Biết không thể dùng vũ lực để xâm chiếm Âu Lạc,  
Triệu Đà đã dùng mưu sâu kế hiểm để chia rẽ nội bộ  
triều đình Âu Lạc. Triệu Đà sai sứ cầu hòa và cho thái  
tử Trọng Thủy sang làm rể Âu Lạc nhằm kết duyên  
với công chúa Mỵ Châu. Nói là để kết tình thông gia  
nhưng thực tế là để dò la tin tức, nắm bắt tình hình  
bí mật quân cơ, đặc biệt là để biết và tìm hiểu cách  
khắc chế nỏ thần của Âu Lạc. Sau khi nắm rõ hết tình  
hình bí mật quân cơ, Triệu Đà đưa quân tổng tấn công  
đất nước Âu Lạc của An Dương Vương. An Dương  
Vương do lơ là, chủ quan nên đã đại bại và phải tự  
vẫn ở vùng biển Diễn Châu (Nghệ An) ngày nay.  
(17) *Là Trưng Trắc, và Trưng Nhị:* Theo sử sách  
ghi lại, vào khoảng tháng 2 năm 40 CN, Trưng Trắc,  
Trưng Nhị hai chị em cùng với một số Lạc Tướng, Lạc  
Hầu chính thức khởi binh thảo phạt thái thú Tô Định,  
đánh đuổi nhà Đông Hán; Tô Định đại bại phải cải  
trang bỏ thành Luy Lâu mà chạy về nước. Cuộc khởi  
nghĩa được sự hưởng ứng của nhiều đội quân thuộc Âu  
Lạc và Nam Việt cũ nên không bao lâu đã giải phóng  
được các quận Giao Chỉ, Nam Hải, Cửu Chân, Nhật  
Nam, Hợp Phố… tổng cộng 65 thành trì ở Lĩnh Nam,  
thuộc toàn bộ lãnh thổ nước Nam Việt hồi đó. Cuộc  
khởi nghĩa thành công, đất nước độc lập, Trưng Trắc  
*Học Đạo Đức Chú thích* 55  
được các Lạc Tướng, Lạc Hầu và nhân dân tôn lên làm  
Vua; Trưng Nhị được phong làm Phó Vương. Độc lập  
của đất nước chưa được bao lâu thì năm Tân Sửu 41  
CN, Hán Quang Vũ Đế sai Mã Viện làm Đại tướng  
quân, Lưu Long làm phó tướng theo hai đường thủy,  
bộ tiến đánh nước ta. Sau gần 1 năm anh dũng chống  
địch, cuối cùng vì sức yếu, quân ta tan vỡ. Hai Bà  
Trưng chạy về Hát Môn (Phúc Thọ - Hà Nội) rồi gieo  
mình xuống dòng Hát Giang tự vẫn. Nhân dân ta từ đây  
lại bắt đầu bị ách áp bức, đô hộ và Bắc thuộc lần thứ hai.  
(18) *Đuổi Tô Định, Quét Hán Gian:* Năm Giáp Ngọ  
(34 CN) vua Hán Quang Vũ sai Tô Định sang làm Thái  
Thú quận Giao Chỉ thay cho Tích Quang. Tô Định vốn  
là một Võ tướng, lòng dạ hẹp hòi lại tham lam, nên Tô  
Định đã dùng chính sách cai trị nước ta rất hà khắc.  
Trong giai đoạn này phần lớn dân ta phải lên rừng hoặc  
xuống biển để tìm kế sinh nhai. Khắp quận Giao Chỉ  
nhân dân chịu cảnh cơ cực, lầm than lại còn bị ức hiếp,  
hãm hại, bắt bớ đi làm nô dịch khổ sai. Không chịu  
được cảnh cơ cực, ức hiếp nhân dân ta đã nổi dậy đánh  
đuổi Tô Định và quân giặc nhà Đông Hán phương Bắc.  
(19) *Triệu Thị Trinh:* Theo dã sử kể lại rằng: Bà  
Triệu sinh ngày 2 tháng 10 năm Bính Ngọ (225 CN).  
56 *Học Đạo Đức Chú thích*Thuở nhỏ chỉ thích học võ, cưỡi ngựa, bắn cung với chí  
nguyện đánh đuổi giặc thù, thống nhất đất nước. Vào  
năm Mậu Thìn (248), cuộc khởi nghĩa của Bà Triệu  
chính thức bắt đầu. Trải qua hơn sáu tháng chiến đấu  
với địch, trong quân có kẻ phản bội nên Bà đã bị thua  
và phải rút về núi Tùng Sơn để cố thủ. Tại đây, biết  
mình không thể thắng giặc nên Bà Triệu đã vái lạy  
trời đất mà nói rằng: “Sinh vi tướng, tử vi thần” (Sống  
làm tướng, chết làm thần) rồi rút gươm tự vẫn, nhằm  
ngày 22 tháng 2 năm Mậu Thìn. Cuộc khởi nghĩa Bà  
Triệu tuy thất bại, nhưng đã để lại một dấu son sáng  
ngời trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta.  
(20) *Lý Bôn:* Tức Lý Bí sinh ngày 12 tháng 9 năm  
Quý Mùi (năm 503). Từ nhỏ Lý Bí đã lộ rõ tư chất  
thông minh, lại được một vị Thiền Sư ở Chùa Linh Bảo  
nuôi dạy, trải qua hơn 10 năm, Lý Bí đã trở thành một  
người văn võ toàn tài, đặc biệt rất giỏi việc cưỡi ngựa  
bắn cung và đao kiếm. Lớn lên thi đỗ và ra làm quan  
cho triều đình nhà Lương, nhưng vì bất mãn với sự  
cai trị hà khắc của nhà Lương nên Lý Bí đã từ bỏ áo  
mão về quê, tự chiêu binh mãi mã, tụ hợp anh tài để  
đánh đuổi quân Lương. Mến mộ tài đức của Lý Bí nên  
Tù trưởng Chu Diên (Hưng Yên ngày nay) là Triệu  
Túc cùng con trai là Triệu Quang Phục đã đem toàn  
*Học Đạo Đức Chú thích* 57  
bộ binh lính xin được đầu quân. Lại có Tinh Thiều,  
Phạm Tu và hào kiệt các nơi cũng nổi dậy hưởng ứng.  
(21) (22) *Đuổi Tiêu Tư, đón Hợp Phố/ Dẹp quân  
Lương, xưng Hoàng Đế/ Năm Bốn bốn, dựng kinh đô/  
Đặt quốc hiệu là Vạn Xuân:* Vào ngày 15 tháng Giêng  
năm Nhâm Tuất (năm 542) Lý Bí chính thức phát động  
cuộc khởi nghĩa. Biết không thể chống nổi thế mạnh  
của nghĩa quân, Thái thú quận Giao Chỉ lúc bấy giờ  
là Tiêu Tư đã đem hết của cải, vàng bạc dâng cho Lý  
Bí xin tha mạng để chạy về Trung Quốc. Chưa đầy 3  
tháng, Lý Bí đã chiếm được hầu hết các quận huyện  
và thành Long Biên. Được tin Long Biên thất thủ, vua  
Lương Vũ Đế lập tức sai binh mã từ các nơi là: Thứ  
sử Việt Châu là Trần Hầu, Thứ sử La Châu là Ninh  
Cự, Thứ sử An Châu là Uý Trí, Thứ sử Ái Châu là  
Nguyên Hán cùng hợp binh để phản công chiếm lại  
thành Long Biên nhưng đã bị Lý Bí sai các tướng tài  
như Tinh Thiều, Phạm Tu, Triệu Quang Phục… đánh  
cho tan tác.  
Đầu xuân năm Quý Dậu (năm 543), Lương Vũ  
Đế lại sai Thứ sử Giao Châu là Tôn Quýnh, Thứ sử  
Tân Châu là Lư Tử Hùng đem quân xâm lược nước ta.  
Được tin quân Lương lại đem quân xâm lược, Lý Bí  
58 *Học Đạo Đức Chú thích*chủ động đem quân ra bán đảo Hợp Phố (nay thuộc  
khu tự trị Choang - Quảng Tây - Trung Quốc) để đón  
đánh quân Lương. Tôn Quýnh và Lư Tử Hùng vừa tới  
Hợp Phố thì bị Lý Bí và nghĩa quân đánh cho tan tác,  
“Mười phần chết bảy còn ba”. Quân Lương đại bại.  
Toàn bộ vùng đất Giao Châu đều thuộc sự quản lý của  
Lý Bí. Đánh tan quân giặc nhà Lương, Lý Bí lên ngôi  
xưng Hoàng Đế vào năm 544, lấy hiệu là Lý Nam Đế,  
đặt tên nước là Vạn Xuân, xây dựng kinh đô ở cửa  
sông Tô Lịch (Hà Nội), cho xây điện Vạn Thọ để bàn  
việc triều chính, cho xây Chùa Khai Quốc để làm chỗ  
nương tựa tinh thần và giáo dục cho muôn dân.  
(23) *Cuộc khởi nghĩa, Mai Thúc Loan/ Thu Châu  
Hoan, đuổi giặc Đường/ Từ Hùng Sơn, tới Vạn An/  
Thống giang sơn, xưng Hoàng Đế.* Mai Thúc Loan  
(Mai Hắc Đế) sinh vào năm Canh Ngọ (670-723) tại  
thôn Ngọc Trừng, Hoan Châu, (nay thuộc huyện Nam  
Đàn, Nghệ An). Mùa vải năm Nhâm Ngọ (năm 722),  
Mai Thúc Loan cùng đoàn phu gánh vải đi cống. Trong  
đoàn gánh vải có một người vì đói và khát nên định lén  
ăn một quả, không ngờ bị quân lính phát hiện và đánh  
đập dã man. Mai Thúc Loan thấy cảnh đồng bào mình  
bị ngược đãi không chịu được, bèn rút đòn gánh đánh  
*Học Đạo Đức Chú thích* 59  
chết tên lính nhà Đường. Từ đây Mai Thúc Loan thổi  
bùng khí thế dân tộc. Tại căn cứ Hùng Sơn, Mai Thúc  
Loan mở rộng địa bàn, cho xây thành Vạn An với quy  
mô như một kinh thành. Chỉ một trận đánh Mai Hắc  
Đế đã thu được thành Tống Bình, đuổi quan đô hộ nhà  
Đường lúc đó là Quan Sở Khách phải tháo chạy về  
nước. Đất nước được giải phóng, nhân dân khắp nơi  
vui mừng đi theo Mai Hắc Đế, lực lượng nghĩa quân  
lên tới chục vạn người. Tuy nhiên, lúc này triều đình  
nhà Đường ở phương Bắc còn đang mạnh. Vua Đường  
huy động 10 vạn quân tinh nhuệ ồ ạt từ phương Bắc  
kéo tới đánh thành Vạn An. Hai bên đánh nhau dữ dội,  
quân Đường hiếu chiến và có nhiều kinh nghiệm trận  
mạc hơn nên giành phần thắng. Mai Hắc Đế phải rút  
quân vào rừng, sau đó bị ốm rồi mất vào năm 723,  
nghĩa quân từ đó bị tan vỡ.  
(24) *Phùng Hưng* (791-802) còn được gọi là Bố  
Cái Đại Vương. Phùng Hưng xuất thân là dòng dõi quý  
tộc, thân phụ là Phùng Hạp Khanh, một hào trưởng  
đất Đường Lâm (Sơn Tây - Hà Nội). Phùng Hưng là  
một bậc xuất chúng, một vị vua, có công lớn trong  
việc khởi nghĩa đánh đuổi giặc Đường, thống nhất đất  
nước vào năm 791. Sau khi thắng giặc, Phùng Hưng  
60 *Học Đạo Đức Chú thích*xưng Đế và được người đời suy tôn là Bố Cái Đại  
Vương. Thật không may, ngay trong năm đó Phùng  
Hưng băng hà. Con là Phùng An còn nhỏ, lại bất tài  
vô dụng, cộng thêm em của Phùng Hưng là Phùng Hải  
tranh ngôi với cháu nên Phùng An không giữ được  
cơ nghiệp của cha, đất nước ta vừa được giải phóng  
lại rơi vào tay quân giặc nhà Đường phương Bắc.  
(25) *Phùng Hải và Phùng Dĩnh:* là em trai ruột của  
Bố Cái Đại Vương Phùng Hưng. Cả hai người đều là  
tướng tài của Phùng Hưng. Sau khi Phùng Hưng băng  
hà, Phùng Hải không phục cháu là Phùng An nên cướp  
ngôi nhưng không thành. Cuối cùng cả hai chú cháu  
đều đầu hàng nhà Đường và đều bị giết chết sau đó.  
(26) *Khúc Thừa Dụ (830-907):* quê ở Cục Bổ (Hải  
Dương), là một người tài ba, thao lược hơn người. Năm  
905 chính thức khởi binh chiếm thành Tống Bình (Hà  
Nội), đuổi giặc Đường về nước và tự xưng là Tiết Độ  
Sứ. Năm Bính Dần (năm 906) đời vua Chiêu Tuyên  
nhà Đường, nhà Đường phải công nhận Khúc Thừa Dụ  
là người đứng đầu Giao Châu. Ngày 7 tháng 2 năm  
906, vua Đường phong cho ông làm Tĩnh Hải Tiết Độ  
Sứ và gia phong Đồng bình Chương sự. Khúc Thừa Dụ  
là người mở đầu cho cách ứng xử khôn khéo với thế lực  
*Học Đạo Đức Chú thích* 61  
phong kiến phương Bắc trên tinh thần “Độc lập thật sự,  
thuần phục danh nghĩa”. Khiến cho đất nước ta tránh  
được những cuộc chiến tranh trực tiếp với phương Bắc.  
Đây cũng là kế sách đối ngoại “hoãn binh” khôn khéo  
của Khúc Thừa Dụ, nhằm kéo dài thời gian để chúng ta  
xây dựng và phát triển đất nước, đợi cho đất nước hùng  
mạnh mới tuyên bố độc lập.  
(27) *Dương Đình Nghệ (874-937):* một danh  
tướng của Khúc Hạo ở đất Ái Châu (Thanh Hóa). Vì  
căm ghét sự cai trị của nhà Nam Hán, nên Dương Đình  
Nghệ đã chiêu mộ anh tài, dựng cờ nghĩa để đánh đuổi  
Lý Khắc Chính và Lý Tiến. Không bao lâu thì chiếm  
được thành Đại La và tự xưng là Tiết Độ Sứ. Tháng 3  
năm 937, Dương Đình Nghệ bị nha tướng là Kiều Công  
Tiễn, giết hại để đoạt chức Tiết Độ Sứ. Cai trị được sáu  
năm. Nhân dân ta bấy giờ hết sức căm phẫn, nơi nơi  
muốn trừ tên phản phúc để trừ hậu hoạ. Kiều Công  
Tiễn vội vàng cho tâm phúc sang thương lượng và  
cầu cứu viện binh từ nhà Nam Hán, và như vậy đất  
nước chúng ta lại một lần nữa rơi vào tay nhà Nam  
Hán chỉ vì tên tham quan bán nước Kiều Công Tiễn.  
(28) *Ngô Quyền:* sinh ngày 12 tháng 3 năm Đinh Tỵ  
(897) trong một dòng họ hào trưởng có thế lực ở châu  
62 *Học Đạo Đức Chú thích*Đường Lâm. Ngô Quyền được sử sách mô tả là bậc anh  
hùng tuấn kiệt, “có trí dũng”. Lớn lên trên quê hương  
có truyền thống anh hùng dân tộc Phùng Hưng, Ngô  
Quyền sớm tỏ rõ chí khí phi thường của một bậc anh  
tài. Khi Dương Đình Nghệ khởi nghĩa, Ngô Quyền là  
bộ tướng của Dương Đình Nghệ và được Dương Đình  
Nghệ giao cho cai quản đất Ái Châu; lại còn gả con gái  
cho. Trong 5 năm cai quản Ái Châu (934-938) Ngô  
Quyền tỏ rõ là bậc tài đức, nên đã đem lại cơm no, áo  
ấm và sự bình yên cho dân chúng. Tháng 12 năm Mậu  
Tuất (938) Ngô Quyền chỉ huy phục kích và đánh bại  
quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng, đặt dấu chấm hết  
cho mọi âm mưu xâm lược của nhà Nam Hán, đồng thời  
cũng kết thúc thời kì Bắc thuộc của nước ta. Ngô Quyền  
xưng là Ngô Vương và lên ngôi ngày 10 tháng 1 năm  
Kỷ Hợi (939). Ngô Vương trở thành vị vua sáng lập ra  
nhà Ngô, xây dựng một nhà nước độc lập, tự chủ sau  
nhiều năm chịu ách thống trị của quân giặc phương Bắc.  
(29) *Đinh Bộ Lĩnh:* còn được gọi là Đinh Tiên  
Hoàng, sinh ngày 22 tháng 3 năm 924, người động Hoa  
Lư. Thân phụ mất sớm, Đinh Bộ Lĩnh theo mẹ về quê  
ở. Thuở nhỏ thường đi chơi với trẻ chăn trâu, lấy bông  
lau làm cờ tập trận đánh nhau, được đám trẻ trong vùng  
suy tôn làm thủ lĩnh và thường khoanh tay làm kiệu  
*Học Đạo Đức Chú thích* 63  
rồi rước như rước vua. Lớn lên, nhờ thông minh, lại có  
tài thao lược binh mã, văn võ song toàn nên Đinh Bộ  
Lĩnh dựng cờ khởi nghĩa, thu phục 12 sứ quân và xưng  
Hoàng Đế, lấy hiệu là Tiên Hoàng Đế, đặt quốc hiệu là  
“Đại Cồ Việt”, xây dựng kinh thành và đóng đô ở Hoa  
Lư. Theo chính sử, tháng 11 Năm Kỷ Mão (979), một  
hoạn quan là Đỗ Thích, mơ thấy sao rơi vào miệng,  
tưởng là điềm báo được làm vua nên đã giết chết cả hai  
cha con là Đinh Tiên Hoàng và Đinh Liễn. Đinh Tiên  
Hoàng làm vua được 12 năm, thọ 56 tuổi, mộ phần  
được táng ở Sơn Lăng Trường Yên, kinh đô Hoa Lư.  
(30) *Lê Đại Hành tức Lê Hoàn:* sinh ngày 15 tháng  
7 năm Tân Sửu (941) ở Xuân Lập, Thọ Xuân, Thanh  
Hóa. Chính sử ghi lại, Ông sinh ra trong một gia đình  
nghèo khổ. Cha là Lê Mịch, mẹ là Đặng Thị Sen. Lớn  
lên nhờ tư chất thông minh, văn võ toàn tài nên được  
Nam Việt Vương Đinh Liễn trọng dụng. Dù chỉ là lính  
thường nhưng lại xông pha trận mạc như một viên  
tướng, tả xung hữu đột, oai phong lẫm liệt. Vì vậy nên  
đã được cả Đinh Tiên Hoàng và Đinh Liễn cất nhắc.  
Trong trận đánh dẹp 12 sứ quân, Lê Hoàn được  
Đinh Bộ Lĩnh giao cho 2000 binh sĩ. Đến khi dẹp xong  
loạn 12 sứ quân, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi và phong cho  
Lê Hoàn chức Thập Đạo Tướng Quân Điện Tiền Đô  
64 *Học Đạo Đức Chú thích*Chỉ Huy Sứ (tổng chỉ huy quân đội kiêm chỉ huy đội  
quân cấm vệ) của triều đình. Lúc này Lê Hoàn đã 30  
tuổi. Tháng 10 năm 979, Chi hậu nội nhân Đỗ Thích  
giết Đinh Tiên Hoàng và Nam Việt Vương Đinh Liễn  
ở sân cung.  
Định quốc công Nguyễn Bặc, Ngoại giáp Đinh  
Điền cùng Lê Hoàn rước Vệ vương Đinh Toàn lên ngôi  
Hoàng đế và tôn mẹ Đinh Toàn là Dương Vân Nga làm  
Hoàng Thái Hậu. Vệ vương Đinh Toàn lên ngôi khi mới  
6 tuổi, Lê Hoàn làm nhiếp chính đảm đương việc nước,  
xưng là Phó Vương. Tháng 7 năm 980, nhà Tống sai  
quân sang đánh chiếm Đại Việt. Nhận tin quân Tống  
chuẩn bị xâm lược, Thái hậu sai Lê Hoàn chọn dũng  
sĩ đi chiến đấu. Thái hậu thấy mọi người vui lòng quy  
phục, bèn sai lấy Long bào rồi tự tay khoác lên người  
Lê Hoàn, và mời lên ngôi Hoàng đế. Từ đó Lê Hoàn  
lên ngôi Hoàng đế, đổi niên hiệu là Thiên Phúc. Năm  
980, giáng phong Đinh Toàn làm Vệ Vương. Tân vương  
Lê Hoàn đích thân làm tổng chỉ huy, sai quân sĩ đóng  
cọc ngăn sông Bạch Đằng. Trong trận chiến này Lê  
Hoàn toàn thắng. Năm Canh Dần (990) vua Tống  
sai Tống Cảo dẫn đầu đoàn sứ mang chiếu thư sang  
phong cho Lê Hoàn hai chữ “Đặc Tiến”. Tới năm Ất  
Tỵ (1005) Lê Đại Hành băng hà, hưởng thọ 65 tuổi.  
*Học Đạo Đức Chú thích* 65  
Ông trị vì đất nước được 24 năm. Có thể nói: “Đất  
nước ta được phồn thịnh lâu dài về sau một phần cũng  
là nhờ công lao to lớn của vị vua anh minh này vậy”.  
(31) *Thiền sư Vạn Hạnh* (938-1018)*:* Sư họ Nguyễn,  
quê châu Cổ Pháp (nay thuộc thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc  
Ninh), từ thuở nhỏ đã thông minh, học thông Nho,  
Lão, Phật và nghiên cứu hàng trăm bộ luận Phật giáo.  
Năm 21 tuổi Thiền sư xuất gia, tu học với bạn là Thiền  
sư Ðịnh Tuệ dưới sự chỉ dẫn của Thiền sư Thiền Ông  
tại chùa Lục Tổ. Sau khi Thiền Ông mất, Vạn Hạnh  
bắt đầu chuyên thực tập Tổng Trì Tam Ma Ðịa, nên  
sau này hễ Thiền sư nói lời gì đều được thiên hạ cho  
là phù sấm. Vua Lê Ðại Hành rất tôn kính Thiền Sư.  
Năm 980, hoàng đế Đại Tống sai tướng Hầu Nhân Bảo  
mang quân sang đóng ở núi Cương Giáp Lãng định  
xâm chiếm nước Đại Cồ Việt ta, Lê Đại Hành triệu  
Thiền sư vào hỏi nếu đánh thì thắng hay bại. Thiền  
sư đáp “trong vòng từ ba đến bảy ngày quân Tống sẽ  
rút lui”. Lời này sau ứng nghiệm. Khi Lê Đại Hành  
muốn xuất quân đánh Chiêm Thành để cứu sứ giả bị  
vua Chiêm bắt giữ nhưng còn do dự thì Vạn Hạnh nói  
đây là cơ hội đừng để mất. Sau đó lời này nghiệm và  
Lê Đại Hành đánh tan quân Chiêm. Thiền sư là một  
trong những trí thức Phật giáo làm cố vấn cho vua Lê  
66 *Học Đạo Đức Chú thích*Đại Hành, đồng thời cũng là thầy của Lý Công Uẩn,  
và chính là người có công lớn trong việc đưa Lý Công  
Uẩn lên ngôi, mở ra một triều đại thịnh vượng lâu dài  
đầu tiên trong lịch sử dân tộc Việt Nam.  
(32) *Lý Công Uẩn:* là người làng Cổ Pháp (Từ Sơn,  
Bắc Ninh). Công Uẩn sinh ngày 12 tháng 2 năm Giáp  
Tuất (tức ngày 8 tháng 3 năm 974). Thuở nhỏ Ông  
được Thiền sư Vạn Hạnh và Thiền sư Khánh Văn nuôi  
dưỡng, dạy bảo cho học hành và trở nên văn võ toàn  
tài. Lớn lên Vạn Hạnh hướng cho Công Uẩn theo con  
đường binh nghiệp. Ông được cả tiên đế Lê Đại Hành  
và vua Lê Long Việt, vua Lê Long Đĩnh trọng dụng.  
Sau này do sự cai trị tàn bạo của Lê Long Đĩnh nên đã  
làm cho bá quan và trăm họ đồ thán. Khi Lê Long Đĩnh  
mất, nhờ vào uy tín của bản thân cũng như sự ủng hộ  
của Đại thần Đào Cam Mộc và Thiền sư Vạn Hạnh,  
cùng một số triều thần nên Lý Công Uẩn được suy tôn  
lên làm vua.  
Lý Công Uẩn lên ngôi vào ngày Quý Sửu tháng 11  
năm Kỷ Dậu (1009), đặt niên hiệu là Thuận Thiên,  
nghĩa là “Thuận theo ý trời”. Sau khi lên ngôi, Lý Thái  
Tổ cho rằng “Hoa Lư thành thì hẹp, đất thì thấp”, nên  
quyết định dời đô về Đại La. Tới tháng 7 năm Thuận  
Thiên thứ nhất (1010) thì khởi sự dời đô. Khi thuyền  
*Học Đạo Đức Chú thích* 67  
mới đến đậu ở dưới thành, thấy rồng vàng hiện ra,  
nhân đó mà đặt tên kinh thành là “Thăng Long” (tức  
Rồng bay), liền cho xây cung điện, chùa chiền, thành  
lũy, tích trữ lương thảo, chiêu mộ nhân tài… Ngày 31  
tháng 3 năm 1028, Lý Thái Tổ qua đời ở điện Long  
An, ở ngôi 19 năm, hưởng thọ 54 tuổi.  
(33) *Trần Thủ Độ (1194-1264):* còn được gọi là  
Trung Vũ Đại Vương, là một chính trị gia của Đại Việt,  
sống vào cuối thời Lý đầu triều Trần trong lịch sử Việt  
Nam. Ông đóng vai trò quan trọng trong việc đưa Trần  
Cảnh lên ngôi, mở ra một tương lại xán lạn cho triều  
đại nhà Trần cũng như lịch sử dân tộc Việt Nam chúng  
ta với ba lần đánh tan quân giặc Nguyên Mông, toàn  
vẹn lãnh thổ, khiến cho dân giàu nước mạnh.  
(34) *Trần Thái Tông:* sinh ngày 9 tháng 7 năm 1218,  
tịch ngày 5 tháng 5 năm 1277. Ông có tục danh là Trần  
Cảnh, là vị Hoàng Đế đầu tiên của triều đại nhà Trần.  
Khi còn nhỏ Trần Cảnh rất thân với Lý Chiêu Hoàng,  
vị vua thứ tám và cũng là vị vua cuối cùng của triều đại  
nhà Lý. Trần Cảnh được Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi  
nhờ mưu kế của Trần Thủ Độ. Vì thấy Hoàng Đế lâu  
không có con cho nên năm 1237 Trần Thủ Độ ép Trần  
Cảnh lấy Thuận Thiên Công chúa, chị của Lý Chiêu  
68 *Học Đạo Đức Chú thích*Hoàng và cũng là vợ của An Sinh vương Trần Liễu  
(anh của Trần Cảnh) đang mang thai làm vợ. Trần Thủ  
Độ ép vua Trần Thái Tông phế Chiêu Thánh xuống  
làm công chúa, rồi lấy Thuận Thiên và lập làm Hoàng  
Hậu. Trần Liễu khi đó không chịu mất vợ, bèn tập hợp  
binh mã, nổi dậy tiến về kinh đô đánh Trần Thủ Độ và  
Thái Tông. Điều này đã làm cho Thái Tông rất buồn và  
khó xử, nên vua đã bí mật rời kinh thành Thăng Long  
trốn lên núi Yên Tử, xin được xuất gia theo Thiền sư  
Đạo Viên. Thiền sư hỏi: *“Bệ hạ có việc gì quan trọng  
mà một mình lên núi?”*. Nhà vua giãi bày: *“Trẫm còn  
thơ ấu vội mất song thân, bơ vơ đứng trên sĩ dân không  
chỗ nương tựa. Lại nghĩ sự nghiệp các bậc đế vương đời  
trước, thịnh suy vô thường, cho nên Trẫm đến núi này  
chỉ cầu làm Phật, chớ không cầu gì khác”*. Thiền Sư  
Đạo Viên bảo: *“Trong núi vốn không có Phật, Phật chỉ  
ở trong tâm. Tâm lặng mà biết gọi là Chân Phật. Nay  
Bệ hạ nếu ngộ được tâm ấy thì tức khắc thành Phật,  
chẳng phải khổ nhọc tìm cầu ở bên ngoài mà có.”*Không bao lâu, Trần Thủ Độ cùng với các đại  
thần và binh lính cờ xí rợp trời kéo lên núi Yên Tử,  
ép Thái Tông về kinh đô. Thái Tông không muốn về.  
Thiền Sư Đạo Viên lại khuyên rằng: *“Phàm làm đấng  
quân vương, phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn*  
*Học Đạo Đức Chú thích* 69  
*của mình, lấy tâm của thiên hạ làm tâm của mình. Nay  
thiên hạ muốn Bệ hạ trở về, Bệ hạ không về sao được?  
Song phần nghiên cứu nội điển, mong Bệ hạ đừng xao  
nhãng.”* Nghe lời Thiền sư Đạo Viên và Trần Thủ Độ,  
Trần Thái Tông miễn cưỡng quay trở về kinh, tiếp tục  
trị nước.  
Tháng 12 âm lịch năm 1257, Ngột Lương Hợp  
Thai dẫn gần 3 vạn quân Nguyên cùng với hơn 2 vạn  
quân Đại Lý tiến vào Đại Việt. Ngày 12 tháng 12 âm  
lịch năm 1257 quân Mông Cổ đến Bình Lệ Nguyên  
(nay là huyện Bình Xuyên tỉnh Vĩnh Phúc), Trần Thái  
Tông thân chinh đem quân đi đánh. Sau một thời gian  
giao chiến ác liệt, quân ta lúc đầu bị thua, quân Nguyên  
thừa thắng đuổi theo chiếm được thành Thăng Long.  
Nhưng Thái Tông đã tính toán trước và dùng kế “vườn  
không nhà trống”, khiến cho quân Nguyên gặp khó  
khăn trong vấn đề lương thực. Không bao lâu, tới ngày  
21 tháng 1 năm 1258 Trần Thái Tông cùng Thái tử  
Trần Hoảng và Trần Quốc Tuấn trực tiếp chỉ huy tổng  
phản công, chỉ trong vòng mấy ngày quân ta đã đánh  
tan quân giặc Nguyên Mông tại Động Bộ Đầu và giải  
phóng Thăng Long. Trên đường rút lui, quân Mông Cổ  
đã bị lực lượng các dân tộc thiểu số miền núi Tây Bắc  
70 *Học Đạo Đức Chú thích*do Hà Bổng chỉ huy tập kích và giết chết rất nhiều. Như  
vậy chưa đầy một tháng, vua tôi nhà Trần đã làm nên  
lịch sử đại thắng quân Nguyên Mông lần thứ nhất. Quân  
Nguyên mười phần thì chết và bị bắt mất bảy tám phần.  
Ngày 24 tháng 2 năm Nguyên Phong thứ 8  
(1258), Trần Thái Tông truyền ngôi cho Thái tử Trần  
Hoảng, tức Hoàng đế Trần Thánh Tông rồi lên làm  
Thái Thượng Hoàng. Từ đây, Nhà Trần theo lệ truyền  
ngôi sớm cho thái tử, thứ nhất để tránh việc tranh giành  
ngôi báu giữa các con, thứ hai là rèn luyện cho vị tân  
Hoàng Đế biết cai trị đất nước càng sớm càng tốt. Sau  
một thời gian làm Thái Thượng Hoàng, nhằm ngày 1  
tháng 4 âm lịch năm 1277, Thái Tông băng hà tại điện  
Vạn Thọ (kinh thành Thăng Long), hưởng thọ 60 tuổi,  
mộ phần được an táng tại Chiêu Lăng thuộc phủ Long  
Hưng (xã Tiến Đức, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình  
ngày nay).  
Triều đại nhà Trần có cả thảy 12 đời vua, từ  
Trần Thái Tông đến Trần Thiếu Đế, kéo dài được  
175 năm (1225-1400). Trên thực tế, 12 triều đại các  
vua nhà Trần chỉ được ba đời đầu là Trần Thái Tông,  
Trần Thánh Tông và Trần Nhân Tông mới thực sự  
là người có tài, có đức, được lòng dân chúng; lại lập  
*Học Đạo Đức Chú thích* 71  
được chiến công lẫy lừng trong các cuộc chiến tranh  
chống giặc ngoại xâm; đặc biệt là ba lần đánh tan  
quân giặc Nguyên-Mông hùng mạnh, một đế chế  
được các sử gia thế giới đều công nhận là mạnh nhất  
thế giới lúc bấy giờ.  
Sau lần đại thắng quân Nguyên lần thứ nhất  
(1258), không bao lâu Trần Thái Tông băng hà, truyền  
ngôi lại cho Thái tử Trần Hoảng (Trần Thánh Tông)  
tiếp tục trị vì đất nước.  
Hoàng Đế thứ hai của nhà Trần là Trần Thánh  
Tông; tên thật là Trần Hoảng, sinh ngày 25 tháng 9  
âm lịch năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 9 (tức ngày  
12 tháng 10 năm 1240), tại Thăng Long, Đại Việt (Hà  
Nội - Việt Nam). Thái tử Trần Hoảng là con thứ hai,  
nhưng lại là con trưởng dòng đích của Trần Thái Tông.  
Năm 1258, Hoàng thái tử Trần Hoảng tham gia cuộc  
kháng chiến chống giặc Nguyên Mông lần thứ nhất và  
đã giành được nhiều chiến công vang dội.  
Kể từ khi được vua cha Thái Tông truyền ngôi,  
Thánh Tông đã ban hành nhiều chính sách về hành  
chính, kinh tế, giáo dục, quốc phòng, ngoại giao nhằm  
củng cố thực lực của Đại Việt. Vua còn nổi tiếng là một  
vị Hoàng Đế tài ba đức độ. Mùa đông ngày 22 tháng  
72 *Học Đạo Đức Chú thích*Mười âm lịch năm 1278, Trần Thánh Tông nhường  
ngôi cho con trai là Thái tử Trần Khâm, tức Hoàng đế  
Trần Nhân Tông, rồi lên làm Thái thượng hoàng.  
Từ năm 1278 đến 1281, Nhà Nguyên đã ba lần  
sai Lễ bộ thượng thư Sài Thung dụ Trần Nhân Tông  
đến chầu, nhưng vua Trần cự tuyệt. Năm 1282, Thượng  
hoàng cử chú họ là Trần Di Ái thay mặt vua sang chầu  
nhà Nguyên. Không thỏa mãn, Nhà Nguyên cử một số  
quan lại sang giám sát các địa phương của Đại Việt,  
nhưng đều bị Trần Nhân Tông trục xuất. Khoảng cuối  
năm 1282, Hốt Tất Liệt lập Trần Di Ái làm An Nam  
Quốc Vương và sai Sài Thung đem 1.000 quân hộ tống  
Di Ái về nước. Quân của Sài Thung hộ tống Trần Di  
Ái chưa kịp tới kinh thành đã bị Thượng hoàng Thánh  
Tông và vua Nhân Tông sai quân lên biên giới đánh  
cho tan tác, Trần Di Ái bị bắt, nhưng vẫn nghinh đón  
Sài Thung về Thăng Long.  
Sau vụ Trần Di Ái, quan hệ hai nước căng thẳng  
và đến cuối năm 1282, vua Nguyên một mặt cử nguyên  
soái Toa Đô từ Quảng Châu đánh Chiêm Thành, mặt  
khác sai Trấn Nam vương Thoát Hoan tập trung 50 vạn  
quân chuẩn bị “mượn đường đánh Chiêm thành” trên  
thực tế là tấn công Đại Việt. Thượng Hoàng Thánh  
*Học Đạo Đức Chú thích* 73  
Tông và vua Nhân Tông lập tức bắt tay vào việc chuẩn  
bị tổ chức kháng chiến. Cuối tháng 12 năm 1282, khi  
Toa Đô tấn công Chiêm Thành, Thánh Tông và Nhân  
Tông đã gửi 2 vạn quân cùng 500 chiến thuyền sang  
trợ chiến cho người Chiêm.  
Ngày 27 tháng 1 năm 1285, Thoát Hoan đem  
quân tấn công Đại Việt. Lúc đầu quân Đại Việt thua  
trận, nên đã dùng kế sách *vườn không nhà trống* để  
dụ địch, quân địch đến Thăng Long dường như không  
một bóng người. Tại đây quân địch bị hết lương thực  
nên phải tìm vào trong dân để cướp bóc và bị nhân dân  
hợp sức chống trả quyết liệt, do đó khiến cho quân  
giặc tổn thất nặng nề. Bấy giờ đoàn quân của Thượng  
hoàng Thánh Tông và vua Nhân Tông mở nhiều cuộc  
tấn công khiến cho sinh lực địch bị hao tổn nặng nề.  
Ngày 7 tháng 6, Thánh Tông và Nhân Tông thân  
chinh ra Trường Yên, đánh tan một cánh quân của Toa  
Đô. Quân Nguyên thất thế và bị giết “nhiều không kể  
xiết”. Sau chiến thắng Trường Yên, ngày 24 tháng 6,  
vua tôi nhà Trần dùng quân chủ lực tổng tấn công quân  
chủ lực của Toa Đô tại Tây Kết (Khoái Châu). Quân  
ta thắng to, chém chết nguyên soái Toa Đô, bắt được  
hơn 5 vạn quân Nguyên, tịch thu một lượng lớn khí  
giới. Tổng quản quân Nguyên là Trương Hiển đầu  
74 *Học Đạo Đức Chú thích*hàng. Đến nửa đêm, Ô Mã Nhi trốn qua cửa sông Thanh  
Hóa. Thượng hoàng Thánh Tông và vua Nhân Tông  
thúc quân truy kích nhưng không bắt được, Ô Mã Nhi  
dùng thuyền vượt biển thoát thân chạy về nước. Cùng  
lúc đó, Hưng Đạo Vương và anh là Hưng Ninh Vương  
thực hiện nhiều cuộc tấn công lớn trên hướng bắc sông  
Hồng và quét sạch cánh quân Thoát Hoan khỏi Đại  
Việt. Vậy là cuộc chiến tranh vệ quốc của Thượng  
hoàng Thánh Tông và vua Nhân Tông cùng nhân dân  
ta đã toàn thắng lần thứ 2 trước quân giặc Nguyên  
Mông hung hãn và lớn mạnh nhất thế giới lúc bấy giờ.  
Ngày 25 tháng 5 năm Trùng Hưng thứ 6 (tức 3  
tháng 7 năm 1290), Thượng hoàng Thánh Tông băng  
hà tại cung Nhân Thọ, hưởng dương 50 tuổi. Vua Trần  
Nhân Tông an táng Thượng Hoàng ở Dụ Lăng, phủ  
Long Hưng (Tiến Đức, Hưng Hà, Thái Bình ngày nay).  
Triều đình dâng Thượng Hoàng miếu hiệu là Thánh  
Tông và thụy hiệu là Huyền Công Thịnh Đức Nhân  
Minh Văn Vũ Tuyên Hiếu Hoàng đế. Ngày nay ở trung  
tâm thành phố Hà Nội có phố mang tên Thượng hoàng  
“Trần Thánh Tông”.  
(35) *Trần Nhân Tông:* Hoàng Đế thứ ba của nhà  
Trần là Trần Nhân Tông; tên thật là Trần Khâm, sinh  
ngày 7 tháng 12 năm 1258. Trần Nhân Tông được vua  
*Học Đạo Đức Chú thích* 75  
cha Thánh Tông truyền ngôi cho từ lúc chưa đầy 20  
tuổi. Vị hoàng đế trẻ sớm phải đương đầu với hiểm  
họa xâm lăng từ đế quốc Nguyên-Mông hùng mạnh ở  
phương Bắc. Do vậy, ngay sau khi lên ngôi, Trần Nhân  
Tông đã triển khai nhiều biện pháp nhằm nâng cao  
sức mạnh kinh tế và ổn định chính trị - xã hội của  
Đại Việt, đồng thời xây dựng mối quan hệ tích cực  
với nước láng giềng phía nam là Chiêm Thành. Sau  
lần đại thắng quân Nguyên lần thứ hai Năm 1285,  
Trần Nhân Tông tiếp tục cho xây dựng các tuyến  
phòng thủ và phát triển kinh tế, chiêu binh mãi mã,  
đề phòng quân Nguyên tiếp tục xâm phạm bờ cõi.  
Vì cay cú trước hai lần thất bại nặng nề với Đại  
Việt. Khoảng cuối tháng 12 năm 1287, Hoàng đế nhà  
Nguyên là Hốt Tất Liệt đã huy động một lực lượng lớn  
50 vạn quân chia làm 3 đường từ Vân Nam, Quảng  
Tây, Quảng Đông theo hai đường thuỷ bộ để tổng tấn  
công Đại Việt. Quân dân Đại Việt ban đầu gặp nhiều  
tổn thất; nhưng dưới sự chỉ huy tài tình của Trần Nhân  
Tông và Quốc công Tiết chế Trần Hưng Đạo, vua tôi  
nhà Trần đã dần dần xoay chuyển tình thế và đánh bại  
quân Nguyên ra khỏi Đại Việt. Đặc biệt là hai trận đánh  
lớn tại căn cứ Vạn Kiếp và trên sông Bạch Đằng, khiến  
cho quân giặc Nguyên Mông chết nhiều vô số. Trước  
76 *Học Đạo Đức Chú thích*sự tấn công mãnh liệt của vua tôi nhà Trần, quân giặc  
phải tháo chạy ra biển nhưng lại bị quân ta chặn đánh  
tại Bắc Giang và Lạng Sơn khiến cho quân giặc tan tác,  
còn tên nào sống sót thì phải cải trang để chạy trốn về  
nước. Đây là lần thứ ba (tháng 4 năm 1288) nhân dân ta  
đánh bại đế quốc Nguyên Mông hùng mạnh, giữ yên bờ  
cõi, đem lại sự thái bình thịnh trị dài lâu cho nước nhà.  
Sau khi đại thắng quân giặc Nguyên Mông, đến  
ngày 16 tháng 4 năm 1293, Trần Nhân Tông nhường  
ngôi lại cho con là vua Anh Tông rồi lên làm Thái  
Thượng Hoàng. Tới tháng 10 (âm lịch) năm 1299, Trần  
Nhân Tông rời Hoàng cung lên núi Yên Tử để xuất gia  
tu học, lấy pháp danh là Hương Vân Đại Đầu Đà. Trải  
qua một thời gian tu hành khổ hạnh, Trần Nhân Tông  
đã giác ngộ và chứng đạo giải thoát. Từ đó nhằm báo  
đáp Phật ân, Phật Hoàng Nhân Tông đã cho mở Tinh  
xá, khai tràng thuyết pháp để tiếp độ Tăng chúng. Ngài  
còn vân du khắp các miền thôn dã để giáo hóa nhân  
dân bỏ tà theo chính; sau khi được Phật Hoàng khai  
thị, nhân dân nhiều nơi đã bỏ đi những hủ tục lạc hậu,  
mê tín dị đoan,… Trần Nhân Tông được Sử Việt đánh  
giá là một vị vua anh minh, đã có nhiều đóng góp cho  
sự phát triển bền vững của Đại Việt cuối thế kỷ XIII,  
cũng như việc bảo vệ nền độc lập và mở rộng cương  
*Học Đạo Đức Chú thích* 77  
thổ đất nước. Ngoài ra, Trần Nhân Tông cũng là một  
danh tăng, một vị Tổ sư của Phật giáo Việt Nam. Trần  
Nhân Tông còn là 1 trong 14 vị anh hùng tiêu biểu của  
dân tộc Việt Nam.  
Tháng 11 âm lịch (tháng 12 dương lịch) năm 1308,  
Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông viên tịch trên  
đỉnh Ngọa Vân (Yên Tử). Về ngày mất của Điều Ngự,  
sách *Đại Việt sử ký toàn thư* chép là ngày 3 tháng 11 âm  
lịch năm Mậu Thân (tức ngày 16 tháng 12 năm 1308)  
còn sách *Tam Tổ thực lục* và *Thánh đăng ngữ lục* của  
Phật giáo thì nói Điều Ngự viên tịch vào ngày 1 tháng  
11 âm lịch (tức ngày 14 tháng 12 Dương lịch năm 1308).  
(36) *Trần Hưng Đạo:* tên thật là Trần Quốc Tuấn,  
con trai thứ ba của An Sinh Vương Trần Liễu - anh cả  
của Trần Thái Tông - Trần Cảnh, do vậy Trần Quốc  
Tuấn gọi Trần Thái Tông bằng chú ruột. Cho đến nay  
vẫn không rõ mẹ của Trần Quốc Tuấn là ai, có một số  
giả thiết đó là Thiện Đạo quốc mẫu, huý là Nguyệt,  
một người trong tôn thất họ Trần. Do chính thất khi  
trước của Trần Liễu là công chúa Thuận Thiên trở  
thành Hoàng hậu của Trần Thái Tông, nên Thiện Đạo  
quốc mẫu trở thành kế phu nhân. Sau khi Trần Liễu  
mất (1251), theo “Trần triều thế phả hành trạng” thì  
bà Trần Thị Nguyệt đã xuất gia làm ni sư, hiệu là Diệu  
78 *Học Đạo Đức Chú thích*Hương. Quốc Tuấn có người mẹ nuôi đồng thời là cô  
ruột là Thụy Bà công chúa.  
Trần Quốc Tuấn sinh ra ở thôn Tức Mặc (phường  
Lộc Vượng, thành phố Nam Định ngày nay), nhưng  
năm sinh của Hưng Đạo Vương cho đến nay vẫn chưa  
rõ ràng. Có tài liệu cho rằng là năm 1228, trong khi  
số khác cho rằng là năm 1230, hay thậm chí 1231.  
Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn được cho là người  
có dung mạo khôi ngô, tuấn tú lại thông minh tài trí  
hơn người. Ông là người có công rất lớn trong cả ba  
lần đánh tan quân giặc Nguyên-Mông vào những năm  
1258, 1285, 1287, một đế quốc hùng mạnh thời kì đó.  
Tháng 4 âm lịch năm 1289, Trần Nhân Tông  
chính thức gia phong ông làm “Đại Vương” dù chức  
quyền đứng đầu triều đình khi đó vẫn thuộc về Thượng  
tướng Thái sư Chiêu Minh Đại vương Trần Quang  
Khải. Sau đó, ông lui về Vạn Kiếp cho đến khi mất  
năm 1300. Trước lúc lâm chung, ông khuyên Trần Anh  
Tông: “Phải khoan thứ sức dân để làm kế sâu rễ bền  
gốc”. Ngoài ra, ông còn để lại các tác phẩm kinh điển  
như *Hịch tướng sĩ*, *Binh thư yếu lược* và *Vạn Kiếp  
tông bí truyền thư*, đặt nền móng cho nghệ thuật quân  
sự Việt Nam kể từ thời Trần đến tận ngày nay.  
*Học Đạo Đức Chú thích* 79  
(37) *Trần Quang Khải:* sinh vào tháng 10 âm lịch,  
năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 10 (1241). Ông là con  
thứ ba của vua Trần Thái Tông, mẹ là Thuận Thiên  
Hoàng Hậu (con gái trưởng Lý Huệ Tông). Ông là em  
cùng mẹ với thái tử Trần Hoảng, tức vua Trần Thánh  
Tông. Trần Quang Khải là một nhà chính trị, quân sự,  
ngoại giao, là tôn thất hoàng gia Đại Việt thời Trần.  
Ông làm đến chức Thừa tướng đời Trần Thánh Tông,  
Trần Nhân Tông và Trần Anh Tông, trông coi mọi việc  
trong nước.  
Trong kháng chiến chống Nguyên-Mông (1285),  
Hoàng đế Trần Nhân Tông phong ông chức Thượng  
tướng Thái sư; ông giữ vai trò nổi bật trong trận phòng  
thủ Thanh Hóa, Nghệ An và trận đánh tan quân Nguyên  
tại Chương Dương độ (bến Chương Dương). Ông được  
Trần Thánh Tông khen là người bề tôi trung hiếu hiếm  
có; ngoài ra, sách *Lịch triều hiến chương loại chí* của  
Phan Huy Chú ghi nhận: “Công lao thu phục được  
nước, ông đứng thứ nhất”. Ông còn là người học rộng,  
giỏi thơ phú. Đất nước hòa bình, Quang Khải tiếp tục  
ở ngôi Thái sư, cùng Thái úy Tá Thiên Đại vương  
Trần Đức Việp (con trai thứ của Trần Thánh Tông)  
cai quản việc nước. Tới ngày 3 tháng 7 âm lịch năm  
Hưng Long thứ hai (tức 26 tháng 7 năm 1294) đời vua  
80 *Học Đạo Đức Chú thích*Trần Anh Tông, ông qua đời. Ông và vợ được chôn cất  
tại thái ấp của mình, được thờ làm Thành hoàng làng  
Cao Đài xã Mỹ Thành, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.  
(38) *Hồ Quý Ly (1336-1407),* lấy tên húy Hồ  
Nhất Nguyên, là vị hoàng đế đầu tiên của nhà nước  
Đại Ngu trong lịch sử Việt Nam. Năm 1400, Hồ  
Quý Ly chiếm ngôi nhà Trần, đặt quốc hiệu là Đại  
Ngu, chưa được 1 năm trao ngôi cho con và làm Thái  
Thượng Hoàng nhưng vẫn nắm đại quyền. Hồ Quý  
Ly đã đề ra những cải cách về hành chính, kinh tế,  
quân sự và đã chuyển kinh đô từ Thăng Long về  
Thanh Hóa. Mười tháng sau khi lên ngôi, ông đã phát  
binh thảo phạt Chiêm Thành, qua hai lần phát binh,  
chiếm được hai châu Đại Chiêm và Cổ Lũy (1402).  
Năm sau (1403), ông còn cho đại quân bao vây Đồ  
Bàn nhưng không thắng. Đến năm 1406, nhà Minh  
đưa quân xâm lược Đại Ngu. Do không được lòng  
dân, binh sĩ bất mãn nên quân nhà Hồ thất bại nhanh  
chóng, lui dần về phía Nam và thất bại hoàn toàn vào  
năm 1407, khi cha con Hồ Quý Ly đều bị quân Minh  
bắt và giải về Trung Quốc, sau chết tại Trung Quốc.  
(39) *Bình Định Vương:* tức Lê Lợi sinh ngày 6  
tháng 8 năm 1385, người làng Lam Giang hay Lam Sơn,  
*Học Đạo Đức Chú thích* 81  
huyện Lương Giang, phủ Thanh Hóa (nay là huyện Thọ  
Xuân, tỉnh Thanh Hóa). Giai đoạn này nước ta đang  
bị ách áp bức thống trị và đô hộ của nhà Minh phương  
Bắc. Khi nhà Minh đánh bại hoàn toàn nhà Hồ đã kêu  
gọi Lê Lợi ra làm quan cho họ nhưng Lê Lợi từ chối.  
Năm 1416, Lê Lợi đã cùng 18 người khác tham gia  
hội thề Lũng Nhai nguyện đánh quân Minh cứu nước.  
Lê Lợi nhận thấy thế quân Minh còn mạnh, nên  
đem nhiều tiền của hối lộ cho các chỉ huy nhà Minh là  
Trương Phụ, Trần Trí, Sơn Thọ... để khỏi bị nghi ngờ  
và chờ thời cơ. Thổ quan người Việt phục vụ cho nhà  
Minh là Lương Nhữ Hốt quê ở huyện Cổ Đằng (nay là  
Hoằng Hóa, Thanh Hóa) biết Lê Lợi có chí lớn, ngầm  
ghen ghét, bèn báo cho quân Minh. Bị quân Minh bức  
bách, Lê Lợi quyết định dấy binh khởi nghĩa. Sau khi  
khởi nghĩa, Ông tự xưng là Bình Định vương, đặt quan  
chức và liêu thuộc, phát hịch các nơi xa gần cùng tham  
gia khởi nghĩa, giành lấy chính quyền Đại Việt. Thời kì  
hoạt động ở vùng thượng du Thanh Hóa, Lê Lợi tổ chức  
quân đội bằng cách lập các đạo binh phụ tử gồm ba  
binh chủng: Quân thiết đột, quân dũng sĩ, quân nghĩa  
sĩ, mỗi binh chủng có hai trăm người.  
Sau nhiều trận đánh vang dội, vua tôi Bình Định  
Vương toàn thắng. Ngày 15 tháng 4 âm lịch năm 1428,  
82 *Học Đạo Đức Chú thích*Lê Lợi từ điện Tranh ở Bồ Đề vào thành Đông Quan,  
đại xá thiên hạ, đổi niên hiệu là Thuận Thiên, đặt  
quốc hiệu là Đại Việt, lấy Đông Kinh làm thủ đô,  
xưng là Thuận Thiên Thừa Vận Duệ Văn Anh Vũ Đại  
Vương, hiệu là Lam Sơn động chủ, sử gọi là Thái Tổ  
Cao Hoàng đế, dựng lên Hoàng triều Lê (sử Việt Nam  
hiện đại thường gọi là nhà Hậu Lê).  
Lê Thái Tổ ở ngôi được 5 năm thì qua đời vào  
ngày 22 tháng 8 âm lịch (ngày 7 tháng 9 dương lịch)  
năm Quý Sửu (1433), hưởng dương 49 tuổi. Vì nhớ  
công Lê Lai chết thay cho mình ở núi Chí Linh trước  
kia, ông dặn lại đời sau phải giỗ Lê Lai trước khi giỗ  
ông một ngày. Bởi thế đời sau truyền lại câu: “Hăm  
mốt Lê Lai, hăm hai Lê Lợi”. Lê Lợi được an táng tại  
Vĩnh Lăng, Lam Sơn và được tôn miếu hiệu là Thái  
Tổ, thụy hiệu là Thống Thiên Khải Vận Thánh Đức  
Thần Công Duệ Văn Anh Vũ Khoan Minh Dũng Trí  
Hoàng Nghĩa Chí Minh Đại Hiếu.  
(40) *Mạc Đăng Dung:* sinh ngày 23 tháng 11 năm  
1483, là nhà chính trị, Hoàng đế sáng lập ra triều đại  
nhà Mạc trong lịch sử Việt Nam. Mạc Đăng Dung  
bước vào đường quan lộ sau khi thi đậu Võ trạng  
nguyên trong cuộc thi tuyển võ sĩ tại Giảng Võ đường  
*Học Đạo Đức Chú thích* 83  
ở Thăng Long dưới triều vua Lê Uy Mục. Chỉ trong  
khoảng 20 năm, từ một võ quan cấp thấp không có thế  
lực dưới thời Lê Uy Mục, nhờ tài thao lược và mưu  
trí, Mạc Đăng Dung đã vươn tới tột bậc quyền lực vào  
năm 1527 khi được thăng tới chức Thái sư tước An  
Hưng vương thời vua Lê Cung Hoàng. Xuất thân hàn  
vi, lập thân bằng đường binh nghiệp, Mạc Đăng Dung  
là người có công đầu trong việc tạo lập lại thế ổn định  
và đà phát triển của xã hội cũng như chính trường Đại  
Việt sau hơn 20 năm hỗn loạn đầu thế kỷ XVI. Việc  
phế bỏ và đoạt vương quyền của họ Lê, dòng họ đã để  
lại những dấu ấn sâu đậm đối với lịch sử dân tộc, cắt  
đất cầu hòa, quỳ lạy một viên quan Trung Quốc, nhận  
lịch sóc Trung Quốc, nhận chức An Nam đô thống ti  
sứ, tức coi Đại Việt như một tỉnh của Trung Quốc, đã  
khiến Mạc Đăng Dung trở thành tâm điểm chỉ trích  
của các sử gia, họ coi ông như tội đồ của đất nước. Sau  
khi lên biên giới để cắt đất quy hàng Phương Bắc trở  
về, ngày 22 tháng 8 năm 1541, Mạc Đăng Dung qua  
đời. Trước khi mất, ông có để lại di chúc không làm  
đàn chay cúng Phật và khuyên Mạc Phúc Hải phải  
nhanh chóng về kinh sư để trấn an nhân tâm và xã tắc.  
(41) *Qua Lê sơ, tới Lê mạt:* Đầu thế kỷ XVI, nhà  
Hậu Lê suy yếu. Sau khi các cuộc khởi nghĩa Trần  
84 *Học Đạo Đức Chú thích*Tuân, cha con Trần Cảo bị dẹp, quyền hành lọt vào tay  
các tướng lĩnh. Các tướng chia bè kết phái đem quân  
đánh giết lẫn nhau. Lê Ninh là con trai duy nhất của vua  
Lê Chiêu Tông. Năm 1527, Mạc Đăng Dung soán ngôi  
nhà Lê. Lê Ninh cùng mẹ được quan đại thần Lê Quán  
cõng chạy trốn sang Ai Lao (Lào). Năm 1533, cựu thần  
nhà Hậu Lê là Nguyễn Kim không phục nhà Mạc, chạy  
vào Thanh Hóa lập lực lượng riêng rồi đón lập Lê Ninh  
tại Ai Lao, tức là Lê Trang Tông, tái lập nhà Hậu Lê.  
Vừa lên ngôi, Trang Tông bàn luận về công tôn  
phò lập Nguyễn Kim làm Thượng phụ Thái sư Hưng  
quốc công, nắm giữ binh quyền; Đinh Công làm Thiếu  
úy Hùng quốc công, các tướng khác đều được phong  
thưởng theo thứ bậc. Trang Tông dựa vào vua Sạ Đẩu  
nước Ai Lao để mộ quân, trưng lương chống lại họ Mạc.  
Năm 1539, Trang Tông lập con rể Nguyễn Kim  
là Trịnh Kiểm, làm Dực quốc công, cùng Trịnh Công  
Năng và Lại Thế Vinh cùng đánh họ Mạc. Ngày 29  
tháng 1 năm 1548, vua Trang Tông mất, Thái tử Huyên  
(Lê Trung Tông) lập tức kế vị, lấy niên hiệu Thuận  
Bình. Ông lên ngôi khi mới 13 tuổi, và mọi việc do  
Thái sư Lượng quốc công Trịnh Kiểm lo liệu. Dưới thời  
vua Trung Tông, vùng kiểm soát của nhà Lê tiếp tục  
được mở rộng, tiếng tốt vang xa đến tận Thăng Long.  
*Học Đạo Đức Chú thích* 85  
Năm 1551, tướng nhà Mạc là Lê Bá Ly cùng  
thông gia Nguyễn Thiến đem gia quyến và 14.000 quân  
chạy vào Thanh Hóa theo Lê Trung Tông. Năm 1554,  
Trịnh Kiểm điều quân đánh Thuận Hóa. Quân Mạc bị  
đánh tan, nhà Lê lấy lại được cả Thuận Hóa và Quảng  
Nam. Từ đó, lãnh thổ Đại Việt chính thức chia làm 2  
phần: từ Ninh Bình trở ra trong tay nhà Mạc gọi là “Bắc  
triều”, từ Thanh Hóa trở vào Nam gọi là “Nam triều”.  
Ngày 24 tháng 1 năm Bính Thìn (1556), Trung  
Tông băng hà tại hành cung Vạn Lại, thọ 22 tuổi, được  
an táng tại Diên Lăng, miếu hiệu là Trung Tông, thụy  
là Vũ Hoàng đế. Trong giai đoạn lịch sử Nam Bắc phân  
tranh này, nhân dân ta phải chịu không biết bao nhiêu  
nỗi thống khổ bởi các cuộc nội chiến kéo dài. Thời kỳ  
này lịch sử Việt Nam gọi là thời kỳ Lê mạt.  
(42) *Cung vua Lê, phủ chúa Trịnh:* Nhà Mạc từ khi  
đoạt ngôi nhà Lê năm 1527, trị vì được 5 đời, trải qua  
65 năm, tới đời Mạc Mậu Hợp thì bị vua Lê Hy Tông  
và chúa Trịnh Tạc đem quân tiến đánh bắt được và  
giết năm 1592, từ đây chấm dứt sự thoán đoạt của nhà  
Mạc để dần chuyển sang sự tiếm quyền của nhà Trịnh.  
Nhà hậu Lê (Lê mạt) giai đoạn này được coi là  
thịnh đạt nhất, yên bình nhất. Nhà Nguyễn đàng trong  
cũng tạm thời không đem quân quấy phá. Hai chúa  
86 *Học Đạo Đức Chú thích*Trịnh - Nguyễn tạm giảng hòa với nhau để xây dựng  
kinh tế, ổn định bờ cõi, yên lòng dân chúng.  
Trước khi mất, Lê Hy Tông đã truyền ngôi cho  
Thái tử là Lê Duy Đường, Duy Đường lên nối ngôi lấy  
hiệu là Lê Dụ Tông (1705-1728). Năm 1718, sứ Nhà  
Thanh sang Đại Việt phong cho vua Lê Dụ Tông làm  
An Nam quốc vương. Năm 1727, chúa Trịnh Cương  
bức Lê Dụ Tông phế bỏ Trưởng hoàng tử Duy Tường,  
lập con trai của chính cung Trịnh Thị Ngọc Trang (con  
gái Trịnh Cương) là Lê Duy Phường làm Hoàng thái  
tử. Từ đó, vua Dụ Tông cảm thấy oán hận không thích  
Trịnh Cương.  
Ngày 20 tháng 4 năm Kỷ Dậu (1729), vua Dụ  
Tông bị chúa Trịnh Cương ép nhường ngôi cho Thái tử  
Lê Duy Phường rồi ra ở cung Kiền Thọ, xưng là Thuận  
Thiên thừa vận Hoàng thượng. Đến tháng Giêng năm  
Tân Hợi (1731) thì ông qua đời, hưởng thọ 52 tuổi,  
truy tôn là Hòa Hoàng đế, miếu hiệu Dụ Tông. Sau  
thời vua Lê Dụ Tông, nhà hậu Lê còn có tổng cộng 5  
đời vua nữa là Hôn Đức Công (1729-1732), Lê Thuần  
Tông (1733-1735), Lê Ý Tông (1735-1740), Lê Hiển  
Tông (1740-1786), Lê Chiêu Thống (1787-1789) thì  
hết thời hậu lê (Lê mạt). Trong giai đoạn này, đất nước  
*Học Đạo Đức Chú thích* 87  
ta thường gọi là giai đoạn *“vận nước như dây cuốn”*, có  
cung Vua Lê và phủ Chúa Trịnh.  
(43) *Nguyễn Huệ (1753-1792)* (tức vua Quang  
Trung) miếu hiệu Thái Tổ, xưng là Bắc Bình Vương,  
tên thật là Nguyễn Huệ sau đổi tên là Nguyễn Quang  
Bình, là vị Hoàng đế thứ hai của nhà Tây Sơn, sau khi  
Thái Đức Hoàng đế Nguyễn Nhạc thoái vị và nhường  
ngôi cho ông. Quang Trung không chỉ là một trong  
những vị tướng lĩnh quân sự xuất sắc mà còn là một  
nhà lãnh đạo tài ba. Ông đã đưa ra nhiều chính sách  
cải cách kinh tế, xã hội nổi bật trong lịch sử Việt Nam.  
Nguyễn Huệ và hai người anh em của ông, được  
biết đến với tên gọi “Tây Sơn tam kiệt”, là những vị  
lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Tây Sơn; chấm dứt cuộc nội  
chiến Trịnh - Nguyễn phân tranh, giữa dòng họ Trịnh  
ở phía Bắc và họ Nguyễn ở phía Nam, lật đổ hai dòng  
họ này cùng nhà Hậu Lê, chấm dứt tình trạng phân  
biệt “Đàng Trong” - “Đàng Ngoài” kéo dài suốt 2 thế  
kỷ. Ngoài ra, Quang Trung còn là người đánh bại các  
cuộc xâm lược Đại Việt của Xiêm La từ phía Nam,  
và Đại Thanh từ phía Bắc. Bản thân ông đã cầm quân  
chiến đấu từ năm 18 tuổi, trong 20 năm liền đã trải  
qua vài chục trận đánh lớn, nhưng chưa hề thua một  
88 *Học Đạo Đức Chú thích*trận nào. Ba lần đem quân ra Bắc hộ giá vua Lê, ba lần  
đem quân về Nam để bình định đàng trong. Cuối cùng  
Quang Trung Nguyễn Huệ đã thành công, thống nhất  
đất nước và lên ngôi xưng Hoàng Đế vào tháng 11 năm  
1788, hiệu là Quang Trung năm thứ 1.  
Nguyễn Huệ đích thực là một vị anh hùng của  
dân tộc, một con người tài đức vẹn toàn, thật chẳng  
may ông lại qua đời sớm. Ngày 29 tháng 7 năm Nhâm  
Tý (16 tháng 9 năm 1792), vào khoảng 11-12 giờ đêm,  
Quang Trung Nguyễn Huệ qua đời, ở ngôi được 4 năm,  
hưởng dương 40 tuổi, thuỵ hiệu là Vũ hoàng đế.  
Như vậy, trải qua 3 đời vua, kể từ Thái Đức Hoàng  
đế Nguyễn Nhạc, Quang Trung Hoàng đế Nguyễn Huệ,  
Cảnh Thịnh Hoàng đế Quang Toản, chỉ tồn tại 25 năm.  
Dù trải qua bao biến cố thăng trầm của lịch sử, nhưng  
đại đa số người dân Việt Nam đều coi Quang Trung  
Hoàng đế Nguyễn Huệ là một trong những vị vua tài  
ba, mưu trí, dũng cảm, tài đức vẹn toàn của Việt Nam.  
(44) *Nguyễn Hoàng:* là người ở làng Gia Miêu,  
huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung, xứ Thanh Hóa, là con  
trai thứ của Nguyễn Kim và bà chính thất Nguyễn Thị  
Mai. Năm 1527, xảy ra sự biến Mạc Đăng Dung cướp  
ngôi vua Lê Cung Hoàng, lúc ấy Nguyễn Hoàng mới  
*Học Đạo Đức Chú thích* 89  
lên 2 tuổi. Nguyễn Kim đã phải tránh sang Lào để xây  
dựng lực lượng, tìm cách khôi phục nhà Lê. Nguyễn  
Kim để Nguyễn Hoàng lại cho người anh vợ là Thái  
phó Nguyễn Ư Dĩ nuôi dưỡng.  
Năm 1533, Nguyễn Kim đón con trai của Lê  
Chiêu Tông là Lê Ninh và lập làm vua, tức vua Lê  
Trang Tông, nhờ công ấy ông được phong làm Thượng  
phụ thái sư Hưng Quốc Công Chưởng Nội Ngoại Sự.  
Năm 1540, Nguyễn Kim dẫn vua về Nghệ An, hào kiệt  
theo rất đông, năm 1543, lại dẫn quân về lấy đất Thanh  
Hóa. Nguyễn Hoàng được Nguyễn Ư Dĩ hết lòng bảo  
hộ, và khi lớn lên, thường được khuyến khích với những  
câu chuyện xây dựng sự nghiệp. Khi làm quan cho  
triều Lê, Nguyễn Hoàng được phong làm Hạ Khê Hầu  
và cử quân đánh nhà Mạc, lúc ấy quyền bính đang trong  
tay chúa Mạc Phúc Hải (con trưởng Mạc Đăng Doanh).  
Vừa lần đầu xuất quân, Nguyễn Hoàng đã chém được  
tướng nhà Mạc là Trịnh Chí ở huyện Ngọc Sơn (Tĩnh  
Gia - Thanh Hóa ngày nay). Khi khải hoàn, còn được vua  
Lê Trang Tông khen rằng: “thực là hổ phụ sinh hổ tử”.  
Năm 1545, vua Trang Tông phong Lượng quốc  
công Trịnh Kiểm, chồng của Nguyễn Thị Ngọc Bảo (chị  
ruột Nguyễn Hoàng) làm Thái sư. Họa vô đơn chí, trong  
90 *Học Đạo Đức Chú thích*cùng một năm trước là cha bị đầu độc chết, giờ là anh  
đều bị Trịnh Kiểm giết chết. Nhận thấy sự nguy hiểm  
này, nên Nguyễn Hoàng cáo bệnh, cốt giữ mình kín đáo  
để Trịnh Kiểm khỏi nghi ngờ. Sau khi bàn mưu với cậu  
là Nguyễn Ư Dĩ, Nguyễn Hoàng ngầm sai sứ giả tới hỏi  
Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm. Trạng Trình nhìn cái  
núi non bộ ở trước sân mà ngâm lớn rằng: “Hoành sơn  
nhất đái, vạn đại dung thân”, nghĩa là: Một dải núi ngang  
có thể dung thân muôn đời được. Khi sứ giả về thuật lại  
câu ấy, Nguyễn Hoàng hiểu ý ngay. Ông nhờ chị gái  
Ngọc Bảo xin Trịnh Kiểm cho vào trấn thủ ở Thuận  
Hóa (khu vực từ Quảng Bình đến Thừa Thiên-Huế ngày  
nay) và đã được Trịnh Kiểm cùng vua Lê Trang Tông  
chấp thuận. Lúc Nguyễn Hoàng cùng những người  
đồng hương ở Tống Sơn, những người nghĩa dũng ở  
Thanh Hóa mới vào đến bãi cát Ái Tử, người dân ở đây  
đã đem dâng 7 chum nước trong. Nguyễn Ư Dĩ mừng  
rỡ nói: “Đấy là phúc trời cho đó. Việc trời tất có hình  
tượng. Nay chúa thượng mới đến mà dân đem “nước”  
dâng lên, có lẽ là điềm “được nước” đó chăng?”  
Với tầm nhìn xa của người mở cõi, năm 1597,  
Nguyễn Hoàng (lúc này đang ở đất Bắc giúp vua Lê  
ứng phó với quân Mạc và bang giao với nhà Minh) đã  
*Học Đạo Đức Chú thích* 91  
có công văn lệnh cho Lương Văn Chánh, Tri huyện  
Tuy Viễn, trấn An Biên (nay thuộc tỉnh Bình Định)  
triệu tập lưu dân vào khai khẩn vùng đất Phú Yên,  
đồng thời căn dặn không được sách nhiễu dân: “Kết  
lập gia cư địa phận, khai khẩn ruộng đất hoang cho  
tới khi thành thục mới nộp thuế như lệ thường. Nhược  
bằng vì việc mà nhiễu dân, điều tra ra sẽ bị xử tội”.  
Không chỉ dựa vào dân, Nguyễn Hoàng còn  
vỗ về dân, yên dân, đặc biệt là biến giặc thành dân.  
Nguyễn Hoàng ngoài tài lãnh đạo, còn có lòng nhân  
đức nên dân chúng Thuận Hóa rất cảm mến, họ gọi ông  
là “Chúa Tiên”, mặc dù lúc bấy giờ mới chỉ có tước  
hiệu Đoan Quốc Công mà triều đình ban cho.  
Nguyễn Hoàng trấn thủ đất Thuận Quảng được  
55 năm, tới năm 1613, ông lâm bệnh nặng và mất,  
thọ 89 tuổi, vua Lê ban tước Cẩn Nghĩa Công, thụy là  
Cung Ý. Ban đầu mộ của Nguyễn Hoàng táng ở vùng  
núi Thạch Hãn, huyện Hải Lăng, phủ Triệu Phong (nay  
thuộc huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị), về sau được  
cải táng lăng mộ chuyển về núi La Khê, tức Khải Vận  
Sơn (nay thuộc huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên  
Huế). Có thể nói Nguyễn Hoàng là một nhà chính trị  
tài ba lỗi lạc, có tầm nhìn xa, trông rộng. Nhờ có Ông  
92 *Học Đạo Đức Chú thích*là người đặt nền tảng vững chắc cho nên sau này con  
cháu của ông là Nguyễn Ánh đã thống nhất giang sơn,  
mở rộng bờ cõi, tạo nên một đất nước Việt Nam tươi  
đẹp, hùng cường hình chữ “S” như ngày hôm nay.  
(45) *Vua Nguyễn Ánh:* tên húy là Nguyễn Phúc  
Ánh, sinh ngày 8 tháng 2 năm 1762, mất ngày 3 tháng 2  
năm 1820. Ông là vị Hoàng đế sáng lập ra nhà Nguyễn,  
triều đại quân chủ cuối cùng trong lịch sử Việt Nam.  
Ông trị vì từ năm 1802 đến khi qua đời năm 1820.  
Trong suốt thời gian trị vì, ông chỉ sử dụng một niên  
hiệu là Gia Long, nên thường được gọi là vua Gia Long.  
Nguyễn Ánh là cháu nội của chúa Nguyễn Phúc  
Khoát, vị chúa Nguyễn áp chót ở Đàng Trong. Sau khi  
gia tộc chúa Nguyễn bị quân Tây Sơn lật đổ vào năm  
1777, ông trốn chạy và bắt đầu cuộc chiến 25 năm với  
Tây Sơn để khôi phục ngôi vị. Ban đầu Nguyễn Ánh  
chịu nhiều thất bại lớn, phải nhận làm chư hầu để cầu  
viện quân Xiêm La đánh vào Nam Bộ, rồi lại hứa cắt  
lãnh thổ đất nước cho Pháp để nước này xuất quân  
sang đánh Tây Sơn, ông cũng từng hỗ trợ 50 vạn cân  
gạo cho quân Thanh khi đội quân này kéo sang nước  
Đại Việt đánh nhà Tây Sơn. Về sau, trước cái chết đột  
ngột của vua Quang Trung và sự suy yếu của quân Tây  
*Học Đạo Đức Chú thích* 93  
Sơn, ông đã giữ vững được Nam Hà (chỉ vùng đất đàng  
trong, từ con Sông Gianh trở vào) và đến năm 1802 thì  
đánh bại nhà Tây Sơn, rồi lên ngôi Hoàng Đế, lập ra  
nhà Nguyễn, thống nhất đất nước và kết thúc nhiều thế  
kỷ nội chiến ở Việt Nam.  
Chính vì việc cầu viện bên ngoài mà Nguyễn  
Ánh cùng với Lê Chiêu Thống là hai ông vua trong lịch  
sử Việt Nam đã dẫn đường cho quân đội ngoại quốc  
đánh vào lãnh thổ đất nước. Việc cầu viện ngoại xâm  
nhằm khôi phục ngôi vị Chúa Nguyễn, vì quyền lợi  
dòng họ mà phản lại lợi ích dân tộc đã khiến ông bị  
giới sử học Việt Nam sau này chỉ trích gay gắt. Nhưng  
cũng có quan điểm nhìn nhận khách quan về ông, họ  
cho rằng nhờ Nguyễn Ánh mà cuộc nội chiến mấy trăm  
năm của đất nước mới được chấm dứt, đồng thời cũng  
nhờ có ông mà lãnh thổ của đất nước được thống nhất  
và mở rộng như ngày hôm nay.  
(46) *Việt Nam* (越南)*:* Quốc Hiệu Việt Nam chính  
thức xuất hiện vào thời nhà Nguyễn. Vua Gia Long sau  
khi thống nhất đất nước đã dâng biểu, tấu trình với vua  
Càn Long của nhà Thanh công nhận quốc hiệu của  
nước ta là Nam Việt nhưng Càn Long không nghe và  
94 *Học Đạo Đức Chú thích*cho rằng sợ đời sau lại hiểu lầm với nước Nam Việt  
cũ thời nhà Triệu (đang trong nội giới của nhà Thanh,  
hiện chính là tỉnh Vân Nam, Quý Châu, Quảng Đông,  
Quảng Tây, Hồ Nam, Hồ Bắc, Phúc Kiến, Giang Tây,  
Chiết Giang, An Huy của Trung Quốc) nên không đồng  
ý và khuyên Nguyễn Ánh đổi tên khác, do đó Nguyễn  
Ánh cho đổi lại Quốc hiệu là Việt Nam.  
Năm Giáp Tý, niên hiệu Gia Long năm thứ 3  
(1804), nhà Thanh năm Gia Khánh thứ 9, mùa xuân,  
tháng Giêng, Sứ nhà Thanh là án sát Quảng Tây Tề Bố  
Sâm đến cửa Nam Quan. Trước đó mùa hạ năm Nhâm  
Tuất (1801), vua Gia Long sai Trịnh Hoài Đức vượt  
biển đưa những sắc ấn của nhà Tây Sơn trả lại cho nhà  
Thanh. Sau đó lại sai Lê Quang Định sang xin phong  
và xin đổi quốc hiệu, nội dung của tấu chương như  
sau: *“Các đời trước mở mang cõi viêm bang, mỗi ngày  
một rộng, bao gồm cả các nước Việt Thường, Chân  
Lạp, dựng quốc hiệu là Nam Việt, truyền nối hơn 200  
năm. Nay đã quét sạch miền Nam, vỗ yên được toàn  
cõi Việt, nên khôi phục hiệu cũ để chính danh tốt”*.  
Vua Thanh cho rằng chữ ***Nam Việt*** giống chữ Đông  
Tây Việt và nước Nam Việt cũ nên không đồng ý...  
Bấy giờ Nguyễn Ánh đã cho đổi tên nước thành Việt  
*Học Đạo Đức Chú thích* 95  
Nam. Vua Càn Long của nhà Thanh gửi thư lại nói:  
*“Khi trước mới có Việt Thường đã xưng Nam Việt, nay  
lại được toàn cõi An Nam, theo tên mà xét thực thì nên  
tóm cả đất đai mở mang trước sau, mà đặt tên cho tốt,  
định lấy chữ Việt ở trên để tỏ rằng nước Việt nhân đất  
cũ mà nối được tiếng thơm đời trước, lấy chữ Nam đặt  
ở dưới để tỏ rằng nước Nam mở cõi Nam giao mà chịu  
mệnh mới, tên* ***“Việt Nam”*** *xưng chính đại, chữ nghĩa tốt  
lành, mà đối với tên gọi cũ của Lưỡng Việt ở nội địa  
(Trung Quốc) lại phân biệt hẳn”*.  
Ngày Quý Mão, làm đại lễ bang giao... Sứ giả  
nhà Thanh đến, vào điện Kính Thiên làm lễ tuyên  
phong... Tháng 2, đặt quốc hiệu là Việt Nam. Sách  
Đại Nam Thực Lục viết: *“Ngày 17 tháng 2 năm nay  
(1804), kính cáo Thái miếu, cải chính quốc hiệu là****“Việt Nam”****, để dựng nền lớn, truyền lâu xa. Phàm  
công việc nước ta việc gì quan hệ đến quốc hiệu và thư  
từ báo cáo với nước ngoài, đều lấy* ***Việt Nam*** *làm tên  
nước, không được quen xưng hiệu cũ là An Nam nữa”*.  
*(Đại Nam thực lục. Bản dịch của Trung tâm khoa học  
xã hội và nhân văn quốc gia, Viện sử học Quốc sử quán  
triều Nguyễn, Tổ Phiên dịch Viện Sử học phiên dịch.  
Nhà xuất bản Giáo Dục xuất bản năm 2007. Tập 01).*  
96 *Học Đạo Đức Chú thích  
Tiện đây xin cung cấp thông tin về Quốc hiệu  
(tên nước) Việt Nam từ khi dựng nước, giữ nước, bị  
thống trị và độc lập để chúng ta tham khảo.*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Tên gọi** | **Triều Đại/ Chế độ** | **Người đặt tên** |
| 2879 - 2524 TCN *(356 năm) (nghi vấn)* | Xích Quỷ | Hồng Bàng Thị | Kinh Dương Vương |
| 2524 - 258 TCN *(2267 năm) (nghi vấn)* | Văn Lang | Hùng Vương thứ I |  |
| 257 - 207 (hoặc 179) TCN *(50 năm)* | Âu Lạc | Nhà Thục | Thục Phán An Dương Vương |
| 204 - 111 TCN *(93 năm)* | Nam Việt | Nhà Triệu *(Có quan điểm từ đây đã bắt đầu Bắc thuộc lần thứ nhất)* | Triệu Đà |
| 111 TCN - 40 CN *(151 năm)* | *Bộ Giao Chỉ* | *Bắc Thuộc Lần I* | - |
| 40 - 43 *(3 năm)* | Lĩnh Nam | Hai Bà Trưng | Trưng Trắc |
| 43 - 203 *(160 năm)* | *Bộ Giao Chỉ* | *Bắc thuộc lần 2* | - |
| 203 - 544 *(341 năm)* | Giao Châu | *Bắc thuộc lần 2* | - |
| 544 - 602 *(58 năm)* | Vạn Xuân | Nhà Tiền Lý | Lý Bí |

*Học Đạo Đức Chú thích* 97

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Tên gọi** | **Triều Đại/ Chế độ** | **Người đặt tên** |
| 602 - 607 *(5 năm)* | *Giao Châu* | *Bắc thuộc lần 3* | - |
| 607 - 622 *(15 năm)* | *Quận Giao Chỉ* |  |  |
| 622 - 679 *(57 năm)* |  |  |  |
| 679 - 757 *(78 năm)* | *An Nam* |  |  |
| 757 - 766 *(9 năm)* | *Trấn Nam* |  |  |
| 766 - 866 *(100 năm)* | *An Nam* |  |  |
| 866 - 905 *(39 năm)* | *Tĩnh Hải quân* |  |  |
| 905 - 968 *(63 năm)* | *Tĩnh Hải quân* | Khúc Thừa Dụ và Họ Khúc |  |
| Dương Đình Nghệ và họ Dương |  |  |  |
| Ngô Quyền và họ Ngô |  |  |  |
| 968 - 1054 *(86 năm)* | Đại Cồ Việt | Nhà Đinh | Đinh Bộ Lĩnh |
| Nhà Tiền Lê | Lê Đại Hành |  |  |
| Đầu Nhà Lý | Lý Công Uẩn |  |  |
| Nhà Lý |  |  |  |
| 1054 - 1400 *(346 năm)* | Đại Việt | Nhà Lý | Lý Nhật Tôn |
| Nhà Trần |  |  |  |
| 1400 - 1407 *(7 năm)* | Đại Ngu | Nhà Hồ | Hồ Quý Ly |
| 1407 - 1427 *(20 năm)* | *Giao Chỉ* | Nhà Hậu Trần | - |
| *Bắc Thuộc lần 4 thuộc  nhà Minh* |  |  |  |
| 1428 - 1804 *(376 năm)* | Đại Việt | Nhà Hậu Lê | Lê Lợi |
| Nhà Mạc |  |  |  |
| Chúa Trịnh |  |  |  |
| Chúa Nguyễn (Nhà Nguyễn) |  |  |  |
| Nhà Tây Sơn |  |  |  |
| Nhà Nguyễn |  |  |  |

98 *Học Đạo Đức Chú thích*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Tên gọi** | **Triều Đại/ Chế độ** | **Người đặt tên** |
| 1804 - 1839 *(35 năm)* | Việt Nam | Nhà Nguyễn | Nguyễn Phúc Ánh |
| 1839 - 1945 *(106 năm)* | Đại Nam | Nguyễn Phúc Kiểu |  |
| 1884 - 1945 *(61 năm)* | *Liên Bang Đông Dương* | *Pháp Thuộc* | - |
| *Nhật Thuộc* |  |  |  |
| 1945 *(1 năm)* | *Đế Quốc Việt Nam* | *Nhật Thuộc* | Bảo Đại |
| 1945 - 1976 *(31 năm)* | Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa | Độc Lập | Hồ Chí Minh và Quốc Hội Việt Nam khóa I |
| 1945 - 1954 *(9 năm)* | *Liên Bang Đông Dương* | Pháp can thiệp/Bán độc lập |  |
| 1946 - 1948 *(2 năm)* | *Cộng Hòa Tự Trị Nam Kỳ* |  |  |
| 1949 - 1955 *(6 năm)* | Quốc Gia Việt Nam |  |  |
| 1955 - 1975 *(20 năm)* | Việt Nam Cộng Hòa | Tự tuyên bố Độc lập | Ngô Đình Diệm và Quốc Hội Lập hiến Quốc gia Việt Nam |
| 1969 - 1976 *(7 năm)* | Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam | Độc lập | Đại hội đại biểu Quốc dân miền Nam |
| 1976 - nay *(2021)* | Cộng Hòa Xã Hội chủ nghĩa Việt Nam | Quốc hội Việt Nam khóa VI |  |

Dưới đây là danh sách các quốc hiệu chính thức  
của Việt Nam theo dòng lịch sử. Các quốc hiệu này đều  
*Học Đạo Đức Chú thích* 99  
được ghi chép trong các sách sử Việt Nam, hoặc được  
chính thức sử dụng trong nghi thức ngoại giao quốc tế.  
**1. Văn Lang:  
Văn Lang** (chữ Hán: 文郎) được coi là quốc hiệu  
đầu tiên của Việt Nam. Quốc gia này có kinh đô đặt  
ở Phong Châu nay thuộc tỉnh Phú Thọ. Lãnh thổ bao  
gồm khu vực đồng bằng sông Hồng và ba tỉnh Thanh  
Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh bây giờ. Quốc gia này tồn tại  
đến năm 258 TCN.  
**2. Âu Lạc:**Năm 257 TCN, nước **Âu Lạc** (甌 雒, 甌 駱,  
甌 貉) được dựng lên từ việc liên kết các bộ lạc Lạc  
Việt (Văn Lang) và Âu Việt, dưới uy thế của Thục  
Phán - An Dương Vương. Khoảng cuối thế kỷ III TCN,  
đầu thế kỷ II TCN (năm 208 TCN hoặc 179 TCN),  
Triệu Đà (Quận úy Nam Hải - nhà Tần) tung quân đánh  
chiếm Âu Lạc. Cuộc kháng cự của An Dương Vương  
thất bại, nhà nước Âu Lạc bị mất.  
**3. Lĩnh Nam:**Năm 40, Hai Bà Trưng đã khởi nghĩa chống lại  
sự cai trị của nhà Đông Hán. Sử cũ ghi chép hai bà đã  
lấy được 65 thành trì của nhà Hán tại các quận Nhật  
Nam, Cửu Chân, Giao Chỉ, Hợp Phố, Nam Hải,... Hai  
100 *Học Đạo Đức Chú thích*bà xưng vương, với câu hịch nối lại nghiệp xưa của  
vua Hùng, lập tên nước là Lĩnh Nam (嶺南), đóng đô  
tại Mê Linh, nay thuộc huyện Mê Linh, Hà Nội. Trưng  
Trắc được suy tôn làm vua (Đế) của Lĩnh Nam, Trưng  
Nhị được cử làm Phó vương. Năm 43, khởi nghĩa Hai  
Bà Trưng một lần nữa bị nhà Đông Hán đàn áp và bị  
thua, Trưng Trắc và Trưng Nhị đã trầm mình tự vẫn  
xuống dòng Hát Giang, thuộc xã Hát Môn, huyện Phúc  
Thọ, Hà Nội ngày ngay. Đất nước ta từ đó lại rơi vào  
thời kỳ Bắc thuộc lần thứ II.  
**4. Vạn Xuân:**Vạn Xuân (萬春) là quốc hiệu của Việt Nam  
trong một thời kỳ độc lập ngắn ngủi khỏi triều đình  
nhà Lương phương Bắc. Nhà Tiền Lý dưới sự lãnh đạo  
của Lý Nam Đế (Lý Bí - Lý Bôn). Quốc hiệu này tồn  
tại từ năm 544 đến năm 602 thì bị nhà Tùy ở phương  
Bắc diệt mất.  
**5. Đại Cồ Việt:**Đại Cồ Việt (大瞿越) là quốc hiệu của Việt  
Nam từ thời nhà Đinh đến hai vua đầu thời nhà Lý, do  
Đinh Tiên Hoàng thiết đặt vào năm 968. Quốc hiệu  
này tồn tại 87 năm cho đến năm 1054, đời vua Lý  
Thánh Tông thì đổi sang quốc hiệu khác là Đại Việt.  
*Học Đạo Đức Chú thích* 101  
**6. Đại Việt:**Đại Việt (大越) là quốc hiệu của Việt Nam từ  
thời nhà Lý, bắt đầu từ năm 1054, khi vua Lý Thánh  
Tông lên ngôi. Quốc hiệu này tồn tại lâu dài nhất, dù  
bị gián đoạn 7 năm thời nhà Hồ và 20 năm thời thuộc  
Minh, kéo dài đến năm 1804, trải qua các vương triều  
Lý, Trần, Lê, Mạc và Tây Sơn, khoảng 724 năm.  
**7. Đại Ngu:**Đại Ngu (大虞) là quốc hiệu của Việt Nam thời  
nhà Hồ. Quốc hiệu Đại Việt được đổi thành Đại Ngu  
năm 1400 khi Hồ Quý Ly lên nắm quyền. Sau khi nhà  
Hồ bị thất bại trước nhà Minh, và nhà Hậu Lê giành lại  
độc lập cho Việt Nam, quốc hiệu Đại Ngu lại đổi lại  
thành Đại Việt. Về quốc hiệu này, theo truyền thuyết,  
họ Hồ là con cháu của vua Ngu Thuấn (là một trong  
Ngũ Đế nổi tiếng ở Trung Hoa thời thượng cổ); sau này  
con Ngu Yên là Vĩ Mãn được Chu Vũ Vương của nhà  
Chu phong cho ở đất Trần gọi là Hồ Công, sau dùng  
chữ Hồ làm tên họ. Hồ Quý Ly nhận mình là dòng dõi  
họ Hồ, con cháu Ngu Thuấn, nên đặt quốc hiệu là Đại  
Ngu. Chữ Ngu (虞) ở đây có nghĩa là “sự yên vui, thái  
bình, thịnh trị”, chứ không phải là từ “ngu” trong từ  
“ngu si” (愚癡).  
102 *Học Đạo Đức Chú thích***8. Việt Nam:**Quốc hiệu Việt Nam (越南) chính thức xuất hiện  
vào thời nhà Nguyễn. Vua Gia Long đã đề nghị nhà  
Thanh công nhận quốc hiệu Nam Việt, với lý lẽ rằng  
“Nam” có ý nghĩa “An Nam” còn “Việt” có ý nghĩa  
“Việt Thường”. Tuy nhiên, tên Nam Việt trùng với  
quốc hiệu của quốc gia cổ Nam Việt thời nhà Triệu,  
gồm cả Quảng Đông và Quảng Tây và một số tỉnh  
của Trung Hoa lúc bấy giờ. Nhà Thanh yêu cầu nhà  
Nguyễn đổi lại tên nước và Nguyễn Ánh cho đổi ngược  
lại thành Việt Nam để tránh nhầm lẫn và chính thức  
tuyên phong vào 17 tháng 2 năm 1804.  
Trên đây là Quốc hiệu chính thức được các nhà  
sử học cũng như pháp luật Việt Nam công nhận qua  
các thời kỳ.  
(47) *Ba triều vua, đầu độc lập*: Để đánh giá công  
lao của nhà Nguyễn với nước nhà, người ta không thể  
không nói tới 10 đời Chúa Từ. Chúa Nguyễn Hoàng  
(1600-1613) tới Chúa Nguyễn Phúc Ánh (1780-  
1802). Nguyễn Ánh vừa làm Chúa vừa làm Vua, hiệu  
là Gia Long khi ông thống nhất đất nước vào năm  
1802. Như vậy 10 đời Chúa của nhà Nguyễn tồn tại  
tổng cộng được 202 năm. Kể từ khi Nguyễn Ánh  
thống nhất đất nước và xưng Hoàng Đế năm 1802  
*Học Đạo Đức Chú thích* 103  
lấy hiệu và niên hiệu là Gia Long (1802-1819), tới  
vua Minh Mệnh (1820-1840), vua Thiệu Trị (1841-  
1847), được tính là ba đời vua có công lớn trong việc  
mở mang bờ cõi, giữ yên giang sơn, khiến cho dân  
chúng được ấm no, hạnh phúc, an cư, lạc nghiệp.  
(48) *Mười đời sau, Bảo Đại cuối:* Triều đại nhà  
Nguyễn kể từ khi thống nhất năm 1802 tới năm 1945,  
tổng cộng được 143 năm, 13 đời vua, ngoài 3 đời vua  
đầu được coi là người có công giữ yên được bờ cõi,  
nhân dân an cư lạc nghiệp; còn 10 đời vua sau, từ  
vua Tự Đức (1848-1883), vua Dục Đức (làm vua ba  
ngày), vua Hiệp Hoà (từ tháng 6/1883-11/1883), vua  
Kiến Phúc (từ tháng 12/1883-8/1884), vua Hàm Nghi  
(từ tháng 8/1884-8/1885), vua Đồng Khánh (tháng  
10/1885-12/1888), vua Thành Thái (tháng 1/1889-  
7/1907), vua Duy Tân (1907-1916), vua Khải Định  
(1916-1925), vua Bảo Đại (1926-1945) là vị vua cuối  
cùng của nhà Nguyễn và cũng là vị vua đánh dấu chấm  
hết cho lịch sử các triều đại phong kiến của Việt Nam.  
(49) *Yêu Tổ quốc, thương đồng bào/ Bến Nhà  
Rồng, Bác ra đi/ Tìm con đường, cứu dân tộc/ Vị  
lãnh tụ - Hồ Chí Minh:* Trước bối cảnh nước mất,  
nhà tan, người người khổ cực. Bấy giờ tại Bến Nhà  
104 *Học Đạo Đức Chú thích*Rồng (Thành phố Hồ Chí Minh), đã xuất hiện một  
thanh niên, với vóc người nhỏ bé, nhưng lại mang  
trong lòng một hoài bão, một chí nguyện vô cùng  
to lớn, chí nguyện đó chính là giải phóng dân tộc,  
giải phóng nhân dân khỏi ách áp bức nô lệ; độc lập,  
tự chủ, thống nhất đất nước… người thanh niên đó  
chính là Nguyễn Ái Quốc - Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị  
cha già vĩ đại của dân tộc Việt Nam.  
Hồ Chí Minh (1890-1969), tên khai sinh là  
Nguyễn Sinh Cung sinh ngày 19 tháng 5 năm 1890,  
là nhà cách mạng, người sáng lập Đảng Cộng sản Việt  
Nam, một trong những người đặt nền móng và lãnh  
đạo công cuộc đấu tranh giành độc lập, toàn vẹn lãnh  
thổ cho Việt Nam trong thế kỷ XX, một chiến sĩ Cộng  
sản quốc tế. Hồ Chí Minh là người viết và đọc bản  
*Tuyên ngôn Độc lập* khai sinh nước Việt Nam Dân  
chủ Cộng hòa ngày 2 tháng 9 năm 1945 tại Quảng  
trường Ba Đình, Hà Nội, là Chủ tịch nước Việt Nam  
Dân chủ Cộng hòa trong thời gian 1945-1969, Chủ  
tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt  
Nam từ năm 1951 cho tới khi Bác mất năm 1969.  
(50) *Bác bôn ba, bao cực khổ/ Lúc Châu Âu, khi  
Châu Á/ Tại Hồng Kông, thành lập Đảng/ Đất Cao Bằng,  
lưu sử xanh:* Kể từ khi Bác rời bến Nhà rồng, Bác tới  
*Học Đạo Đức Chú thích* 105  
Pháp một thời gian, sau đó qua Hoa Kỳ. Ở Hoa Kỳ một  
năm (cuối 1912 - cuối 1913), Bác đến nước Anh, làm  
nghề cào tuyết, đốt lò rồi phụ bếp cho khách sạn, học  
tiếng Anh, và ở Luân Đôn cho đến cuối năm 1916.  
Một số tài liệu trong kho lưu trữ của Pháp và Nga cho  
biết, trong thời gian sống tại Hoa Kỳ, Bác đã đến nghe  
Marcus Garvey diễn thuyết ở khu Harlem và tham khảo  
ý kiến của các nhà hoạt động vì nền độc lập của Triều  
Tiên. Cuối năm 1917, Bác trở lại nước Pháp, sống và  
hoạt động cách mạng ở đây cho đến năm 1923. Hiện  
nay tấm biển đồng gắn tại nhà số 9 ngõ Compoint,  
quận 17 Paris: “Tại đây, từ năm 1921-1923, Nguyễn  
Ái Quốc đã sống và chiến đấu vì quyền độc lập và tự  
do cho nhân dân Việt Nam và các dân tộc bị áp bức”.  
Tháng 2 năm 1919, Bác gia nhập Đảng Xã hội  
Pháp. Ngày 18 tháng 6 năm 1919, thay mặt Hội những  
người An Nam yêu nước, Bác đã mang tới Hội nghị  
Hòa bình Versailles bản *Yêu sách của nhân dân An  
Nam*, gồm 8 điểm để kêu gọi lãnh đạo các nước Đồng  
Minh, áp dụng các lý tưởng của Tổng thống Mỹ Wilson  
cho các lãnh thổ thuộc địa của Pháp ở Đông Nam Á,  
trao tận tay Tổng thống Pháp và các đoàn đại biểu đến  
dự hội nghị. Bản Yêu sách không yêu cầu độc lập cho  
Việt Nam, nhưng bao gồm quyền tự do và bình đẳng.  
106 *Học Đạo Đức Chú thích*Bản Yêu sách này do một nhóm các nhà ái quốc Việt  
Nam sống ở Pháp, trong đó có Phan Châu Trinh, Phan  
Văn Trường và Bác cùng viết, được ký tên chung là  
Nguyễn Ái Quốc. Từ đây, Bác công khai gọi tên mình  
là Nguyễn Ái Quốc và sử dụng tên này trong suốt 30  
năm sau đó.  
Tuy nhiên, Hội nghị Versailles đã không quan  
tâm gì đến việc giải quyết quyền lợi cho người dân các  
nước thuộc địa. Các nước thắng trận (Anh, Pháp, Mỹ)  
chỉ lo phân chia thuộc địa và các món lợi kinh tế giành  
được từ các nước thuộc địa. Trong khi đó, tại nước Nga  
- Xô viết sau Cách mạng Tháng Mười năm 1917, Lenin  
đã ban hành sắc lệnh quy định về sự bình đẳng giữa  
các dân tộc, trao trả độc lập cho các thuộc địa của Đế  
quốc Nga cũ. Điều này đã đẩy niềm tin của Bác sang  
con đường xã hội chủ nghĩa.  
Năm 1920, Bác đọc *Luận cương về vấn đề dân  
tộc và thuộc địa* của Lenin, từ đó Bác hoàn toàn tin  
tưởng vào xã hội chủ nghĩa. Bác đã tham dự Đại hội  
lần thứ 18 của Đảng Xã hội Pháp tại Tours (từ 25 đến  
30 tháng 12 năm 1920) với tư cách là đại biểu Đông  
Dương của Đảng Xã hội Pháp, Bác trở thành một trong  
những sáng lập viên của Đảng Cộng sản Pháp và tách  
khỏi đảng Xã hội. Bác nói với các đại biểu của Đảng  
*Học Đạo Đức Chú thích* 107  
Xã hội Pháp: *“Tôi không hiểu bất cứ điều gì về chiến  
lược, thủ thuật hành động và tất cả những từ ngữ đao  
to búa lớn mà các ông dùng, nhưng tôi hiểu một điều  
rất đơn giản: Quốc tế thứ ba quan tâm rất nhiều tới  
vấn đề thuộc địa. Các đại biểu của Quốc tế thứ ba hứa  
sẽ giúp các dân tộc thuộc địa đang bị áp bức giành lại  
tự do và độc lập. Các thành viên của Quốc tế thứ hai  
không nói một từ về số phận của các vùng thuộc địa”*.  
Năm 1921, Bác cùng một số nhà yêu nước của  
các thuộc địa Pháp lập ra Hội Liên hiệp Thuộc địa  
*(Union intercoloniale - Association des indigènes de  
toutes les colonies)* nhằm tập hợp các dân tộc bị áp  
bức đứng lên chống chủ nghĩa đế quốc. Năm 1922,  
Nguyễn Ái Quốc cùng một số nhà cách mạng thuộc  
địa lập ra báo *Le Paria (Người cùng khổ)*, làm chủ  
nhiệm kiêm chủ bút, nhằm tố cáo chính sách đàn áp,  
bóc lột của chủ nghĩa đế quốc nói chung và thực dân  
Pháp nói riêng. Tác phẩm *“Bản án chế độ thực dân  
Pháp”* bằng tiếng Pháp *(Procès de la colonisation  
française)* do Bác viết được xuất bản năm 1925, đã tố  
cáo chính sách thực dân tàn bạo của Pháp và đề cập  
đến phong trào đấu tranh của các dân tộc thuộc địa.  
Để thực sự tìm ra chân lý, tìm ra con đường cứu  
nước, Bác đã đến Liên Xô lần đầu tiên vào năm 1922.  
108 *Học Đạo Đức Chú thích*Tại Liên Xô, Bác đã tham gia Đại hội lần thứ tư của  
Quốc tế Cộng sản, ở đó Bác gặp Lenin và trở thành  
thành viên của Ban Đông Nam Á của Quốc tế Cộng  
sản. Tháng 6 năm 1923, Bác đến Moskva học tập tại  
trường Đại học Lao động Cộng sản Phương Đông, được  
đào tạo chính quy về Chủ nghĩa Marx, tuyên truyền và  
khởi nghĩa vũ trang. Tại đây Bác đã dự Hội nghị lần  
thứ nhất Quốc tế Nông dân (họp từ ngày 12 đến ngày  
15 tháng 10 năm 1923), Bác được bầu vào Ban Chấp  
hành và Đoàn Chủ tịch Quốc tế Nông dân. Tại Đại hội  
lần thứ 5 Đệ Tam Quốc tế (họp từ ngày 17 tháng 6  
đến ngày 8 tháng 7 năm 1924), Bác được cử làm Ủy  
viên Ban Phương Đông, phụ trách Cục Phương Nam.  
Năm 1924, tại thành phố Moskva, Bác viết và  
nộp cho tổ chức Đệ Tam Quốc tế một bản Báo cáo về  
tình hình Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ tại Việt Nam.  
Nhận thấy phong trào đấu tranh giai cấp tại Việt Nam  
có sự khác biệt với phong trào đấu tranh giai cấp bên  
Tây phương đương thời, nên Bác có nhận xét về các  
tầng lớp địa chủ, và chủ nghĩa dân tộc của Việt Nam  
như sau: *“Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất  
nước. Chính nó đã gây nên cuộc nổi dậy chống thuế  
năm 1908, nó dạy cho những người culi biết phản đối,  
nó làm cho những người “nhà quê” phản đối ngầm*  
*Học Đạo Đức Chú thích* 109  
*trước thuế tạp dịch và thuế muối. Cũng chủ nghĩa  
dân tộc đã luôn luôn thúc đẩy các nhà buôn An Nam  
cạnh tranh với người Pháp và người Trung Quốc; nó  
đã thúc giục thanh niên bãi khóa, làm cho những nhà  
cách mạng trốn sang Nhật Bản và làm vua Duy Tân  
mưu tính khởi nghĩa năm 1917”*.  
Tư tưởng này của Bác không có gì mâu thuẫn với  
Luận cương về các vấn đề dân tộc thuộc địa của Lênin,  
khi lấy chủ nghĩa dân tộc để đi đến chủ nghĩa cộng sản  
(đại đồng). Tuy nhiên, một số người châu Âu trong  
Quốc tế Cộng sản không quan tâm tới quan điểm này  
của Bác, họ cho rằng Bác quá chú trọng đến vấn đề  
dân tộc mà coi nhẹ phong trào cách mạng chung trên  
thế giới.  
Sau khi học tại Liên Xô, cuối năm 1924, Nguyễn  
Ái Quốc rời Liên Xô tới Quảng Châu theo phái đoàn  
cố vấn của chính phủ Liên Xô do Mikhail Markovich  
Borodin làm trưởng đoàn đến giúp chính phủ Trung  
Hoa Dân quốc của Tưởng Giới Thạch, Bác làm phiên  
dịch và lấy tên là Lý Thụy.  
Trong thời gian ở Trung Quốc, Bác có nhiệm vụ  
tuyên truyền, phổ biến tư tưởng cách mạng ra phương  
Đông. Theo đó, năm 1925, Bác tập hợp Việt kiều và  
thành lập tổ chức Việt Nam Thanh niên Cách mạng  
110 *Học Đạo Đức Chú thích*Đồng chí Hội ở Quảng Châu (Trung Quốc) để truyền bá  
chủ nghĩa Marx-Lenin (thường được phiên âm là *MácLê-nin*) vào Việt Nam. Cuốn *“Đường Kách mệnh”*, mà  
Bác là tác giả, tập hợp các bài giảng tại các lớp huấn  
luyện chính trị của Việt Nam Thanh niên Cách mạng  
Đồng chí Hội, được xuất bản năm 1927.  
Cùng năm 1925, Nguyễn Ái Quốc tham gia thành  
lập Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông, do  
Liêu Trọng Khải, một cộng sự thân tín của Tôn Dật  
Tiên, làm Hội trưởng và Bác làm Bí thư. Tổ chức này  
sau đó trở thành *Đảng Cộng sản Nam Hải (the South  
Seas Communist party)*, tiền thân của một loạt các tổ  
chức cộng sản sau này, bao gồm có cả Đảng Cộng sản  
Đông Dương. Trong thời kỳ này, Bác cũng gửi một  
loạt người Việt đi học trường quân sự của Tưởng Giới  
Thạch tại Quảng Châu, đồng thời tiến hành một khóa  
đào tạo về khởi nghĩa vũ trang.  
Do Tưởng Giới Thạch khủng bố các nhà cách  
mạng cộng sản Trung Quốc và Việt Nam, nên Bác rời  
Quảng Châu đi Hồng Kông, rồi sang Liên Xô theo  
đường sa mạc Gobi. Tháng 11 năm 1927, Bác được cử  
đi Pháp, rồi từ đó đi dự cuộc họp Đại Hội đồng của  
Liên đoàn Chống đế quốc từ ngày 9 đến ngày 12 tháng  
*Học Đạo Đức Chú thích* 111  
12 năm 1927 tại Brussel, Bỉ. Mùa thu 1928, Nguyễn Ái  
Quốc từ châu Âu đến Xiêm La (Thái Lan), cải trang là  
một nhà sư, với pháp danh Thầu Chín để tuyên truyền  
và huấn luyện cho Việt kiều tại Xiêm, đồng thời xuất  
bản báo gửi về nước. Cuối năm 1929, Bác rời khỏi  
Vương quốc Xiêm La và sang Trung Quốc.  
Ngày 3 tháng 2 năm 1930, tại Cửu Long, thuộc  
Hồng Kông, theo chỉ thị của Quốc tế Cộng sản, nhằm  
giải quyết những mâu thuẫn hiện có giữa những người  
cộng sản Đông Dương, Bác đã thống nhất ba tổ chức  
cộng sản tại Đông Dương thành Đảng Cộng sản Việt  
Nam (sau đổi tên là “Đảng Cộng sản Đông Dương”,  
rồi “Đảng Lao động Việt Nam” và nay là “Đảng Cộng  
sản Việt Nam”). Cũng vào năm này, khởi nghĩa Xô viết  
Nghệ Tĩnh do Đảng Cộng sản chỉ đạo nổ ra nhưng thất  
bại. Đảng Cộng sản Đông Dương bị cấm hoạt động,  
đồng thời Nguyễn Ái Quốc bị Pháp xử tử hình vắng mặt.  
Tháng 3 năm 1930, Nguyễn Ái Quốc trở lại Xiêm  
trong một thời gian ngắn, rồi Bác quay lại Trung Quốc.  
Năm 1931, dưới tên giả là Tống Văn Sơ, Nguyễn Ái  
Quốc bị nhà cầm quyền Hồng Kông bắt giam với ý  
định trao cho chính quyền Pháp ở Đông Dương. Sau  
đó, nhờ sự biện hộ và giúp đỡ tận tình của luật sư Frank  
Loseby, Tống Văn Sơ được thả ngày 28 tháng 12 năm  
112 *Học Đạo Đức Chú thích*1932. Bác đi Thượng Hải rồi bí mật quay trở lại Liên  
Xô. Nguyễn Ái Quốc đến Moskva vào mùa xuân năm  
1934. Với bí danh Lin, Nguyễn Ái Quốc học ở Trường  
Quốc tế Lenin (1934-1935). Sau đó dưới tên Linov,  
Bác dự Đại hội lần thứ 7 Đệ Tam Quốc tế (từ 25 tháng  
7 đến 20 tháng 8 năm 1935) với vai trò quan sát viên  
của Ban Thư ký Dalburo. Và Bác ở lại Liên Xô hoạt  
động cho đến đầu năm 1938. Năm 1938, Bác trở lại  
Trung Quốc. Trong vai Thiếu tá Bát lộ quân tên  
là Hồ Quang, Nguyễn Ái Quốc đến công tác tại văn  
phòng Bát lộ quân Quế Lâm, sau đó đi Quý Dương,  
Côn Minh rồi đến Diên An, căn cứ đầu não của Đảng  
Cộng sản Trung Quốc và Hồng quân Trung Quốc  
mùa đông 1938 đến đầu năm 1939.  
Đầu tháng 1 năm 1941, Hoàng Văn Thụ, Ủy viên  
Thường vụ Trung ương Đảng từ Việt Nam sang Tĩnh  
Tây (Quảng Tây, Trung Quốc) gặp Nguyễn Ái Quốc  
để báo cáo kết quả xây dựng và củng cố an toàn khu  
Cao Bằng. Hoàng Văn Thụ đề nghị Bác về nước trực  
tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua lối Cao Bằng.  
Nguyễn Ái Quốc cũng nhận định Cao Bằng sẽ mở ra  
triển vọng lớn cho cách mạng, và Bác quyết định trở  
về nước sau 30 năm ở nước ngoài.  
*Học Đạo Đức Chú thích* 113  
Bác trở về Việt Nam vào ngày 28 tháng 1 năm  
1941, với hành lý là một chiếc vali nhỏ đan bằng mây  
tre để đựng quần áo và một chiếc máy chữ xách tay.  
Khi vừa đặt chân lên lãnh thổ Tổ quốc, Bác cầm lên và  
hôn vào một nắm đất. Nhà thơ Tố Hữu đã viết về sự  
kiện này qua bốn câu thơ:  
*Bác đã về đây, Tổ quốc ơi!  
Nhớ thương hòn đất ấm hơi Người.  
Ba mươi năm ấy, chân không nghỉ,  
Mà đến bây giờ mới tới nơi.*Sau khi hỏi thăm dân địa phương, ngày 8 tháng  
2 năm 1941, Nguyễn Ái Quốc tới ở tại hang Cốc Bó,  
bản Pác Bó, tỉnh Cao Bằng với bí danh Già Thu. Dòng  
suối lớn chảy qua đây được Bác gọi là suối Lê-nin,  
ngọn núi đá cao được gọi là núi Các-Mác. Bác đã làm  
một bài thơ (nay đã được tạc vào vách núi) để thể hiện  
chí hướng giải phóng dân tộc khỏi ách nô lệ thực dân:  
*Non xa xa nước xa xa,  
Nào phải thênh thang mới gọi là.  
Đây suối Lê-nin, kia núi Mác,  
Hai tay gây dựng một sơn hà.*Tại đây, Nguyễn Ái Quốc mở các lớp huấn luyện  
cán bộ, cho in báo, tham gia các hoạt động thường  
ngày... Tài liệu huấn luyện và tuyên truyền do chính  
114 *Học Đạo Đức Chú thích*Bác dịch và viết về nhiều chủ đề. Cũng tại nơi đây Bác  
đã cho thành lập nhiều hội đoàn nhân dân như: *Hội  
Phụ nữ Cứu quốc, Hội Phụ lão Cứu quốc, Hội Nông  
dân Cứu quốc...*Từ ngày 10 đến ngày 19 tháng 5 năm 1941, Bác  
chủ trì Hội nghị lần thứ 8 (mở rộng) của Trung ương  
Đảng họp tại Pác Bó, Cao Bằng. Một trong những kết  
quả của hội nghị này là nghị quyết về việc thành lập  
Việt Nam Độc lập Đồng minh (Việt Minh).  
Ngày 22 tháng 12 năm 1944, Bác chỉ đạo tướng  
Võ Nguyên Giáp thành lập một trung đội 34 người  
mang tên ***Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân****(một trong những tiền thân của Quân đội Nhân dân  
Việt Nam),* ngay sau khi thành lập đã tiến đánh quân  
Nhật, mở rộng chiến khu. Trước khi Nhật đầu hàng  
Đồng Minh, chiến khu đã bao gồm nhiều tỉnh vùng  
đông Bắc Bắc Bộ, gọi là chiến khu Việt Bắc…  
Ngày 25 tháng 8 năm 1945, Việt Minh và Thanh  
niên Tiền phong làm nòng cốt tổ chức biểu tình và giành  
chính quyền tại Sài Gòn (nơi chịu sự cai trị trực tiếp của  
Nhật). Chỉ đạo nổi dậy ở nội thành là đội Việt Minh Tiền  
phong do Trần Văn Giàu chỉ đạo. Đến ngày 28 tháng 8  
năm 1945, Việt Minh đã giành được chính quyền trên  
toàn quốc. Hai tỉnh giành được chính quyền cuối cùng  
*Học Đạo Đức Chú thích* 115  
là Hà Tiên và Đồng Nai Thượng. Sau khi Việt Minh  
giành được chính quyền tại Hà Nội và nhiều nơi khác,  
Thủ tướng Đế quốc Việt Nam Trần Trọng Kim ở Huế  
phải nộp đơn xin từ chức. Ngày 22 tháng 8, Việt Minh  
gửi công điện yêu cầu vua Bảo Đại thoái vị, vì lúc này  
Việt Minh đã giành được chính quyền trên khắp cả nước.  
Ngày 20 tháng 8, vua Bảo Đại cho biết ông sẵn  
sàng thoái vị ngay nếu người đứng đầu Việt Minh là  
Nguyễn Ái Quốc. Vua Bảo Đại tuyên bố chấp nhận  
thoái vị, từ bỏ ngai vàng và trở thành công dân Vĩnh  
Thụy. Ngày 25 tháng 8, hàng ngàn người vân tập về  
trước cửa Ngọ Môn để xem vua Tuyên chiếu Thoái vị,  
ông tuyên bố “muốn được làm Dân một nước tự do,  
còn hơn làm Vua một nước bị trị”.  
Vậy là kết thúc một triều đại phong kiến kiểu  
cha truyền con nối mấy nghìn năm lịch sử của dân tộc  
Việt Nam. Từ đây, một hình thức lãnh đạo mới được ra  
đời, những người có tâm, có tài, có đức được nhân dân  
lựa chọn bằng hình thức đề cử và bỏ phiếu tín nhiệm  
của toàn dân, ai đủ uy tín sẽ được nhân dân bầu chọn,  
được lên làm lãnh đạo đất nước, lãnh đạo nhân dân.  
(51) *Tại Ba Đình, đất lịch sử/ Ngày mồng hai, thu  
tháng chín/ Năm bốn lăm, Bác tuyên đọc/ Bản tuyên  
ngôn, khai sinh nước:* Sau nhiều năm tìm đường cứu  
116 *Học Đạo Đức Chú thích*nước, Bác đã trở về quê hương để lãnh đạo cuộc khởi  
nghĩa toàn dân, kết quả là cả thực dân Pháp và phát xít  
Nhật cũng như chính phủ - triều đại nhà Nguyễn phải  
thoái trào để nhường lại quyền lãnh đạo cho chính phủ  
Việt Minh.  
Ngày 2 tháng 9 năm 1945, tại quảng trường Ba  
Đình lịch sử. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản *Tuyên  
ngôn Độc lập* và tuyên bố sự khai sinh của một nước  
Việt Nam mới. Trước khi đọc bản tuyên ngôn Bác hỏi:  
*“Tôi nói đồng bào nghe rõ không?”* Cả rừng người ở  
dưới đều đáp: *“Rõ”!* và tiếng vỗ tay rào rào của cả biển  
người. Đợi cho tiếng vỗ tay lắng xuống, Bác bắt đầu đọc:  
*“Hỡi đồng bào cả nước,  
Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình  
đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể  
xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được  
sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”.  
Lời bất hủ ấy ở trong bản Tuyên ngôn Độc lập  
năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa  
là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình  
đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung  
sướng và quyền tự do.  
Bản Tuyên ngôn ‘‘****Nhân quyền và Dân quyền’’****của Cách mạng Pháp năm 1791 cũng nói: Người ta sinh*  
*Học Đạo Đức Chú thích* 117  
*ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn luôn  
được tự do và bình đẳng về quyền lợi. Đó là những lẽ  
phải không ai chối cãi được. Thế mà hơn 80 năm nay,  
bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác  
ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành  
động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa.  
Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho nhân dân  
ta một chút tự do dân chủ nào. Chúng thi hành những  
luật pháp dã man. Chúng lập ba chế độ khác nhau ở  
Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước  
nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết. Chúng  
lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay  
chém giết những người yêu nước thương nòi của ta.  
Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể  
máu. Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách  
ngu dân. Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho  
nòi giống ta suy nhược.  
Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến xương tủy,  
khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác,  
tiêu điều. Chúng cướp không ruộng đất, hầm mỏ, nguyên  
liệu. Chúng giữ độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và  
nhập cảng. Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lý, làm  
cho dân ta, nhất là dân cày và dân buôn trở nên bần*  
118 *Học Đạo Đức Chú thích  
cùng. Chúng không cho các nhà tư sản ta ngóc đầu lên.  
Chúng bóc lột công nhân ta một cách vô cùng tàn nhẫn.  
Mùa thu năm 1940, phát xít Nhật đến xâm lăng  
Đông Dương để mở thêm căn cứ đánh Đồng Minh, thì  
bọn thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta  
rước Nhật. Từ đó dân ta chịu hai tầng xiềng xích Pháp  
và Nhật, dân ta càng cực khổ, nghèo nàn. Kết quả là  
cuối năm ngoái sang đầu năm nay, từ Quảng Trị đến Bắc  
kỳ, hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói.  
Ngày 9 tháng 3 năm nay, Nhật tước khí giới của  
quân đội Pháp. Bọn thực dân Pháp hoặc là bỏ chạy,  
hoặc là đầu hàng. Thế là chẳng những chúng không  
“bảo hộ” được ta, trái lại, trong năm năm, chúng đã  
bán nước ta hai lần cho Nhật. Trước ngày 9 tháng 3,  
biết bao lần Việt Minh đã kêu gọi người Pháp liên minh  
để chống Nhật. Bọn thực dân Pháp đã không đáp ứng  
lại thẳng tay khủng bố Việt Minh hơn nữa. Thậm chí đến  
khi thua chạy, chúng còn nhẫn tâm giết nốt số đông tù  
chính trị ở Yên Bái và Cao Bằng.  
Tuy vậy, đối với người Pháp, đồng bào ta vẫn  
giữ một thái độ khoan hồng và nhân đạo. Sau cuộc  
biến động ngày 9 tháng 3, Việt Minh đã giúp cho nhiều  
người Pháp chạy qua biên thùy, lại cứu cho nhiều người*  
*Học Đạo Đức Chú thích* 119  
*Pháp ra khỏi nhà giam Nhật và bảo vệ tính mạng và  
tài sản cho họ. Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước  
ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc  
địa của Pháp nữa.  
Khi Nhật hàng Đồng minh thì nhân dân cả nước  
ta đã nổi dậy giành chính quyền, lập nên nước Việt  
Nam Dân chủ Cộng hòa. Sự thật là dân ta lấy lại nước  
Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp.  
Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta  
đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay  
để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại  
đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên  
chế độ Dân chủ Cộng hòa.  
Bởi thế cho nên, chúng tôi, lâm thời Chính phủ  
của nước Việt Nam mới, đại biểu cho toàn dân Việt  
Nam, tuyên bố thoát ly hẳn quan hệ với Pháp, xóa bỏ  
hết những hiệp ước mà Pháp đã ký về nước Việt Nam,  
xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước  
Việt Nam. Toàn dân Việt Nam, trên dưới một lòng kiên  
quyết chống lại âm mưu của bọn thực dân Pháp.  
Chúng tôi tin rằng các nước Đồng minh đã công  
nhận những nguyên tắc dân tộc bình đẳng ở các Hội  
nghị Têhêrăng và Cựu Kim Sơn, quyết không thể không*  
120 *Học Đạo Đức Chú thích  
công nhận quyền độc lập của dân Việt Nam. Một dân  
tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm  
nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng Minh  
chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự  
do! Dân tộc đó phải được độc lập!  
Vì những lẽ trên, chúng tôi, chính phủ lâm thời  
của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trịnh trọng  
tuyên bố với thế giới rằng: Nước Việt Nam có quyền  
hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước  
tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất  
cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ  
vững quyền tự do, độc lập ấy”.*Như vậy, sau bản tuyên ngôn độc lập của Chủ  
tịch Hồ Chí Minh, đã chính thức khai sinh ra nước Việt  
Nam Dân Chủ Cộng Hòa, sau này (1976) là nước Cộng  
Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam cho đến nay.  
(52) *Điện Biên Phủ, khắc dấu son/ Lừng Năm  
châu, chấn Địa cầu/ Võ Nguyên Giáp, lập công đầu/  
Quyết tiến lên, giành chiến thắng:* Đúng như Chủ tịch  
Hồ Chí Minh, vị cha già kính yêu của dân tộc Việt  
Nam chúng ta đã nhận định *“phải trường kỳ kháng  
chiến”*. Do đó, Bác đã chỉ đạo một số đồng chí ở lại  
cơ sở bí mật hoạt động để nắm bắt tình hình địch, còn  
lại thì theo kế *“vườn không nhà trống”*, lấy ít địch  
*Học Đạo Đức Chú thích* 121  
nhiều, lấy thế chủ động đánh du kích, nhằm tiêu hao  
sinh lực địch, đợi thời cơ chín muồi sẽ tổ chức tổng  
tấn công, quét sạch quân thù ra khỏi đất nước, giành  
lại nền độc lập, tự chủ của dân tộc. Trong cuộc kháng  
chiến trường kỳ ấy, Bác và Bộ Chính trị đã thống nhất  
giao cho Đại tướng Võ Nguyên Giáp làm tổng chỉ huy  
Quân đội Nhân dân Việt Nam để đánh đuổi giặc Pháp.  
**Đại tướng Võ Nguyên Giáp** sinh ngày 25 tháng 8  
năm 1911 ở làng An Xá, xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy,  
tỉnh Quảng Bình trong một gia đình nhà Nho, con của  
ông Võ Quang Nghiêm (Võ Nguyên Thân), một nhà  
Nho đức độ và mẹ là bà Nguyễn Thị Kiên. Lớn lên Đại  
tướng đã theo học tại trường Quốc học Huế và tham  
gia nhiều tổ chức chính trị yêu nước, nhằm góp phần  
chung trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất  
đất nước.  
Ngày 3 tháng 5 năm 1940, Đại tướng Võ Nguyên  
Giáp với bí danh là Dương Hoài Nam cùng Phạm Văn  
Đồng lên Lào Cai rồi vượt biên sang Trung Quốc để  
gặp Nguyễn Ái Quốc. Chỉ sau một thời gian ngắn, Hồ  
Chí Minh đã thấy Võ Nguyên Giáp là người triển vọng  
nên liên hệ với Đảng cộng sản Trung Quốc và cử Đại  
tướng đi học quân sự tại căn cứ địa Diên An. Trên  
đường tới Diên An, Đại tướng được Hồ Chí Minh gọi  
122 *Học Đạo Đức Chú thích*quay lại vì tình hình thế giới có nhiều thay đổi lớn.  
Ở châu Âu, phát xít Đức đã xâm chiếm Pháp. Hồ Chí  
Minh nhận định tình hình Đông Dương sẽ chuyển biến  
nhanh, cần gấp rút trở về nước chuẩn bị đón thời cơ.  
Ngày 22 tháng 12 năm 1944, theo chỉ đạo của  
Hồ Chí Minh, Đại tướng thành lập đội Việt Nam Tuyên  
truyền Giải phóng quân tại chiến khu Trần Hưng Đạo  
với 34 người, được trang bị 2 súng thập (một loại súng  
ngắn), 17 súng trường, 14 súng kíp và 1 súng máy. Đây  
là tổ chức tiền thân của Quân đội Nhân dân Việt Nam.  
Ngày 25 tháng 12 năm 1944, Đại tướng đã chỉ huy đội  
quân này lập chiến công đầu tiên là tập kích diệt gọn  
hai đồn Phai Khắt và Nà Ngần của Pháp.  
Ngày 14 tháng 8 năm 1945, Đại tướng trở thành  
uỷ viên Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản  
Đông Dương, sau đó là ủy viên Thường vụ Trung ương,  
tham gia Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc. Cách mạng  
Tháng Tám thành công, quốc gia Việt Nam Dân chủ  
Cộng hòa được thành lập, Đại tướng Võ Nguyên Giáp  
được cử làm Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Phó Bộ trưởng  
(Thứ trưởng thường trực) Bộ Quốc phòng trong Chính  
phủ lâm thời (từ ngày 28 tháng 8 đến hết năm 1945) và  
là Tổng chỉ huy Quân đội Quốc gia và Dân quân tự vệ  
năm 1946. Tới năm 1954, Đại tướng Võ Nguyên Giáp  
*Học Đạo Đức Chú thích* 123  
được Hồ Chí Minh và Đảng, Nhà nước tin tưởng trao  
cho toàn quyền chỉ huy Chiến dịch Điện Biên Phủ.  
Trước khi ra trận, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dặn dò:  
“Cho chú toàn quyền chỉ huy. Trận này chỉ được thắng  
không được thua vì thua là hết vốn”.  
Ngày 14 tháng 1 năm 1954 tại hang Thẩm Púa,  
Đại tướng và Bộ Chỉ huy chiến dịch phổ biến lệnh tác  
chiến bí mật với phương án *“đánh nhanh thắng nhanh”  
và ngày nổ súng dự định là 20 tháng 1* sang phương  
án *“đánh chắc, tiến chắc” đánh dài ngày theo kiểu  
“bóc vỏ” dần dần tập đoàn cứ điểm của địch*, kết quả  
là quân và dân ta đã dành thắng lợi hoàn toàn tại chiến  
dịch Điện Biên Phủ.  
Vậy là trải qua 55 ngày đêm chiến đấu, Quân đội  
nhân dân Việt Nam đã giành toàn thắng, làm nên một  
chiến tích ***“lững lẫy năm châu, chấn động địa cầu”***, mở  
ra một con đường tươi sáng cho đất nước, cho dân tộc  
đó là nền *“độc lập, tự do và toàn vẹn lãnh thổ”* và công  
lao lớn nhất trong chiến dịch Điện Biên Phủ chính là vị  
tướng tài ba của dân tộc ta - Đại tướng Võ Nguyên Giáp.  
(53) *Pháp chưa đi, Mỹ lại tới/ Quân với dân, chung  
một lòng/ Đánh giặc Mỹ, đuổi giặc nhà/ Hợp Bắc Nam,  
về một mối:* Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Hiệp định  
Geneve được ký kết. Cuộc chiến tranh kết thúc. Quân  
124 *Học Đạo Đức Chú thích*Pháp rút về nước, miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải  
phóng. Theo Hiệp định Geneve, sau 2 năm sẽ tổ chức  
tổng tuyển cử thống nhất nước Việt Nam. Nhưng đế quốc  
Mỹ với ý đồ xâm lược Việt Nam từ lâu, đã lợi dụng cơ  
hội này để gạt Pháp ra, nhảy vào tổ chức, chỉ huy nhóm  
nguỵ quân, nguỵ quyền làm tay sai, viện trợ kinh tế quân  
sự, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới,  
nhằm chia cắt lâu dài nước ta. Cả dân tộc ta lại phải bước  
vào chiến đấu chống lại ngoại xâm đế quốc kiểu mới.  
Sau nhiều năm gian khổ trường kỳ kháng chiến,  
đặc biệt là sau trận chiến Điên Biên Phủ trên không,  
Mỹ đã thua thảm bại trên bầu trời Hà Nội. Bị đập tan  
kế hoạch rải thảm miền Bắc, từ ngày 18 đến ngày 29  
tháng 12 năm 1972, một ***“Điện Biên Phủ trên không”***đối với đế quốc Mỹ, buộc Mỹ phải ký hiệp định Paris  
về Việt Nam (27/1/1973), rút hết quân Mỹ và quân các  
đồng minh ra khỏi miền Nam Việt Nam, cam kết tôn  
trọng độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh  
thổ của Việt Nam. Chiến lược ***“Việt Nam hóa chiến  
tranh”*** của Mỹ bị thất bại hoàn toàn.  
(54) *Ngày ba mươi, tháng tư ấy/ Năm bảy lăm,  
vui mừng nhất/ Tin thắng trận, truyền khắp nơi/ BắcTrung-Nam, đồng một dải:* Trong suốt thời kỳ kháng  
chiến chống Mỹ cứu nước, quân và dân ta đã anh dũng  
*Học Đạo Đức Chú thích* 125  
chiến đấu chống đế quốc Mỹ cùng bọn tay sai, tiến tới  
giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước vào ngày 30  
tháng 4 năm 1975.  
Sau khi chọc thủng và đập tan tuyến phòng  
thủ vòng ngoài Sài Gòn-Gia Định của địch, ngày  
26/4/1975, năm cánh quân của ta tiến vào Sài Gòn;  
sáng 30/4/1975 thọc sâu đánh chiếm các mục tiêu chủ  
yếu trong nội đô đến 10 giờ 45 phút cùng ngày, xe  
tăng ta tiến vào Dinh Độc Lập, tổng thống ngụy quyền  
Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng không điều kiện;  
Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng. Cuộc kháng chiến  
chống Mỹ thắng lợi hoàn toàn. Đây cũng là cuộc chiến  
thất bại chưa từng có trong lịch sử 200 năm của nước  
Mỹ. Trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, Mỹ  
đã trải qua năm đời tổng thống, huy động 6 triệu lượt  
binh sĩ Mỹ, chi phí 352 tỉ USD, trút xuống Việt Nam  
7.850.000 tấn bom, hàng chục triệu lít chất độc đi-ô-  
xin, sử dụng những loại vũ khí, kỹ thuật mới nhất (chỉ  
trừ vũ khí hạt nhân), nhưng phải chịu thất bại chưa  
từng có trong lịch sử nước Mỹ.  
Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế  
quốc Mỹ cứu nước đã hoàn thành thắng lợi, sự nghiệp  
đấu tranh giải phóng dân tộc kéo dài hơn 100 năm, mở  
ra một kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc - cả nước  
126 *Học Đạo Đức Chú thích*Việt Nam hoàn toàn độc lập, thống nhất và đi lên xây  
dựng Chủ nghĩa xã hội; đồng thời tạo điều kiện cho  
cách mạng Lào và cách mạng Campuchia giành thắng  
lợi quyết định, góp phần to lớn vào cuộc đấu tranh của  
nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ  
và tiến bộ xã hội.  
(55) *Khơ-me đỏ, nổi lòng tham/ Đánh Tây Nam,  
hại dân lành/ Vụ thảm sát, tại Ba Chúc/ Là tội ác,  
bọn diệt chủng:* Khmer Đỏ có tên chính thức là **Đảng  
Campuchia Dân chủ**, là một tổ chức chính trị cầm  
quyền tại Campuchia từ năm 1975 đến năm 1979. Tổ  
chức này còn được biết với các tên **Đảng Cộng sản  
Khmer**, **Quân đội Nhân dân Campuchia Dân chủ.**Ban đầu Khmer Đỏ tuyên bố đi theo đảng Cộng  
sản, thế nhưng sau những mâu thuẫn nội bộ nên thủ  
lĩnh của đảng là Pol Pot đã tiêu diệt những đảng viên  
phản đối tư tưởng cực đoan của ông ta, Khmer Đỏ đã  
dần trở thành một tổ chức theo chủ nghĩa *“Sô vanh”*và tư tưởng bài ngoại, do đó chủ nghĩa Cộng sản chỉ là  
tấm bình phong để Pol Pot thực hiện các kế hoạch cực  
đoan của mình. Tới năm 1981, Khmer Đỏ mới chính  
thức tuyên bố họ không đi theo đảng Cộng sản nữa.  
Thời kỳ cai trị hà khắc, có thể nói là tàn bạo  
của Khmer Đỏ ở Campuchia chỉ chấm dứt khi Việt  
*Học Đạo Đức Chú thích* 127  
Nam đưa quân tình nguyện sang giúp Campuchia lật  
đổ chính quyền Khmer đỏ của Pol Pot vào năm 1979.  
Chế độ Khmer Đỏ được nhiều người biết đến vì đã  
giết chết khoảng 2 triệu người (trong khi đó dân số  
của Campuchia chỉ có 7,1 triệu) bằng các biện pháp  
tử hình từ các dụng cụ thô sơ như cuốc, mai, xẻng,  
gậy gộc, bỏ đói, lao động cưỡng bức,… Nó được nhiều  
chính trị gia, nhiều học giả xem là một trong những  
chế độ tàn bạo nhất trong thế kỷ XX và thường được so  
sánh với chế độ của Adolf Hitler. Nếu tính theo tỷ lệ  
những người bị giết so với dân số Campuchia lúc bấy  
giờ, có thể nói nó là chế độ giết người nhiều nhất trong  
thế kỷ XX của thế giới.  
Từ những sự ủng hộ của Thái Lan, Hoa Kỳ và  
Trung Quốc, cho nên chế độ Khmer Đỏ đã đem quân  
tràn qua biên giới giữa Việt Nam và Campuchia. Chỉ  
tính từ năm 1970 đến 1973, khi Quân đội và Nhân dân  
ta còn đang tập trung lực lượng đánh Mỹ và chế độ tay  
sai ở miền Nam thì Khmer Đỏ đã gây ra 174 vụ khiêu  
khích, tập kích các hậu cứ, cướp vũ khí, lương thực,  
giết hơn 600 cán bộ và chiến sĩ của Việt Nam.  
Khmer Đỏ tăng cường xâm lấn vùng tây sông  
Sa Thầy, phía nam đường 19 thuộc tỉnh Gia Lai - Kon  
Tum. Đêm 3/1/1976, Khmer Đỏ tràn sang làng Xộp  
128 *Học Đạo Đức Chú thích*(xã Mo Ray, huyện Sa Thầy) đốt hết nhà cửa, cướp  
phá tài sản và bắt đi 130 dân làng. Đến tháng 6/1976,  
Khmer Đỏ tăng cường lực lượng ra sát biên giới, xâm  
canh lấn đất ở các tỉnh Long An, Bình Phước, Tây  
Ninh... và thực hiện các hành động khiêu khích như  
bắn vào đội tuần tra, uy hiếp nhân dân đang đi lại làm  
ăn gần đường biên, tập kích, đốt phá, bắt cóc, gài mìn  
gây sát thương.  
Ngày 4 tháng 5 năm 1975, một toán quân Khmer  
Đỏ đột kích đảo Phú Quốc, 6 ngày sau quân Khmer  
Đỏ đánh chiếm và hành quyết hơn 500 dân thường ở  
đảo Thổ Chu. Không chỉ dừng lại ở chỗ giết hại nhân  
dân ta, quân Khmer Đỏ còn tàn sát, giết hại chính  
đồng bào của mình. Chỉ tính riêng trong 2 năm (1975-  
1976) chế độ tàn ác Khmer Đỏ truy sát và giết hại  
hàng chục ngàn người Campuchia vô tội. Do đó chỉ  
trong hai năm đã có trên 15.000 người Campuchia  
chạy sang Việt Nam, Lào và Thái Lan để lánh nạn.  
Tiếp sau cuộc đột kích vào đảo Phú Quốc và Thổ  
Chu, Khmer Đỏ tiến hành hai cuộc xâm nhập quy mô  
lớn vào Việt Nam. Cuộc tấn công lớn đầu tiên diễn ra  
vào đêm 30 tháng 4 năm 1977, quân chính quy Khmer  
Đỏ sử dụng lực lượng cấp sư đoàn và lực lượng địa  
phương các tỉnh biên giới, bất ngờ đồng loạt tiến sâu  
*Học Đạo Đức Chú thích* 129  
hơn 10 km vào lãnh thổ Việt Nam. Khmer Đỏ đánh vào  
13 đồn công an vũ trang và 14/16 xã trên dọc tuyến  
biên giới, từ Vĩnh Gia đến Vĩnh Xương, chiếm một số  
vùng ở tỉnh An Giang và tàn sát một số lớn dân thường,  
trong đó đỉnh điểm là vụ thảm sát Ba Chúc.  
Vụ thảm sát Ba Chúc là một tội ác chiến tranh  
gây ra bởi bọn diệt chủng Khmer Đỏ. Vụ việc xảy ra tại  
xã Ba Chúc (nay là thị trấn Ba Chúc), huyện Tri Tôn,  
tỉnh An Giang. Từ ngày 30 tháng 4 năm 1977, quân  
Khmer Đỏ bắt đầu đồng loạt nổ súng tấn công biên  
giới Tây Nam - Việt Nam. Ngày 18 tháng 4 năm 1978,  
quân Khmer Đỏ tràn vào Ba Chúc, thẳng tay chém giết  
những dân thường vô tội. Nhiều người chạy tới chùa  
Phi Lai, Tam Bửu và chạy lên núi Tượng nhằm ẩn náu,  
song cũng bị quân Khmer Đỏ tàn sát dã man. Trong  
suốt 12 ngày chiếm đóng từ 18 đến 30 tháng 4 năm  
1978, quân Khmer Đỏ đã giết chết 3157 dân thường.  
Chỉ có ba người sống sót sau vụ thảm sát đó. Ngay  
trong đêm 30/4/1977, Sư đoàn 330 của Việt Nam được  
lệnh cơ động chiến đấu trên biên giới tỉnh An Giang,  
phối hợp với lực lượng vũ trang An Giang thực hiện  
nhiều trận đánh phản kích, khôi phục những địa bàn bị  
Khmer Đỏ chiếm đóng.  
130 *Học Đạo Đức Chú thích*Cuộc tấn công lớn thứ hai diễn ra vào ngày 25  
tháng 9 năm 1977, khi 9 sư đoàn chủ lực Khmer Đỏ  
cùng lực lượng địa phương mở cuộc tiến công đánh  
sang các tỉnh An Giang, Kiên Giang, Long An, Đồng  
Tháp lên hướng Tây Ninh. Riêng ở tỉnh Tây Ninh, 4  
sư đoàn quân Khmer Đỏ đánh chiếm nhiều điểm ở các  
huyện Tân Biên, Bến Cầu, Châu Thành, đốt phá 471  
ngôi nhà, làm gần 800 người dân bị giết, bị thương  
hoặc mất tích. Tính từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 đến  
tháng 6 năm 1977, quân Khmer Đỏ đã xâm phạm biên  
giới Việt Nam trên 2.000 lần, sát hại hơn 4.000 người  
dân. Các cuộc tiến công và pháo kích vào An Giang  
tính đến ngày 19/5/1977 đã giết hại 222 người và làm  
614 người dân Việt Nam bị thương, bắt đi 10 người,  
đốt cháy 552 nhà dân, cướp 134 tấn lúa và nhiều tài sản  
của nhân dân.  
Vụ thảm sát là một trong những nguyên nhân dẫn  
đến xung đột biên giới giữa Việt Nam và Campuchia;  
sau đó là Chiến dịch phản công tự vệ của Việt Nam  
(hay còn gọi là Chiến tranh biên giới Tây Nam). Cuối  
năm 1979, chính quyền và nhân dân tỉnh An Giang đã  
xây dựng quần thể chứng tích tội ác. Trong đó có nhà  
mồ là công trình chính, hiện tại chứa đựng sọ của 1160  
nạn nhân trong vụ thảm sát Ba Chúc.  
*Học Đạo Đức Chú thích* 131  
(56) *Quân dân ta, quyết tự vệ/ Giữ biên cương,  
yên bờ cõi/ Chống Pol Pot, giúp nước bạn/ Thoát diệt  
chủng, được bình an:* Từ sự ngông nghênh, tàn bạo,  
độc ác của Khmer Đỏ, bắt buộc Quân đội ta phải mở  
một cuộc tấn công tự vệ để bảo vệ nhân dân, giữ yên  
biên cương, bờ cõi lãnh thổ của Việt Nam. Cho nên  
cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam này được gọi là  
cuộc chiến tranh “chống Pol Pot và giúp nước bạn  
Campuchia”. Cuộc chiến tranh này được các học giả, các  
nhà nghiên cứu chia thành 4 giai đoạn chính như sau:  
***Giai đoạn 1:*** Từ giữa năm 1975 đến cuối năm  
1978: Khmer Đỏ tổ chức nhiều cuộc tấn công vào lãnh  
thổ Việt Nam, phá hủy nhiều ngôi làng và giết hại  
hàng ngàn thường dân Việt Nam. Phía Việt Nam chỉ tổ  
chức phòng ngự và cố đàm phán để tìm giải pháp hòa  
bình, nhưng Khmer Đỏ bác bỏ.  
***Giai đoạn 2:*** Ngày 13 tháng 12 năm 1978, được  
sự trang bị và hậu thuẫn của Trung Quốc, Khmer Đỏ  
đã huy động 19 trong 23 sư đoàn (khoảng 80.000 đến  
100.000 quân) tiến công xâm lược Việt Nam trên toàn  
tuyến biên giới. Ba sư đoàn đánh vào Bến Sỏi với mục  
tiêu chiếm thị xã Tây Ninh, 2 sư đoàn đánh vào Hồng  
Ngự (Đồng Tháp), 2 sư đoàn đánh khu vực Bảy Núi  
(An Giang), 1 sư đoàn đánh Trà Phô, Tà Teng (xã Phú  
132 *Học Đạo Đức Chú thích*Mỹ, huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang). Tại những  
vùng chiếm đóng, Khmer Đỏ đã thực hiện sách lược  
diệt chủng đối với người Việt, như chúng đã làm với  
người Khmer bản địa. Quân đội Việt Nam đã chống trả  
quyết liệt và đã kìm chân bước tiến, đồng thời tiêu hao  
sinh lực của quân Khmer Đỏ. Các hướng tiến quân của  
Khmer Đỏ bị chặn lại và không thể tiến lên. Ngoại trừ  
Hà Tiên bị chiếm giữ trong một thời gian ngắn, còn lại  
các nơi khác đều bị quân đội ta kìm chân và đẩy lùi.  
Tới giữa tháng 12 năm 1978, Quân đội ta được sự  
hỗ trợ của một số tiểu đoàn Khmer thân Việt Nam đã  
kiểm soát được một vùng đệm dọc biên giới trong lãnh  
thổ Campuchia từ Mimot đến Snuol ở các tỉnh Kampong  
Cham và Kratié. Ở phía Bắc, quân đội ta cũng kiểm  
soát một vùng rộng lớn thuộc lãnh thổ Campuchia dọc  
theo đường 19. Ngày 23 tháng 12 năm 1978, sau khi  
được tăng viện tới 80.000 quân, Quân đội ta đã tiến  
hành phản công trên toàn bộ mặt trận biên giới phía  
Tây Nam, đẩy lùi quân Khmer Đỏ. Sư đoàn 2 cùng  
trung đoàn chủ lực tỉnh Tây Ninh mở cuộc tấn công  
nhằm đánh bật các Trung đoàn 23 thuộc Sư đoàn 304  
và Trung đoàn 13 thuộc Sư đoàn 221 của Khmer Đỏ  
ra khỏi các vị trí dọc theo tỉnh lộ 13 sát biên giới. Tuy  
nhiên chiến cuộc chưa chấm dứt, Quân đội ta quyết định  
*Học Đạo Đức Chú thích* 133  
mở một cuộc tổng tấn công phòng ngự vào Campuchia  
ngày 25 tháng 12 năm 1978 tới tháng 1 năm 1979 thì  
hoàn toàn thắng lợi, tiêu diệt gần như hoàn toàn sinh  
lực chủ chốt của Khmer Đỏ. Theo thống kê của Việt  
Nam ta, từ tháng 6/1977 đến tháng 12/1978, Quân đội  
ta đã tiêu diệt 38.563 quân Khmer Đỏ, bắt sống 5.800  
tên lính trên lãnh thổ Việt Nam.  
Tới mùa xuân 1981, hiến pháp mới của Campuchia  
được thông qua, sau đó là cuộc bầu cử toàn quốc để  
chọn ra 117 đại biểu quốc hội. Hun Sen được bầu làm  
Bộ trưởng Ngoại giao, Heng Samrin làm Chủ tịch  
nước. Ba sư đoàn mới được thành lập và đặt dưới Bộ  
Quốc phòng, nhưng an ninh vẫn được duy trì chủ yếu  
dựa vào sự hiện diện của 180.000 quân Việt Nam (mà  
lực lượng chủ chốt là Quân đoàn 4) do thượng tướng  
Lê Đức Anh chỉ huy.  
Chính quyền mới của Campuchia chỉ được một  
số nước thuộc khối xã hội chủ nghĩa công nhận. Chính  
phủ của Pol Pot tiếp tục được các nước phương Tây,  
Trung Quốc và khối ASEAN công nhận vẫn là thành  
viên Liên Hiệp Quốc.  
***Giai đoạn 3:*** Từ giữa năm 1979 đến cuối năm  
1985: Khmer Đỏ với sự trợ giúp về lương thực, vũ khí  
của Thái Lan, Trung Quốc và Hoa Kỳ đã tổ chức đánh  
134 *Học Đạo Đức Chú thích*du kích và đe dọa sự tồn tại của chế độ Cộng hòa Nhân  
dân Campuchia. Năm 1982 Việt Nam rút bớt quân khỏi  
Campuchia, ngay sau đó Khmer Đỏ hoạt động mạnh  
trở lại và chiếm một số khu vực. Nhận thấy quân đội  
Cộng hòa Nhân dân Campuchia còn rất yếu nên không  
thể tự chống cự được, Việt Nam buộc phải tiếp tục  
đóng quân tại Campuchia để bảo vệ chế độ Hun Sen và  
truy quét Khmer Đỏ. Mùa khô 1984 - 1985, cuộc tấn  
công quyết định của quân đội Việt Nam đã phá hủy các  
căn cứ quan trọng nhất của Khmer Đỏ, khiến Khmer  
Đỏ bị suy yếu đi nhiều và không còn đủ sức để đe dọa  
chế độ mới của Campuchia nữa.  
***Giai đoạn 4:*** Từ 1986 tới 1989: Sau chiến dịch  
mùa khô năm 1985, nhận thấy chế độ Cộng hòa Nhân  
dân Campuchia đã tự đứng vững được, từ năm 1986,  
Việt Nam rút dần quân khỏi Campuchia và đến năm  
1989 thì rút hết. Nhân việc Việt Nam rút quân, các  
lực lượng tàn quân của Khmer Đỏ định tái hoạt động,  
nhưng bị quân đội Hun Sen đánh bại. Khmer Đỏ dần  
tan rã, các lãnh đạo bị bắt và bị đưa ra xét xử ở tòa án  
quốc tế.  
Tới năm 1998, Pol Pot chết ở Anlong Veng -  
Campuchia vì bệnh tim; sau khi bị một thuộc cấp là  
Ta Mok hạ bệ vào năm 1997. Tháng 12 năm 1999, Ta  
*Học Đạo Đức Chú thích* 135  
Mok và các thủ lĩnh còn lại đầu hàng, chế độ Khmer  
Đỏ tàn ác mới chính thức chấm dứt sự tồn tại. Đến năm  
2006, chỉ có ba trong số các lãnh đạo Khmer Đỏ bị  
chính phủ Campuchia bắt giam. Năm 2018, các lãnh  
đạo Khmer Đỏ còn sống đã bị tòa án quốc tế tuyên án  
tù chung thân vì tội diệt chủng.  
Như vậy, cuộc tổng tấn công tự vệ của Quân đội  
nhân dân Việt Nam không chỉ giải phóng các tuyến  
biên giới Tây Nam nước ta mà còn đem lại sự thái bình,  
thịnh trị lâu dài cho quân đội và nhân dân Campuchia  
như hiện nay.  
(57) *Nhân dân ta, đã đoàn kết/ Chống xâm lăng,  
đuổi giặc Tàu/ Vững giang sơn, vẹn lãnh thổ/ Ta toàn  
thắng, giặc rút lui:* Chiến tranh biên giới 1979, hay  
thường được gọi là Chiến tranh biên giới Việt - Trung  
năm 1979, là một cuộc chiến ngắn nhưng khốc liệt  
giữa Trung Quốc và Việt Nam nổ ra vào ngày 17 tháng  
2 năm 1979 khi Trung Quốc đưa quân tấn công Việt  
Nam trên toàn tuyến biên giới phía Bắc giữa 2 nước.  
Chiến tranh biên giới Việt - Trung bắt nguồn từ  
quan hệ căng thẳng kéo dài giữa hai quốc gia, diễn ra  
trong khoảng một tháng với thiệt hại lớn về người và  
tài sản cho cả hai phía.  
136 *Học Đạo Đức Chú thích*Cuộc chiến kết thúc khi cả Việt Nam và Trung  
Quốc đều tuyên bố thắng lợi. Ngay sau khi Chủ tịch  
Tôn Đức Thắng kí lệnh ***“Tổng động viên toàn dân  
chống Trung Quốc”*** thì tới ngày 16 tháng 3 năm 1979,  
Trung Quốc đã ra lệnh rút quân sau khi đã đánh chiếm  
các thị xã Lạng Sơn, Lào Cai, Cao Bằng và một số thị  
trấn vùng biên.  
Theo **Thiếu tướng Lê Văn Cươn**g, nguyên viện  
trưởng Viện chiến lược, Bộ công an nói: “Đây là một  
cuộc kháng chiến chống xâm lược của dân tộc Việt Nam.  
Về bản chất, nó không khác gì các cuộc kháng chiến  
oanh liệt trong lịch sử như nhà Lý chống quân Tống,  
nhà Trần chiến thắng quân Nguyên, nhà Lê tiêu diệt  
quân Minh và Quang Trung Nguyễn Huệ đánh thắng  
nhà Thanh. Còn cuộc chiến năm 1979, Quân và dân ta  
đã đuổi được 60 vạn quân Trung Quốc ra khỏi bờ cõi.  
Một cuộc kháng chiến chống xâm lược như vậy rất  
oanh liệt, vĩ đại”.  
**Nguyên Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình**nói: “Chiến tranh biên giới phía Bắc là một câu chuyện  
buồn trong lịch sử, một câu chuyện buồn trong quan  
hệ Việt Nam - Trung Quốc. Dẫu vậy, nó vẫn là lịch  
sử và đã là lịch sử thì phải nhìn nhận nó với sự thật  
đầy đủ. Sẽ không thể không nhắc đến ngày 17/2/1979,  
*Học Đạo Đức Chú thích* 137  
ngày mà cuộc chiến tranh biên giới phía Bắc đã nổ  
ra, ngày mà hàng ngàn con em chúng ta đã hy sinh để  
bảo vệ biên cương của Tổ quốc. Nhắc để dân ta nhớ,  
biết ơn và tôn vinh những chiến sĩ và đồng bào đã hy  
sinh để bảo vệ biên cương Tổ quốc, như chúng ta đã và  
sẽ vẫn tôn vinh bao nhiêu anh hùng liệt sĩ trong cuộc  
chiến tranh giải phóng dân tộc. Không những dân ta  
cần hiểu, mà nhân dân Trung Quốc cũng như nhân dân  
các nước cũng phải hiểu đúng đâu là sự thật, đâu là lẽ  
phải và coi đó là bài học. Không thể quên lãng nó…  
Trong đấu tranh, chúng ta đã làm đúng theo lời dạy của  
Bác Hồ: “Dĩ bất biến, ứng vạn biến”, luôn giữ vững  
lập trường nguyên tắc độc lập dân tộc, chủ quyền quốc  
gia, nhưng vẫn linh hoạt, mềm dẻo trong sách lược.  
Tôi tin vào sức mạnh của chính nghĩa, của lẽ  
phải, tin vào sức mạnh của khối đoàn kết toàn dân và  
tin ở sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân thế giới. Ta  
cần hành động theo tinh thần đó. Nhưng tôi cũng muốn  
nhấn mạnh rằng sẽ khó để bảo vệ chủ quyền nếu đất  
nước không có nội lực, không có nền tảng vững chắc  
về kinh tế, chính trị, an ninh quốc phòng với đoàn kết  
dân tộc mạnh mẽ. Đây là nhiệm vụ quan trọng nhất mà  
chúng ta cần phấn đấu” *(Trích tạp chí điện tử Giáo dục*  
138 *Học Đạo Đức Chú thích  
Việt Nam đăng ngày 11 tháng 02 năm 2019 với nhan  
đề* ***“Sòng phẳng với lịch sử không phải là kích động  
hận thù”****).***Nhà nghiên cứu Dương Danh Dy** của Trung  
Quốc phải thừa nhận trong một nghiên cứu của mình  
năm 2014 rằng: “Việc xảy ra cuộc chiến tranh biên  
giới 17/2/1979 do Trung Quốc phát động, nguyên  
nhân chủ yếu là do phía Trung Quốc, cho nên họ xứng  
đáng bị lên án mạnh mẽ. Bởi vì dù cho có bất đồng  
quan hệ hai nước, Trung Quốc không thể mang quân  
đi đánh một nước láng giềng, từng là đồng minh của  
Trung Quốc, với một câu nói của Đặng Tiểu Bình là  
“Dạy cho Việt Nam một bài học”. Trong cuộc chiến  
này cả Việt Nam và Trung Quốc đều tổn thất nặng  
nề; trong vòng 20 ngày cả hai bên đều bị thương vong  
khoảng 50 nghìn người”. *(Trích Báo điện tử Việt Nam  
Net ngày 17 tháng 02 năm 2016 đăng bài* ***“Chiến  
tranh biên giới năm 1979 không thể lãng quên”****).*(58) *Nguyễn Văn Linh:* tên thật là Nguyễn Văn  
Cúc, còn được gọi là Mười Cúc. Sinh ngày 01/7/1915,  
Quê quán: Xã Giai Phạm, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng  
Yên. Từ năm 1929, ông đã tham gia Học sinh đoàn do  
Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên lãnh đạo. Ngày  
1/5/1930, khi rải truyền đơn chống đế quốc, ông bị địch  
*Học Đạo Đức Chú thích* 139  
bắt kết án tù chung thân và đày đi Côn Đảo. Năm 1936,  
do thắng lợi của Mặt trận Bình dân Pháp, ông được trả  
tự do, được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương,  
tham gia hoạt động trong công nhân lao động ở Hải  
Phòng và Hà Nội. Ông đã xây dựng cơ sở đảng, thành  
lập nhiều chi bộ và Thành ủy lâm thời ở Hải Phòng.  
Trải qua nhiều năm công tác, qua nhiều các chức  
vụ trong Đảng, Nhà nước, các cấp chính quyền, tới  
tháng 12/1986, tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI,  
Ông được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương và được  
Trung ương bầu làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung  
ương Đảng Cộng sản Việt Nam. Năm 1987, kiêm chức  
Bí thư Đảng uỷ Quân sự Trung ương.  
Nguyên Tổng Bí Thư Nguyễn Văn Linh được  
xem là một lãnh đạo tài ba, dám nghĩ, dám làm, dám  
chịu trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân…, Ông  
được xem như là một lãnh đạo gương mẫu trong việc  
“nói đi đôi với làm”. Chính vì sự quyết liệt, đổi mới của  
Ông đã đưa đất nước ra khỏi sự gò bó của nền kinh tế  
bao cấp; từ đây đưa đất nước Việt Nam phát triển kinh  
tế theo mô hình đa dạng hóa, đa phương hóa, mọi công  
dân đều có thể làm và phát triển kinh tế theo quy định  
của pháp luật; đưa đất nước đi từ nghèo nàn, lạc hậu  
tiến tới sự phát triển bền vững về mọi mặt của đất nước.  
140 *Học Đạo Đức Chú thích*Có thể nói, đất nước chúng ta được như ngày hôm  
nay là nhờ vào sự đóng góp không nhỏ của Nguyên  
Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh. Sau một thời gian về  
làm Cố vấn và nghỉ ngơi, Ông đã từ trần vào ngày  
27/4/1998 tại Thành phố Hồ Chí Minh.  
(59) *Nhớ ơn Đảng, ơn Tổ quốc/ Ta phải sống cho  
có ích/ Lấy đức hạnh, lấy nhân từ/ Lấy lòng trung, xây  
dựng nước:* Để có được cuộc sống ấm no, hạnh phúc  
như ngày hôm nay, chúng ta phải luôn nhớ ơn Đảng,  
nhớ ơn Tổ quốc, nhớ ơn Bác Hồ - vị cha già kính yêu  
của dân tộc; nhớ ơn bao thế hệ cha ông của chúng ta đã  
hi sinh xương máu để bảo vệ non sông đất nước. Chúng  
ta phải luôn trau dồi đức hạnh, lấy lòng nhân từ để đối  
đãi, hành xử với mọi người; lấy lòng trung thành, dũng  
cảm để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Dân tộc Việt Nam  
chúng ta có câu: “Uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ  
kẻ trồng cây”. Chính vì vậy mà chúng ta phải luôn ghi  
nhớ công ơn to lớn của Đảng, Nhà nước, Quân đội và  
nhân dân ta trong các cuộc chiến tranh chống thực dân  
Pháp, đế quốc Mỹ, Khmer Đỏ và chiến tranh biên giới  
Việt - Trung năm 1979…, giành lại chính quyền, giành  
lại độc lập, thống nhất đất nước, tạo nên một cuộc sống  
ấm no, hạnh phúc như ngày hôm nay. Vậy nên mới nói:  
***“Dân ta phải học sử ta  
Học kỹ để biết dân ta anh hùng”.***  
*Học Đạo Đức Chú thích* 141  
**V. Chương thứ năm**(60) *Chương thứ năm:* nói về việc “lập chí thành  
tài”. Bác Hồ đã từng dạy: “không có việc gì khó, chỉ  
sợ lòng không bền, đào núi và lấp biển, có chí ắt  
làm nên”. Thật vậy, trong cuộc sống nếu chúng ta  
không có ý chí kiên định, không có hạnh nguyện  
tiến lên để vượt khó, vượt khổ và hướng đến đích  
mà chúng ta đã chọn thì sẽ không bao giờ chúng ta  
thành công. Do đó nếu chúng ta muốn đạt đến cái  
đích thành công thì chúng ta phải dùi mài ý chí, học  
hành tinh chuyên, sớm khuya làm lụng, nguyện tiến  
không lùi,… lập chí như thế ắt sẽ thành công. Như  
xưa Thần Siêu học tập, sinh thời ông rất nổi tiếng  
là văn hay, chỉ có điều là chữ xấu cho nên đi thi  
Hội cả ba lần đều trượt. Từ đó ông lập chí làm lại từ  
đầu, ngày đêm luyện chữ, ba năm sau, kết quả ông đi  
thi đỗ cả kỳ cuối là thi Đình. Vậy nên mới nói việc  
lập chí để hướng đến thành công rất là quan trọng.  
(61) *Tuổi dần lớn, trí cũng khôn/ Phải lập chí, cho  
thành tài/ Học điều hay, tránh điều dở/ Phải nhận thức,  
được chính tà:* Ở đây muốn nói, tuổi dần lớn thì cha mẹ  
nên quan tâm, định hướng, dạy bảo cho các con, khiến  
cho các con của mình gắng sức học tập. Nên khuyên  
142 *Học Đạo Đức Chú thích*các con học lấy những điều hay, điều tốt, tránh những  
điều ác, điều dở. Cha mẹ, thầy cô, các bậc phụ huynh  
phải thường xuyên kèm cặp, dạy bảo cho các con giác  
ngộ, nhận thức được đâu là chính, đâu là tà; đâu là  
thiện, đâu là ác; việc nào nên làm, việc nào không nên  
làm. Điều này rất quan trọng đối với các con khi đang  
trong độ tuổi mới lớn.  
(62) *Nhớ công sinh, khắc công dưỡng/ Bao khó  
nhọc, lắm gian lao/ Nay gắng học, để báo đền/ Quyết  
thành tài, lưu sử sách:* Đạo làm con phải luôn luôn  
khắc ghi trong lòng về công ơn sinh thành và dưỡng  
dục to lớn của cha mẹ. Nếu không có cha mẹ gian lao,  
nhọc nhằn, sớm khuya tảo tần, vất vả thì đâu chúng ta  
có thể lớn khôn được? Vì vậy đạo làm con nếu muốn  
báo hiếu, đáp đền một vài phần trong muôn phần ấy  
thì điều trước tiên phải nêu cao ý chí, gắng sức học  
tập. Vì từ ngàn xưa đến ngày nay, tất cả những người  
thành tài, những bậc xuất chúng, tất cả đều do việc  
học tập, tu dưỡng, rèn luyện mà thành. Do đó chúng  
ta thấy được, việc học tập rất quan trọng. Tuổi còn  
nhỏ nếu không chăm chỉ học tập thì sau này lớn lên  
không có kiến thức, không có kinh nghiệm, bụng rỗng  
tâm cao, kết quả là hư hoại cả đời, khiến cho cha mẹ  
buồn tủi, họ hàng chẳng được nhờ ơn. Chính vì vậy  
*Học Đạo Đức Chú thích* 143  
mà chúng ta phải lập chí học hành cho thật tốt. Khi  
học chỉ học những điều hay, chỉ làm những điều phải.  
Khi chọn bạn chỉ chơi với bạn hiền, nhớ lánh xa bạn  
ác. Người xưa đã dạy: “Thân cận bạn hiền như đi trong  
sương móc, dù không ướt áo nhưng cũng thấm đượm  
mát mẻ, xa lánh kẻ ác phải như sợ rắn rết sài lang”, nếu  
không như thế thì có ngày sẽ tán thân mất mạng, chí  
ít cũng làm mất đi thanh danh và sự nghiệp của mình.  
(63) *Nếu làm người, phải lập chí/ Học cái hay,  
hành điều tốt/ Gần bạn hiền, xa bạn ác/ Chớ ham  
chơi, chớ đua đòi:* Phận làm con chỉ nên chăm lo học  
tập, hiếu thảo, ngoan hiền để làm cho cha mẹ vui.  
Phải lập chí học hành cho tốt, chớ có ham mê chơi  
bời lêu lổng, cũng chẳng được ăn chơi đua đòi theo  
những kẻ xấu. Phải luôn nghĩ tới công ơn sinh thành  
cúc dục to lớn của cha mẹ. Cha mẹ thì ngày đêm vất  
vả, chắt chiu từng ly từng tý để nuôi chúng ta ăn học.  
Vì vậy đạo làm con phải luôn ghi nhớ, khắc sâu trong  
lòng để mà gắng sức học tập, rèn luyện, mài dũa, làm  
sao cho trí tuệ ngày một mở mang, lập chí thành tài  
để sau này lớn khôn chúng ta còn báo đáp công ơn  
to lớn của cha mẹ. Làm được như vậy chúng ta mới  
không uổng phí đi một kiếp người.  
144 *Học Đạo Đức Chú thích***VI. Chương thứ sáu**(64) *Chương thứ sáu:* Chương này nói về “Lựa chọn  
việc làm”. Nghĩa là chúng ta phải lựa chọn cho mình  
một công ăn việc làm sao cho phù hợp với khả năng và  
sự yêu thích của mình. Chính vì vậy việc định hướng của  
chúng ta từ khi còn trẻ rất quan trọng, đặc biệt trong khi  
chúng ta còn đang trong thời kỳ đi học (cuối cấp II và  
lên cấp III). Lúc này chúng ta nên xem xét cho thật kỹ,  
chúng ta có thể nhìn, quan sát và học hỏi kinh nghiệm  
người đi trước; nhờ người thân, anh chị mình tư vấn, chỉ  
bảo thêm cho mình nếu như chúng ta thực sự chưa tin  
tưởng vào sự lựa chọn của mình, nhưng bản thân luôn phải  
là người quyết định cuối cùng và quyết định chính xác.  
Sách **Đệ Tử Quy** dạy: “Nghề nghiệp không được  
biến đổi, nếu biến đổi thì làm cha mẹ lo”. Do đó việc  
lựa chọn cho mình một công việc phù hợp và ổn định  
lâu dài rất quan trọng. Các cụ chúng ta ngày xưa thường  
dạy: *“An cư mới lạc nghiệp”*. Hay lại nói: *“Chớ đứng  
núi này trông núi nọ”*, ý là đừng có nay làm chỗ này,  
mai làm chỗ khác, nay học cái này, mai học cái khác,  
nay làm việc này mai làm việc khác, rốt cuộc chẳng có  
việc nào được thành tựu cả. Hãy nhớ người xưa từng  
nói: “Một nghề thì sống, đống nghề thì chết”, bởi vậy  
hãy chọn cho mình một công việc phù hợp và trung  
*Học Đạo Đức Chú thích* 145  
thành với nó. Giả sử trong cuộc sống, đôi khi cũng có  
thể thử sức, nếu như cảm thấy mình có khả năng, có  
sở thích với một công việc mới. Ví dụ như: chúng ta  
đang làm ngành tài chính ngân hàng, chúng ta cũng có  
thể chuyển sang kinh doanh bất động sản hoặc chứng  
khoán; hoặc đang làm y bác sĩ thì chúng ta cũng có thể  
chuyển sang kinh doanh dược phẩm thuốc men; chúng  
ta đang làm ca sĩ có thể chuyển sang đóng phim, diễn  
kịch, làm đạo diễn… Nói tóm lại, mọi sự thay đổi nên  
phù hợp đam mê và khả năng của chúng ta thì sự thành  
công sẽ cao hơn. Mọi thí dụ chỉ là tính tham khảo, định  
hướng chứ không phải là quyết định cuối cùng. Nhưng  
hãy nhớ, chắc chắn nó sẽ giúp ích được cho chúng  
ta rất nhiều, bởi vậy chúng ta hãy nên trân trọng nó.  
(65) *Học xong rồi, chọn việc làm:* Nếu việc học  
hành xong rồi, bạn nên bắt tay ngay vào công việc  
mà bạn yêu thích, đừng có ham chơi, luống qua ngày  
tháng của tuổi trẻ. Hãy tận tâm kiệt lực với công việc  
mà bạn đã chọn. Hãy làm với tất cả sự đam mê, sáng  
tạo của bạn thì bạn sẽ thành công. Người xưa thường  
nói: *“Có công mài sắt, có ngày nên kim”* do đó chỉ cần  
chúng ta kiên trì, chúng ta cố gắng thì mọi việc sẽ được  
ổn thôi. Nhưng có một điều quan trọng chúng ta phải  
nhớ đó là xem xét những việc mà chúng ta đang làm  
146 *Học Đạo Đức Chú thích*có phải là việc thiện không? Có tốt cho cộng đồng xã  
hội và tốt cho tất cả chúng sinh không? Nếu là việc ác,  
trái với pháp luật nhà nước, trái với đạo đức nhân quả,  
trái với thuần phong mỹ tục, trái với lương tâm trong  
sáng của bạn thì cần phải dừng lại ngay và chúng ta có  
thể sớm tìm cho mình một công việc mới phù hợp hơn.  
Công việc mà bạn đang làm “Nhất định phải đem  
lại lợi ích cho cộng đồng, lợi ích cho nhân sinh, cho gia  
đình, cho xã hội và cho Tổ quốc” thì bạn mới nên làm.  
Vì sao? Vì những công việc của bạn đang làm ngày hôm  
nay chính là “nhân” và những sản phẩm, những thành  
tựu mà bạn làm ra chính là “quả”. Nhân nào quả đó,  
nếu bạn làm thiện, bạn sẽ được hưởng quả báo tốt, còn  
bạn làm ác bạn sẽ phải chịu quả báo xấu. Chỉ có điều là  
nó sẽ đến với bạn, nhanh hay chậm, sớm hay muộn mà  
thôi. Do đó hãy khôn ngoan, tỉnh táo để lựa chọn cho  
mình một công việc tốt, nếu như bạn nhận thấy “Mình  
muốn hoặc đang là một Phật tử”. Một người “Phật tử  
- con Phật tại gia” nhất định không được làm việc ác.  
(66) *Tìm việc làm, nếu không được/ Đừng vội  
vàng, đừng chán nản/ Việc chưa hợp, có thể đổi/ Hãy  
kiên trì, sẽ thành công:* Khi mới học xong, nếu bạn  
gặp khó khăn bởi muốn tìm cho mình một công việc  
ổn định. Không sao, ta đừng quá vội vàng hay thất  
*Học Đạo Đức Chú thích* 147  
vọng nếu như ước mơ của bạn chưa trở thành hiện thực.  
Hãy cố lên, khi cánh cửa này đóng lại thì lại có cánh  
cửa khác mở ra. Chẳng phải chúng ta từng biết hay  
từng được nghe rất nhiều câu chuyện kể về những tấm  
gương thành công mà bước đầu gặp toàn thất bại, hay  
những câu từ chối đó hay sao. Hoặc nếu công việc hiện  
giờ của bạn luôn cảm thấy không phù hợp, điều đó làm  
cho bạn chán nản, buồn rầu, thậm chí là đau khổ vì điều  
đó. Việc đã tới nước ấy thì bạn không cần phải cố chấp  
nữa. Ngay lập tức, bạn có thể đi tìm cho mình một công  
việc mới phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và sở thích  
của bạn hơn. Hãy nhớ, chỉ cần đó là công việc thiện  
lương, không ác độc làm tổn hại chúng sinh, không buôn  
gian bán lậu, không vi phạm pháp luật, không trái với  
đạo đức nhân quả… thì đó là việc thiện, nơi ấy thoả  
sức cho bạn thể hiện năng lực và đam mê của mình.  
Bạn có thể thử sức, nếu cảm thấy phù hợp và yêu thích,  
hãy gắn bó với công việc đó nếu công việc đó đem đến  
cho bạn niềm vui, niềm an lạc và hạnh phúc thì hãy  
trung thành với nó, dù có gặp bất cứ khó khăn gì, bạn  
cũng phải cố gắng để vượt qua. Hãy nghĩ rằng, đó là  
một chướng ngại vật, một thử thách nho nhỏ trong cuộc  
đời mà mình phải vượt qua, rồi bạn sẽ thấy cuộc đời sẽ  
trở nên êm ả hơn, yên bình hơn, tốt đẹp hơn.  
148 *Học Đạo Đức Chú thích*Trong cuộc sống, đôi lúc cũng có những sự cố  
thường xảy ra ngay cả với chúng ta. Ví dụ như, trước  
đó chúng ta đã chọn cho mình một công việc, ở thời  
điểm ấy, khi ấy công việc ấy rất phù hợp với mình và  
mình đã làm rất tốt công việc ấy. Không sao, nếu bạn  
thấy công việc ấy không còn phù hợp với mình nữa.  
Bạn có thể thay đổi công việc ấy bất cứ lúc nào nếu  
bạn thực sự muốn. Cũng giống như con người chúng  
ta, mỗi khi làm việc căng thẳng, chúng ta cần phải  
thay đổi bầu không khí, ví như một chuyến du lịch  
chẳng hạn. Tương tự như vậy, đừng quá cố chấp, nếu  
bạn cảm thấy ở thời điểm bây giờ bạn có thể làm tốt  
hơn, thành công hơn với một công việc khác; nếu cảm  
thấy chắc chắn, bạn đã suy nghĩ kỹ về điều đó, thì bạn  
hãy thực hiện nốt phần ước mơ của mình.  
Dù công việc mới đối với bạn có một chút khó  
khăn, một chút chướng ngại, thậm chí là rất nhiều  
những gian nan, thử thách. Không sao, hãy cố lên vì  
đó là công việc mà bạn đã thích và đã lựa chọn. Nếu  
cố gắng, chắc chắn bạn sẽ thành công. Nếu cố gắng  
mãi mà vẫn không thành, đừng nản chí, bạn vẫn còn  
có nhiều cơ hội khác, nhiều công việc khác để cho bạn  
thử sức. Điều quan trọng là bạn không được chán nản,  
không được quỵ ngã, không được thoái lui trước những  
*Học Đạo Đức Chú thích* 149  
phong ba thử thách của cuộc đời. Hãy vững bước đi  
lên, con đường và ánh sáng ở phía trước đang chờ bạn.  
Chúc bạn thành công với ước nguyện của mình!  
(67) *Việc nếu hợp, nhưng còn khó/ Phải cố gắng,  
đừng bỏ cuộc/ Chớ núi này, trông núi khác/ Suốt cuộc  
đời, vẫn trắng tay:* Nếu công việc mà bạn đang làm  
đã phù hợp với mình rồi, chỉ có điều là bạn đang gặp  
phải một chút khó khăn. Hãy nghĩ rằng ngày xưa còn  
bé, mỗi khi tập đi, ta đã từng bị ngã rất nhiều lần; mỗi  
khi bị ngã ta lại đứng lên, lại chập chững bước đi, kết  
quả là bây giờ những bước đi không còn khó khăn, hay  
bị cản trở gì với ta nữa. Hãy nghĩ rằng trong công việc  
cũng như thế, chúng ta có thể chưa thành công trong  
lần này, nhưng chúng ta có thể thành công trong lần  
khác. Điều quan trọng là chúng ta phải cố gắng, không  
được chán nản hay bỏ cuộc.  
Trong công việc, nếu bạn vừa gặp một chút khó  
khăn, một chút chướng ngại mà bạn đã vội vàng bỏ  
cuộc. Vì bạn nghĩ rằng: Thôi, công việc này không  
được thì mình lại đi làm công việc khác, chỗ làm này  
không hợp thì mình lại đi làm chỗ khác… nếu có ý  
nghĩ ấy, bạn được xếp vào hạng người “Đứng núi này  
trông núi nọ”. Tất nhiên không ai dám coi thường hay  
khinh rẻ bạn; nhưng tôi chắc chắn với bạn rằng, trong  
150 *Học Đạo Đức Chú thích*cuộc sống bạn sẽ là người rất vất vả, nay đây mai đó,  
bạn cũng sẽ không có sự thành công nào đáng kể cả.  
Rốt cuộc, cho đến hết cuộc đời này thì bạn vẫn chỉ là  
kẻ trắng tay với đúng nghĩa của nó. Do đó, nếu muốn  
thành công bạn phải kiên trì, đừng chán nản, đừng  
thoái lui.  
Chúng ta nên nhớ “Không có một vinh quang  
nào lại chỉ đi trên nền thảm đỏ”. Tất cả đều nhờ vào  
sự cố gắng, nỗ lực của bản thân bạn phải tự vượt qua  
những khó khăn, trở ngại của chính mình, để hướng  
đến thành công. Đây là con đường duy nhất để hướng  
đến thành công, không còn một con đường nào khác.  
Vì vậy, xin chúc bạn may mắn và đừng quên “Mọi  
vinh quang đều phải vượt qua chính mình”. Hãy cố  
gắng lên bạn nhé.  
(68) *Việc phạm pháp, việc gian tà/ việc của ma,  
đâu chính đáng/ Bậc chính nhân, không làm vậy/ Nếu  
làm vậy, phi đạo đức:* Như trên đã nói, việc làm ác dù  
cho có lợi lộc trước mắt, bậc chính nhân quân tử cũng  
quyết không làm. Nay lại nói: *“Việc phạm pháp, việc  
gian tà/ Việc của ma, đâu chính đáng”*. Thế nào là việc  
phạm pháp? Tức là những việc mà pháp luật Nhà nước  
ngăn cấm vậy. Ví dụ như việc buôn gian bán lận, đút  
lót, hối lộ, khai man trốn thuế, buôn bán hàng quốc cấm  
*Học Đạo Đức Chú thích* 151  
như ma tuý… tất cả những việc đó đều gọi là việc phạm  
pháp. Thế nào là việc gian tà? Tức là những việc gian  
dối, không thật, lừa thầy, phản bạn… việc phải cho là  
trái, việc trái cho là phải, tất cả đều gọi là việc gian tà.  
Thế nào là việc của ma? Tức là những công việc bất  
minh, bất chính, lén la lén lút, gian manh xảo quyệt,  
chuyên nghĩ ra các mưu gian kế hiểm để lợi mình hại  
người… thì gọi là việc của ma việc của quỷ vậy.  
Bậc chính nhân quân tử là những người luôn  
sống vị tha, luôn nghĩ cho người khác trước, sau mới  
nghĩ tới mình, luôn đặt lợi ích quốc gia dân tộc lên  
trước, sau đó mới tính tới lợi ích gia tộc, gia đình, cá  
nhân của mình. Lại nữa, bậc chính nhân quân tử không  
bao giờ làm các việc ác, việc xấu, việc gian tà, việc  
ma quỷ vừa nói trên. Tất cả những việc xấu, việc ác đó  
chúng ta đều không được làm, nếu làm thì vi phạm vào  
đạo đức, lối sống lành mạnh của chúng ta. Vậy nên  
mới nói: “Nếu cố làm, phi đạo đức” là thế.  
152 *Học Đạo Đức Chú thích***VII. Chương thứ bảy**(69) *Chương thứ bảy:* Chương này nói về “Hướng  
đến thành công”. Trong cuộc sống, tất cả chúng ta, ai ai  
cũng đều phải đặt ra cho mình một cái đích đến, đó là “sự  
thành công” để mà phấn đấu. Người làm ăn buôn bán thì  
đặt ra đích đến đó là “kinh doanh có lãi”, người đi học  
thì đặt ra đích đến “thi cử đỗ đạt”, người làm chính trị  
thì đặt ra cái đích “thành công trên con đường quan lộ,  
thăng quan tiến chức chính đáng”, người xuất gia học  
đạo thì đặt ra cái đích “giác ngộ giải thoát”, sớm thành  
chính quả để phổ độ chúng sinh,… tất cả những tâm  
tư, nguyện vọng ấy đều gọi là “hướng đến thành công”.  
(70) *Nếu một khi, có vấp ngã/ Hãy đứng lên, đừng  
nản chí/ Phải bước đi, về phía trước/ Nếu không dừng,  
sẽ đến đích:* Trên bước đường đời xa xôi vạn dặm,  
trong cuộc sống xô bồ đầy cạm bẫy chông gai này,  
nếu một lúc nào đó chúng ta cảm thấy bị mệt mỏi hay  
những thất bại trong công việc. Hãy bình tĩnh và đứng  
lên, đừng nản chí. Con đường mà chúng ta đang đi, có  
lẽ còn rất dài, rất xa, do đó chỉ có một sự lựa chọn duy  
nhất đó là: “Hãy đứng lên và tiến bước đi thẳng về  
phía trước nếu không dừng lại, không thoái lui, chắc  
chắn chúng ta sẽ đi được tới đích”. Hãy như mũi tên,  
*Học Đạo Đức Chú thích* 153  
như viên đạn, chỉ có một hướng đi đó là “đi về phía  
trước”. Nếu bạn giữ được niềm tin và ý chí như vậy  
thì lo gì chẳng vượt qua được những gian nan, những  
thử thách của cuộc đời. Hãy cố lên và hãy nghĩ rằng  
“thành công” vẫn luôn đang ở bên cạnh bạn, nó đang  
chờ để được bắt tay bạn, cùng bạn bước tiếp trên con  
đường vinh quang phía trước.  
(71) *Miện vinh quang, luôn tỏa sáng/ Đón người  
tài, đợi người đức/ Ta gắng sức, sẽ thành công/ Khéo  
vun trồng, được hái quả:* Trên con đường dẫn đến sự  
thành công, nếu không thoái ắt chúng ta sẽ về đích.  
Vương miện vinh quang sẽ luôn toả sáng trên đầu  
chúng ta, đem đến cho chúng ta biết bao những điều kỳ  
diệu, vui mừng và hoan hỷ. Vương miện ấy không phải  
tự nhiên mà có, nó chỉ được trao cho những người thực  
sự xuất sắc, thực sự đã vượt qua được những thử thách  
khó khăn nhất của cuộc đời. Nó chỉ đến với những  
người có tài, có đức và có tâm. Người xưa dạy rằng:  
“Có đức mặc sức mà ăn”. Nhà Phật cũng dạy: “Người  
có lòng nhân từ, đức độ sẽ được hưởng quả báo tốt”.  
*Kinh Đại Bảo Tích* cũng nói: “Người có tài năng, đức  
độ và tấm lòng từ bi sẽ được mười phương Chư Phật  
ngầm gia hộ”. Như vậy đủ để chúng ta thấy rằng sự  
thành công, vinh quang, tỏa sáng chỉ đến với những  
154 *Học Đạo Đức Chú thích*ai thực sự tài ba, thực sự cố gắng, nỗ lực để vượt qua  
những rào cản khó khăn của cuộc đời. Vậy nên mới  
nói: “Đợi người tài, đón người đức. Ta gắng sức, sẽ  
thành công. Khéo vun trồng, được hái quả” là như thế.  
(72) *Việc thành công, do người nghĩ/ Không suy  
bì, không mặc cảm/ Lòng ta an, tâm ta đủ/ Không chấp  
thủ, đó thành công:* Đức Phật dạy việc thành công  
là do mỗi người chúng ta tự suy nghĩ, tự cảm nhận. Có  
người họ cảm thấy hoan hỷ, bình an với cuộc sống tự  
do tự tại, không vướng bận một việc gì như những vị tu  
sĩ; lại có những người cảm thấy hạnh phúc khi được  
sống một cuộc sống giản đơn nơi hoang sơ, với cỏ cây  
núi đồi trùng điệp và cũng có người họ chỉ cảm thấy an  
vui, hạnh phúc với cuộc sống đầy đủ vật chất nơi đô thị  
đông người… lại có người cho rằng thành công là phải  
học hành tới nơi tới chốn; có người thì nói phải thăng  
tiến trên con đường quan lộ; có người bảo phải có được  
nhiều tiền, thành công trên con đường thương nghiệp  
(buôn bán) để có thể giúp mình giúp đời… có rất nhiều  
sự cảm nhận và ý nghĩ về sự thành công khác nhau, nói  
tóm lại điều này phải tự chúng ta cảm nhận mới được.  
Trong cuộc sống, chỉ cần “Lòng ta an, tâm ta  
đủ” thì đó chính là sự thành công cao thượng nhất. Sự  
thành công đó do chính chúng ta cảm nhận, không mê  
*Học Đạo Đức Chú thích* 155  
lầm, không vọng tưởng, không phân biệt, không chấp  
thủ... Nó được lưu xuất ra từ tâm giác ngộ, tâm tịch tĩnh  
của những bậc chân tu như Chư Phật, Bồ Tát, Thánh  
Tăng,… đó chính là cảm nhận về sự thành công của  
bậc Thánh nhân xuất thế. Còn đối với đại đa số con  
người chúng ta, nếu trong cuộc sống chúng ta luôn biết  
đủ, luôn biết tự bằng lòng với những “thành tựu” mà  
mình đang có, không tham lam, không cố chấp, không  
cống cao, không ngã mạn… thì đó cũng có thể được  
đánh giá là thành công bước đầu.  
(73) *Nghĩ điều lành, làm điều thiện/ Chí rộng lớn,  
vì quốc gia/ Hướng ra xa, khắp mọi loài/ Ấy gọi là,  
người thành công:* Người thành công trong cuộc sống  
là người tự cố gắng vươn lên bằng tất cả ý chí và nguyện  
lực của mình. Khi thành công rồi chúng ta luôn nghĩ tới  
những điều lành, điều thiện như cúng dàng Tam Bảo,  
bố thí chúng sinh, giúp đỡ mọi người… làm tất cả các  
việc thiện có thể làm. Khi thành công rồi nên nghĩ tới  
“Ân trọng quốc gia” để mà báo đền; phải lập chí lớn  
để xây dựng đất nước, bảo vệ dân tộc. Trong kinh điển  
nhà Phật có dạy, chúng ta phải luôn nhớ nghĩ tới “Tứ  
trọng ân”. Trong đó Ân thứ nhất là: Ân trời che đất chở,  
mưa nắng thuận hòa, nhật nguyệt soi tỏ… khiến cho  
vạn sự vạn vật ở thế gian nhờ đó mà sinh sôi nảy nở,  
156 *Học Đạo Đức Chú thích*tồn tại lâu dài. Ân thứ hai là: Quốc gia xã tắc, nhờ có  
quốc gia xã tắc mà chúng ta được sống bình an, hạnh  
phúc như ngày nay. Nên nhớ rằng, để có cuộc sống  
bình yên như ngày hôm nay, cha ông chúng ta đã đổ  
biết bao xương máu để bảo vệ từng tấc đất, ngọn cỏ  
của quê hương, đất nước. Do đó hàng hậu học chúng ta  
không được lơ là, không được quên ơn đối với các bậc  
tiền nhân. Chúng ta luôn nhớ ơn và báo ơn bằng cách  
yêu thương đồng bào, trung thành với Tổ quốc. Luôn  
suy nghĩ để đóng công góp sức cho việc xây dựng và  
bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ dân tộc, đất nước Việt Nam tươi  
đẹp của chúng ta mãi mãi được phồn vinh, thịnh vượng.  
Không chỉ dừng lại ở đó, chúng ta còn phải phát  
tâm rộng lớn, hướng lòng từ bi để ban trải yêu thương  
đến với tất cả mọi loài chúng sinh, cho dù đó chỉ là  
những loài sinh linh nhỏ bé nhất. Chúng ta nên phát  
nguyện cứu giúp chúng sinh bằng cách không giết hại  
chúng để ăn thịt hay làm giàu cho bản thân. Không  
chỉ không sát sinh mà chúng ta còn phải phát nguyện  
phóng sinh cứu vật để tăng trưởng công đức, tăng  
trưởng tâm Bồ Đề yêu thương cho đến ngày thành  
Phật. Làm được như thế chúng ta mới là người thành  
công thật sự, mới là người được hưởng phúc báo của  
sự thành công ấy lâu dài và mãi mãi về sau.  
*Học Đạo Đức Chú thích* 157  
**VIII. Chương thứ tám**(74) *Chương thứ tám:* nói về “Lòng từ trải khắp”.  
Nghĩa là trong cuộc sống, chúng ta nên ban trải tấm  
lòng từ bi, yêu thương rộng khắp tới tất cả mọi người,  
mọi loài cho dù đó là những loài động vật nhỏ bé nhất.  
Trong kinh Đức Phật có dạy: “Tất cả các chúng sinh,  
dù nhỏ bé như con trùng, con kiến hay to lớn như con  
voi, con kình… thì chúng đều có gia đình, đều có chung  
một mong muốn được sống, được bình an và được hạnh  
phúc”. Bởi vậy chúng ta phải phát đại nguyện để ban  
trải lòng từ, rộng độ chúng sinh; khiến cho tất cả chúng  
sinh đều được an vui, hạnh phúc như chúng ta bây giờ.  
(75) *Làm người phải, sống có Tâm/ Làm người  
phải, sống có Đức/ Tâm là gốc, Đức là cành/ Tâm,  
Đức thành, gọi bậc Trí:* Đoạn này đã dạy cho chúng ta  
biết “cách sống, cách làm người” phải như thế nào! Có  
không ít người thế gian, họ cho rằng làm người phải  
sống để hưởng thụ và hưởng thụ để mà sống. Còn ở đây,  
trong bộ “Học Đạo Đức” này dạy chúng ta “Làm người  
phải, sống có tâm”. Vậy cái “Tâm” ở đây là như thế nào?  
Nhà Phật nói về tâm thì cao siêu, cùng tột, tận cùng lý  
tính mới thấu tỏ được nguồn tâm. Tâm ấy theo *Kinh*  
158 *Học Đạo Đức Chú thích  
Lăng Nghiêm* chẳng ở trong cũng chẳng ở ngoài, chẳng  
phải chẳng ở trong cũng chẳng phải chẳng ở ngoài; chẳng  
ở giữa cũng chẳng phải chẳng ở giữa. Bản lai diện mục  
xưa nay vẫn như vậy, tại Thánh không tăng, tại phàm  
chẳng giảm. Tịch mà thường chiếu, chiếu mà thường  
tịch. Tựa như trăng rằm mà chẳng phải trăng rằm. Tạm  
ví như nước trong trăng hiện, trăm ngàn vạn ức con  
sông, dù lớn như đại dương bao la hay chỉ nhỏ bé như  
giọt sương trên đầu ngọn cỏ, hễ nơi nào có nước thì nơi  
đó thảy đều trăng hiện, bởi vậy cái tâm này nhà Phật  
gọi là “Linh Tri Tâm”.  
Lại còn cái tâm nữa gọi là “Duyên Lự Tâm”,  
tức là cái tâm duyên theo cảnh giới, nhớ tưởng. Tất cả  
những phân biệt, chấp trước khổ đau cũng từ đây mà có.  
Còn cái tâm nữa là “Nhục Đoàn Tâm” tức tâm  
này là chỉ cho trái tim ở trong cơ thể chúng ta. Nó theo  
nghiệp lực cấu nhiễm mà đến, rồi nó theo nghiệp sinh  
tử mà đi; không tồn tại lâu dài, tuỳ theo phúc báo, thọ  
mạng của mỗi con người, mỗi chúng sinh mà tồn tại.  
Lại nữa, trong Duy Thức Học của Phật giáo rộng  
nói về “Bát thức tâm vương” và “Năm mươi mốt thức  
tâm sở”. Nghĩa là con người chúng ta tồn tại ngoài sắc  
pháp (tứ đại) còn có tám thức tâm vương và năm mươi  
mốt tâm sở hành nữa. Đức Phật dạy: “Chỉ với những  
*Học Đạo Đức Chú thích* 159  
tâm này nó bao trùm tất cả, chúng sinh hay Bồ tát -  
Chư Phật cũng tâm này mà ra”.  
Người xưa thường nói: “có đức mặc sức mà ăn”.  
Thật vậy, vì đạo đức chính là nền tảng căn bản để xây  
dựng xã hội, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc  
của loài người chúng ta. Con người chúng ta sở dĩ khác  
với các loài động vật bởi chúng ta có đạo đức, có lễ  
giáo, có luân thường đạo lý. Nói theo Nho học thì là  
có “Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín”.  
Trong cuộc sống, chúng ta thường nghe thấy  
người ta bảo “Sống ở đời phải có cái tâm”. Thật vậy,  
trong *Kinh Hoa Nghiêm* Đức Phật dạy: “Tâm là cội  
nguồn sinh ra các pháp, tâm được ví như gốc rễ để nuôi  
lớn thân cây”. Lại nói: “Nếu người muốn biết rõ, các  
Đức Phật ba đời, nên quán tính pháp giới, tất cả do tâm  
tạo”. Bởi vậy, nhà Phật rất chú trọng đến cái “Tâm”  
của tất cả chúng sinh trong cuộc sống này. Ở đây  
“Tâm” được ví như là gốc, là cội rễ. Còn “Đức” và  
các hạnh khác được ví như là “cành”, là “lá” để tạo  
thành một thân cây cổ thụ toả bóng che mát cho đời.  
Lại nữa, chữ “Tâm” ở đây là chỉ cho cái tâm  
thiện lương, hiền lành, nhân đức… lúc nào cũng biết  
nghĩ tới mọi người, mọi loài để mà sống sao cho tốt.  
Phải lập thệ nguyện sâu rộng để mà học, mà tu tập các  
160 *Học Đạo Đức Chú thích*thiện pháp như Đức Phật đã dạy; ngõ hầu sau này có  
thể thay Phật hoằng dương chính pháp, lợi lạc quần  
sinh; hoặc chí ít chúng ta cũng trở thành bậc chính  
nhân quân tử, chẳng hổ thẹn với người với vật, với tổ  
tiên ông bà, với bạn bè Tổ quốc.  
(76) *Khi giúp người, không cầu báo/ Khi giúp vật,  
chẳng cầu ơn/ Người giúp ta, ta phải báo/ Vật giúp  
ta, ta phải đền:* Bậc quân tử khi giúp người, giúp vật  
không vì cầu báo ơn thì mới giúp. Chúng ta giúp đỡ  
mọi người, mọi loài phải xuất phát từ cái tâm chân  
thật. Trong nhà Phật có câu rằng: “Cứu một mạng  
người còn hơn xây bảy tòa tháp”. Ở đây ý nói về công  
đức cứu người, giúp vật thật là lớn lao. Nói cách khác,  
đó chính là công đức bố thí, cúng dàng, phóng sinh, tu  
phúc vậy. Nhưng, việc cứu người giúp vật chẳng được  
vì danh văn lợi dưỡng thì công đức mới lớn, phúc báo  
chân thật mới hiện bày đầy đủ.  
Đối với bậc phát tâm “tu hành chân thật” hành  
Bồ tát đạo. Khi ta giúp người, cứu vật ta không cầu báo  
ơn thì đó mới là công đức to lớn nhất, còn khi người  
và vật giúp đỡ chúng ta thì chúng ta phải tìm cách để  
báo đền, để trả ơn họ. Đạo lý là ở chỗ này, nếu khi mới  
học Phật, chúng ta rất khó tin khó hiểu được đạo lý  
này. Nhưng chỉ cần chúng ta không đánh mất lòng tin,  
*Học Đạo Đức Chú thích* 161  
chỉ cần chúng ta quyết bỏ ác làm lành, lánh dữ hành  
thiện, một ngày nào đó sẽ có người khai thị cho chúng  
ta hiểu, hoặc tự chúng ta sẽ được tỏ ngộ. Bấy giờ chúng  
ta sẽ thông suốt được câu “Người giúp ta, ta phải báo.  
Vật giúp ta, ta phải đền” là như thế nào.  
(77) *Đối với mình, luôn răn nhắc/ Đối với người,  
sống vị tha/ Đối với vật, phải từ bi/ Tham sân si, là  
việc ác:* Người học đạo đức đối với mình thì luôn răn  
nhắc, sống sao cho có kỷ cương, phép tắc không được  
buông lung, phóng túng giống như những kẻ đầu trộm  
đuôi cướp, làm bại hoại gia phong, vùi dập, phá vỡ đi  
tiết hạnh, tiếng tăm tốt đẹp mà mình đã gây dựng. Ôi  
ở đời đã có biết bao những kẻ anh hùng, kinh bang tế  
thế, trên thông kinh sử, dưới tường địa lý, chỉ một phút  
giây lơ là, không nghiêm mình kính cẩn răn nhắc rốt  
cuộc phải ôm hận ngàn thu. Bậc “thông tường” còn như  
vậy huống hồ là hạng phàm phu ư! Chi bằng chúng  
ta tự biết mình, tự răn nhắc mình, tự khuyến tấn mình  
rằng: “Chớ làm các điều ác, vâng làm các điều thiện,  
tự thanh tịnh ý mình, đó là lời Phật dạy” chẳng phải là  
vui thích lắm sao? Thà để cho cả thiên hạ coi mình là  
kẻ ngu mà hành chính đạo còn hơn là để cho hết thảy  
thế gian khen ngợi mình mà mình lại đi làm việc ác.  
Bởi vậy việc tự răn nhắc rất quan trọng.  
162 *Học Đạo Đức Chú thích*Như trên vừa nói, đối với mình thì phải sống  
sao cho có kỷ cương, phép tắc,… dưới đây thì lại nói  
thêm đối với người khác thì phải sống vị tha, nhân ái.  
Người học và hành đạo đức thực sự thì không dừng  
lại ở chỗ “đối với người” mà còn phải cả “đối với vật”  
nữa. Vật ở đây là chỉ cho tất cả chúng sinh, các loại  
hữu tình dù nhỏ như con trùng, con kiến, con cá, con  
chim và lớn như con trâu, con bò, con ngựa, con voi…  
Trong Kinh Đức Phật dạy: “…đối với các loại hữu tình  
dù lớn, dù nhỏ đều phải khởi tâm từ bi, bình đẳng để  
mà yêu thương chúng. Nếu có ai làm được như vậy,  
thì sẽ được hưởng phúc báo nhân thiên, nhẫn đến đạt  
được cảnh giới Niết Bàn chân tịnh trong tương lai…”  
Đức Phật dạy “tham, sân, si” là cội nguồn của sự  
sinh tử luân hồi khổ đau. Tham, sân, si là căn bản của  
phiền não, người học đạo đức chúng ta, muốn dứt trừ  
khổ đau thì phải nhận diện và lìa bỏ tham, sân, si.  
**“Tham”**: là lòng tham về năm món tài, sắc,  
danh, thực, thuỳ. Tài là tiền tài; Sắc là sắc đẹp, sắc chất  
xanh, vàng, đỏ, trắng…; Danh là tiếng khen; Thực là  
đam mê vào hương vị ăn uống, từ đó tạo vô số nghiệp  
lực như sát sinh, hại vật để ăn nuốt thịt xương của  
chúng; Thuỳ là ngủ nghỉ. Đức Phật dạy chúng ta: “Nếu  
kẻ tham mê ngủ nghỉ thì trí tuệ lu mờ, càng ngày càng  
*Học Đạo Đức Chú thích* 163  
ngu si, trì trệ, chẳng thể tiến đạo nghiêm thân, xa rời  
đạo giải thoát”.  
**“Sân”:** là lòng giận dữ, nóng nảy, thù hận khi  
không vừa lòng, không được thỏa thích như ý muốn.  
Bất bình vì bị xúc phạm, nhân đó làm những chuyện  
sai trái. Sau cơn giận, thời giữ lại lòng oán ghét, tìm  
dịp để trả thù.  
**“Si”:** là si mê, vô minh, ngu tối. Người vô minh  
không sáng suốt, không suy xét hiểu biết đúng lẽ phải,  
đúng sự thật để phán đoán việc hay, dở, tốt, xấu, lợi,  
hại… nên mới làm những sai trái. Si ở đây theo thế  
gian thường chỉ cho những người “khờ dại” hay “ngu  
tối”. Si làm cho con người ta không còn nhận ra điều  
hay lẽ phải, không còn nhận được bản tâm vốn thanh  
tịnh, từ bi, bình đẳng, sáng suốt nữa.  
Qua đó chúng ta biết được, nếu muốn dứt trừ  
khổ đau thì phải đoạn trừ tham, sân, si. Vì ba món này  
chính là căn bản, là cội nguồn, là gốc rễ sinh ra mọi  
phiền não, đau khổ, nhẫn đến việc sinh tử, tử sinh việc  
hệ trọng lớn nhất của chúng ta cũng từ đó mà sinh ra.  
(78) *Ác không theo, thiện gắng làm/ Chăm giúp  
người, chăm giúp vật/ Đối mọi loài, sống bình đẳng/  
Trải yêu thương, cho rộng khắp:* Người học đạo đức,  
đối với tất cả các việc ác thời không làm, không theo.  
164 *Học Đạo Đức Chú thích*Vì những việc ác xưa nay chỉ có những kẻ tà ma ngoại  
đạo, đầu trộm đuôi cướp, tham quan ô lại, kẻ mất  
bản tâm, đánh mất lòng từ… mới làm, chứ chưa thấy  
bậc chính nhân quân tử làm bao giờ. Nay chúng ta là  
người học đạo đức, lẽ đương nhiên chúng ta không thể  
theo đòi và đi vào vết xe đổ của những hạng người  
đó mà ngược lại, chúng ta phải gắng công cố sức để  
làm việc thiện. Vì chỉ có các việc thiện mới cứu giúp  
được chúng sinh, cứu giúp được muôn loài đang chìm  
đắm trong biển ái sông mê, bến bờ sinh tử hướng tới  
cảnh giới Niết Bàn giác ngộ giải thoát của Chư Phật.  
Vậy nên ở đây mới dạy: “Chăm giúp người,  
chăm giúp vật; Đối mọi loài, sống bình đẳng; Ban yêu  
thương, cho rộng khắp”. Giúp người, giúp vật đó là  
thể hiện tấm lòng từ bi, bình đẳng như trong Kinh Pháp  
Hoa Đức Phật đã dạy: “Tất cả chúng sinh đều có Phật  
tính, ta đây là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ  
thành”. Chữ “Người” ở đây là chỉ cho tất cả nhân loại,  
không phân biệt chủng tộc, màu da hay tín ngưỡng,  
tôn giáo…; còn chữ “Vật” ở đây là chỉ cho tất cả các  
loại chúng sinh, hữu tình nhỏ như con trùng con kiến,  
lớn như con bò, con voi… tất cả đều sống bình đẳng.  
Vì trong Kinh A Hàm Đức Phật dạy: “Tất cả chúng  
sinh đều ham sống sợ chết, chúng đều có gia đình và  
*Học Đạo Đức Chú thích* 165  
có cuộc sống riêng, do đó chúng cũng có quyền được  
sống, được đối xử bình đẳng như bao loài khác ở trên  
thế gian này”. Chúng ta là người học đạo đức, càng cần  
thiết hơn khi chúng ta biết sống yêu thương, bình đẳng  
với tất cả mọi người, mọi loài; biết ban trải tình yêu  
thương rộng khắp, không phân biệt sang hèn, tôn quý  
hay bần cùng ti tiện… làm được như thế, tức là chúng  
ta đang thực hành theo lời dạy của Đức Phật: “phát Bồ  
Đề tâm, hành Bồ tát đạo, độ khắp chúng sinh, hướng  
về bờ giác” đây cũng chính là “Lòng từ trải khắp” vậy.  
166 *Học Đạo Đức Chú thích***IX. Chương thứ chín**(79) *Chương thứ chín:* là chương “Hướng tâm học  
đạo”. Chương này nói về sự phát tâm học đạo để cầu  
giải thoát, giác ngộ. Thật vậy, đối với đạo học mênh  
mông, nếu chúng ta không phát tâm cầu học thì chúng  
ta không thể biết được, không thể thâm nhập được,  
không thể lĩnh ngộ được. Do đó việc phát tâm học đạo  
để được tự mình cảm nhận, tự mình giác ngộ là một  
phần không nhỏ trong đời sống xã hội của chúng ta.  
Việc học đạo không phân biệt lớn hay nhỏ, cũng không  
quy định cho bất cứ lứa tuổi nào. Ở đây tùy thuộc vào  
nhân duyên, vào lòng tin và sự cảm nhận của mỗi  
người, mỗi loài mà thôi.  
Nếu chúng ta giác ngộ sớm, chúng ta có thể phát  
tâm học đạo sớm, đây là một điều quý báu vô cùng,  
không thể lấy gì để so sánh hết được công đức và phúc  
báo của hạng người này. Còn nếu chúng ta giác ngộ  
chậm, khi đọc được quyển sách này, chương “Hướng  
tâm học đạo” trong bộ sách này thì hãy mau chóng phát  
tâm Bồ đề để mà học đạo, nhằm mong sớm được giác  
ngộ, giải thoát mọi nỗi khổ đau, sinh tử luân hồi này.  
(80) *Biết rõ khổ, hiểu rõ không/ Thân vô thường,  
pháp vô ngã/ Luôn biến đổi, không thực có/ Vạn vật*  
*Học Đạo Đức Chú thích* 167  
*chung, quy luật ấy:* Nếu là người học đạo chân chính,  
Đức Phật dạy chúng ta phải biết rõ những sự khổ,  
nguyên nhân của sự khổ để rồi ngăn chặn, đoạn dứt  
hết thảy những khổ đau ấy. Nói về những nỗi khổ của  
thế gian thì có rất nhiều, nhiều đến vô lượng vô biên,  
nhưng trong bài pháp *“Tứ Diệu Đế”* đầu tiên, kể từ sau  
khi tu hành thành Phật, Đức Thế Tôn đã dạy về những  
nỗi khổ của chúng sinh ở đời như Tam khổ và Bát khổ.  
Tam khổ là: khổ khổ, hoại khổ và hành khổ. Bát khổ  
là những nỗi khổ về sinh, già, bệnh, chết, cầu mong mà  
không được là khổ, yêu thương mà phải chia lìa là khổ,  
oán ghét mà phải sum họp, gặp gỡ, sống chung là khổ,  
năm ấm không cân bằng rồi sinh ra các bệnh về thân  
tâm là khổ.  
Đức Phật dạy: “Tất cả các pháp (hữu vi) luôn  
biến đổi, không có pháp nào là tồn tại mãi mãi. Vạn sự  
vạn vật có sinh ắt có tử, có thành ắt có hoại, có trụ ắt có  
dị, diệt, rồi không”. Hiểu được như thế, chúng ta phải  
dần buông bỏ. Đầu tiên là tập buông bỏ cái bên ngoài  
(tiền tài, của cải, vật chất…), kế tiếp là tập buông xả  
cái bên trong (tâm tham lam, chấp trước danh vọng…),  
rồi dần tiến tới không còn bị chấp trước, tham cầu, lao  
tâm khổ tứ nữa.  
168 *Học Đạo Đức Chú thích*Người học đạo đức chúng ta đã biết “Thân vô  
thường, pháp vô ngã” rồi thì phải tranh thủ, tận dụng  
thời cơ khi còn trẻ, còn khoẻ để mà tu tập, để mà làm  
việc thiện. Lo bồi công lập đức, ráng sức tu thiện,  
không chấp trước vào các việc thiện mà mình đã làm,  
chỉ lo giúp người, cứu vật; chẳng mong được thi ân trả  
nợ. Người phát tâm tu học như thế, thật mới khế lý, khế  
cơ với lời Phật dạy. Những người như vậy không bao  
lâu sẽ được ngồi toà Sư tử, sẽ thay Phật hoằng dương  
chính pháp, lợi lạc quần sinh, rộng độ hết thảy cùng về  
bến giác.  
(81) *Biết vô thường, nên học đạo/ Ác không theo,  
thiện gắng làm/ Nếu làm thiện, thì được phúc/ Sinh  
Trời Người, sinh cõi Phật:* Người học đạo đức chúng  
ta phải biết rõ về ý nghĩa “Vô thường” trong cuộc sống  
để mà học đạo. Vô thường có nghĩa là “không chắc  
chắn”, là “thay đổi”, là “không trường tồn, vĩnh cửu”.  
Vô thường là một trong ba tính chất (Tam pháp ấn)  
của tất cả sự vật. Vô thường là đặc tính chung của mọi  
sự vật, hiện tượng sinh ra có điều kiện, tức là thành,  
trụ, hoại, không (sinh, trụ, dị, diệt). Có thể nói Vô  
thường là phép quán chiếu hay nói một cách khác, vô  
thường là một đối tượng trong tu tập để quán chiếu.  
Từ đó Vô thường là một phép thực tập Thiền định.  
*Học Đạo Đức Chú thích* 169  
Giáo lý Vô thường rất quan trọng cho toàn cơ sở  
triết lý và thực hành trong Phật giáo. Nó mang đến một  
sự xác nhận như một sự phát hiện chân chính, đó là tất  
cả những hiện tượng, dù thuộc tâm lý, hay thuộc ngoại  
cảnh tự nhiên, không có ngoại lệ mà thảy đều là vô  
thường. Mặc dù chân lý này hoàn toàn hiển nhiên, có  
thể chứng nghiệm được mọi lúc, mọi nơi, nhưng chúng  
ta vẫn bị màn vô minh che đậy, không nhận thức được  
chân lý này một cách chân chính. Chính vì vậy mà  
phần lớn chúng sinh ở trên đời này mê lầm, vọng chấp  
cái “vô thường” cho là “thường” cho nên sinh tâm đắm  
nhiễm, tham lam, chấp trước không chịu từ bỏ. Từ đó  
mà mọi vấn đề khổ đau, sinh, già, bệnh, chết… hiện ra.  
Theo giáo lý nhân quả “Nếu chúng ta gieo nhân  
thiện, ắt sẽ được quả phúc”. Tức là gieo nhân nào thì  
được quả đó. Trong cuộc sống nếu chúng ta làm ác,  
chắc chắn không sớm thì muộn chúng ta sẽ bị quả báo  
ác. Ngược lại, nếu chúng ta làm thiện, chắc chắn chúng  
ta sẽ được hưởng quả báo tốt. Như trong Kinh Thập  
Thiện Đức Phật dạy: “Gieo nhân thiện như bố thí, cúng  
dàng, phóng sinh, tu phúc… sẽ được hưởng phúc báo  
tốt, đời này an lạc, đời sau thường sinh Trời người”. Dù  
sinh chỗ nào cũng được hưởng phúc báo giàu sang, phú  
quý, trường thọ. Vậy nên, người học đạo chúng ta cần  
170 *Học Đạo Đức Chú thích*phải nương theo lời Phật dạy, cần phải “y giáo phụng  
hành” thì mới được lợi ích lớn.  
(82) *Vui thế gian, là giả tạm/ Vui cõi Phật, mới  
bình an/ Không sinh già, không bệnh chết/ Luôn an  
vui, gọi Niết Bàn:* Trong *Tạng Tỳ Ni,* Đức Phật dạy  
cái vui của thế gian là cái vui giả tạm, cái vui của Niết  
bàn mới là niềm vui chân thật, không còn bị những nỗi  
khổ như sinh, già, bệnh, chết, mong cầu không được,  
yêu thương chìa lìa, oán ghét sum họp, năm ấm quá  
mạnh… nấu nung nữa. Thật vậy, thế gian cho cái vui  
giả tạm là niềm vui chân thật; cho nên chúng ta mới  
thấy có không biết bao nhiêu những bậc tài cao xuất  
chúng, nhẫn đến những kẻ thất phu yếu hèn, thảy đều  
chìm đắm trong cảnh ngũ dục, lục trần của thế gian.  
Từ đó mà tạo ra biết bao nhiêu những điều sai trái, tội  
lỗi; rồi theo cấu nghiệp dẫn dắt, mãi trôi lăn trong  
lục đạo tam đồ.  
Chúng ta thử liên hệ, tìm hiểu qua một vài cái  
vui của thế gian để làm minh chứng xem Đức Phật  
trong Tỳ ni luật tạng nói có đúng không? Đầu tiên xin  
lấy cái vui của người ưa thích sát sinh hại vật để ăn thịt  
uống huyết. Chúng ta hãy xem có rất nhiều tấm gương  
sát sinh bị quả báo xấu ác từ xưa tới nay thật là đáng  
sợ. Lại những người cho việc trộm cắp là vui, không  
*Học Đạo Đức Chú thích* 171  
cần khổ nhọc đi làm mà vẫn có ăn, có tiền tiêu xài,  
thậm chí là có rất nhiều tiền, nếu như họ làm trót lọt  
được phi vụ lớn nào đó. Mọi người lầm tưởng những kẻ  
trộm cắp đó mãi được an vui, hưởng thụ những thành  
quả tội lỗi mà họ đã làm; đâu ngờ rằng những kẻ đạo  
chích đó ngày đêm nơm nớp lo sợ. Mỗi khi gặp quan  
quân triều đình hoặc những người làm công tác an ninh  
trật tự, cảnh sát điều tra… thì họ đều sợ hãi, bất an.  
Chưa được thì mong cho cướp được, được rồi thì luôn  
lo sợ cất giữ vì e bị bại lộ. Một khi bị lộ tẩy, bị các cơ  
quan pháp luật bắt giữ, kết án, xử tội; nhẹ thì tù đày,  
nặng thì chung thân, tử hình mất mạng. Đây chẳng phải  
là “tưởng khổ là vui” cho cái vui nhất thời, giả tạm  
là vui lâu dài nên gây tạo ác nghiệp, tội lỗi hay sao?  
Lại có những kẻ cho cái vui dục lạc là vui nên  
tìm cầu không chán. Như xưa A Xà Thế vì lòng dục  
phẫn phát mà đem thân vào giữa nước địch, thiếu chút  
nữa thì mất mạng, vong quốc. Lại như những kẻ buôn  
bán thuốc phiện, hàng quốc cấm… họ cho rằng chỉ  
cần trót lọt một hai chuyến hàng lớn là có thể hưởng thụ  
cả đời, nhưng đâu ngờ rằng khi bị phát hiện và bị bắt,  
bị các cơ quan pháp luật xử tội, khi ấy thì nhục nhã,  
đau khổ, lo lắng vô cùng. Lại có những kẻ cho thú  
vui cờ bạc là vui, nhưng đâu biết rằng các cụ chúng  
172 *Học Đạo Đức Chú thích*ta ngày xưa thường nói: “Cờ bạc là bác thằng bần, cửa  
nhà bán tất bước chân vào tù”. Hay còn nói: “đánh  
đề ra đê mà ở…” có rất nhiều những niềm vui giả  
tạm như thế, từ xưa tới nay có không biết bao nhiêu  
từ kẻ ngu đến người trí đã tán thân mất mạng vì nó.  
Ngược lại với những niềm vui giả tạm trên, trong  
Phật pháp nêu lên những niềm vui chân tịnh, giải thoát  
do ly dục, lìa tham mà được. Đức Phật dạy: “Muốn đạt  
được cảnh giới Niết Bàn an vui thì phải tinh tiến, nỗ  
lực tu hành. Lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy. Lấy  
ba môn học giới, định, tuệ để trau dồi, thúc liễm ba  
nghiệp thân, khẩu, ý”. Vậy nên mới nói: “Bậc giác lấy  
khổ (khổ hạnh tu hành) làm vui; thấy vui (ngũ dục, lục  
trần) là khổ”.  
Đức Phật dạy: “Chỉ có cái vui Niết Bàn mới là  
cái vui chân thật, không bị tham, sân, si, mạn, nghi, ác  
kiến… sai khiến; cũng không bị tất cả những nỗi khổ  
như sinh, già, bệnh, chết… chi phối”. Vậy nên mới nói,  
chỉ có niềm vui an tịnh này mới là niềm vui chân thật,  
niềm vui trường cửu, bất sinh bất diệt. Cảnh giới này  
nếu xét về bản thể thì nó là “bất sinh bất diệt, vô khứ  
vô lai, tại Thánh không tăng, tại Phàm chẳng giảm”.  
Nhưng nếu xét về sự tướng thì phải cần khổ, lo tu, sớm  
khuya chẳng quản mới mong đạt được. Vậy nên chúng  
*Học Đạo Đức Chú thích* 173  
ta thường thấy, những bậc chân tu xưa nay thường ở  
những nơi rừng núi vắng vẻ, cảnh giới thanh bình để tu  
tập Thiền định, gột rửa thân tâm, trau dồi giới đức. Tới  
khi cảnh vắng tâm tịnh, trí tuệ khai phát, lòng từ rộng  
mở, tam minh, lục thông hiện ra, thân tâm nhuận trạch,  
thường an trú trong cảnh giới Niết Bàn thanh tịnh của  
bậc Thánh giải thoát. Và đây mới chính là cái vui chân  
thật mà bậc trí tuệ hướng tới. Như trong *kinh Pháp Cú*Đức Phật dạy:  
*Dẫu ở ngoài sa trường  
Thắng ngàn ngàn quân giặc  
Không bằng tự thắng mình  
Thắng mình là tối thắng.*Thật vậy, chỉ có những người tự chiến thắng bản  
thân mới là người chiến thắng tốt đẹp nhất, hoàn mỹ  
nhất. Người đó không còn bị tất cả những nỗi khổ bởi  
thân tâm buộc ràng nữa.  
(83) *Ác thì xuống, thiện đi lên/ Học chớ quên, hai  
điều đó/ Luật nhân quả, rõ không sai/ Tu để mai, được  
lợi ích:* Trong *Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo,* Đức Phật  
dạy: “Người làm việc thiện thì thăng lên, người làm  
nghiệp ác thì đoạ xuống”. Thật vậy, người làm thiện  
trong tâm thường nhớ tưởng thiện, ngoài miệng thường  
nói lời thiện, cũng khuyên người nói lời thiện. Kẻ làm  
174 *Học Đạo Đức Chú thích*ác thường nhớ tưởng ác, trong tâm thường nghĩ việc ác,  
ngoài miệng thường nói lời thô ác, tục tĩu, khó nghe.  
Chúng ta là người học đạo đức, phải noi theo những  
người thiện để học, để tu. Trước là để răn nhắc, đưa  
mình vào khuôn khổ, uy nghi, phép tắc của bậc Hiền,  
bậc Thánh; sau là để đem lại lợi ích cho nhân quần và  
xã hội.  
Đối với việc ác, khi mới học đạo, tốt nhất là  
chúng ta nên tránh xa những người ác. Vì người xưa đã  
dạy: “xa lánh kẻ ác như sợ loài rắn độc”, có như vậy  
chúng ta mới không bị những kẻ ác dụ dỗ, lôi kéo. Ca  
dao tục ngữ Việt Nam cũng có câu: “gần mực thì đen,  
gần đèn thì sáng” là ý này vậy. Lại như các cụ chúng  
ta thường dạy: “đừng chơi với lửa, có ngày bỏng tay”.  
Hay lại nói: “chọn bạn mà chơi”… từ đó mà suy ra,  
việc chọn bạn để chơi, để gần gũi, thân cận quả thật là  
cần thiết đối với người mới học đạo đức vậy.  
Do vậy biết rằng, “thiện - ác” là hai con đường đối  
nghịch nhau. Thiện thì có đích đến Trời, Người, thậm  
chí là cõi Tịnh độ của mười phương Chư Phật. Ác thì  
có đích đến là Địa ngục, Ngã quỷ, Súc sinh và A Tu  
La. Đây là hai con đường, từ tâm điểm “Vô minh hoặc  
Vô ký” đi ngược chiều nhau, có đích đến khác nhau.  
Thí dụ, bạn đi về hướng Nam là “thiện”, hướng Bắc là  
*Học Đạo Đức Chú thích* 175  
“ác” thì càng đi càng xa cách nhau; càng đi thì đích  
đến càng gần. Do đó người học đạo chúng ta phải am  
tường, phải biết rõ mình nên đi theo con đường nào và  
khuyên người khuyên vật nên đi theo con đường nào.  
Trong *Kinh Địa Tạng* Đức Phật dạy rằng: “Nên  
nhớ khổ địa ngục mà phát tâm Bồ đề”. Tức là nên nhớ  
khổ, sợ khổ để sớm cầu thoát ly. Lại nhớ khổ, tưởng  
khổ để phát đại nguyện cứu độ chúng sinh trong ba  
đường ác đạo. Nên nương theo hạnh nguyện của Bồ  
tát Địa Tạng *“Chúng sinh độ tận phương chứng Bồ  
đề, địa ngục vị không thệ bất thành Phật”* để mà tu,  
mà thực hành hạnh cứu người giúp vật. Người học đạo  
chúng ta không nên chỉ vì lợi ích cá nhân mà làm thiện.  
Trong Kinh Đức Phật dạy: “thường phải báo tứ trọng  
ân”. Tứ trọng ân là: Ân trời đất, ân quốc gia, ân cha mẹ  
thầy tổ, ân thập phương đàn na tín thí.  
Người học đạo, phải hiểu rõ về luật nhân quả để  
mà hành trì, tu tập. Nhân ở đây là nguyên nhân, là sự  
tạo tác hoặc thân hoặc tâm của chúng sinh trong lục  
đạo luân hồi. Quả là kết quả, là nghiệp thiện nghiệp  
ác của chúng sinh gieo tạo đã tới ngày thụ báo. Nhân  
- Quả ở đây cũng ví như người “gieo đậu được đậu,  
trồng dưa được dưa”. Người gieo đậu không thể cho  
khoai sắn, người trồng dưa không thể cho cỏ dại” đó  
176 *Học Đạo Đức Chú thích*gọi là “nhân nào quả đó”. Chúng ta nên học đi học lại,  
đọc thuộc về *Kinh Nhân Quả* mà Đức Phật đã dạy. Có  
như vậy chúng ta mới đủ niềm tin, mới không bị hiểu  
lầm về tội phúc báo ứng. Được như vậy thì việc tu hành  
của chúng ta chắc chắn sẽ thành tựu, chắc chắn sẽ được  
giải thoát, giác ngộ trong một kiếp không xa.  
*Học Đạo Đức Chú thích* 177  
**X. Chương thứ mười**(84) *Chương thứ mười:* là “Xả bỏ tài vật”. Từ đây  
về trước, chúng ta thấy cách dạy phần lớn đều nhiếp về  
pháp “Hiếu đạo, Ái quốc, Lập chí thành tài, Lựa chọn  
việc làm, Hướng đến thành công,… thành công rồi đến  
đây lại dạy chúng ta không nên chấp trước vào tiền  
tài, của cải vật chất phù phiếm của thế gian, mà hãy  
buông bỏ để cho tinh thần được thoải mái, nhẹ nhàng,  
thư thái, an nhiên - tự tại. Chúng ta thấy có không ít  
người sau khi thành công trong sự nghiệp; tiền tài, của  
cải đầy rẫy nhưng ngược lại, họ rất cô đơn và đau khổ.  
Vì sao? Vì họ không buông bỏ được. Họ chỉ biết bo bo  
kiếm tiền, giữ tiền và rồi bất chợt con quỷ vô thường  
chợt đến, khiến cho họ chẳng kịp trở tay, chưa kịp tin  
rằng “mình sẽ phải chết” thì đã bị mất mạng rồi. Ôi  
cơn say trần thế thật chỉ như một giấc mộng dài! Bậc có  
trí tuệ phải khéo nhận ra, kẻ si mê vô trí thì hết “lầm”  
lại tới “lạc”. Chúng ta có còn nhớ câu chuyện về nhân  
vật Lý Thông ở bài học trước? Đó chính là kẻ ngu si  
vô trí đi từ mê lầm này tới lạc lối khác; rốt cuộc phải  
trả cái giá có thể nói là quá đắt vậy. Ngược lại với câu  
chuyện nhân vật Lý Thông, nay xin kể một vài tấm  
gương tiêu biểu cho sự xả bỏ tài vật để trợ duyên cho  
178 *Học Đạo Đức Chú thích*con đường học đạo, hướng đến thành công, giác ngộ,  
giải thoát, phổ độ chúng sinh, đồng thành chính giác.  
**Tấm gương thứ nhất**, không ai xa lạ mà chính là  
**Đức Phật Thích Ca Mâu Ni**, vị giáo chủ - người sáng  
lập đạo Phật của chúng ta. Ngài vốn là vị Thái tử nước  
Ca Tỳ La Vệ, sống trong cảnh cung vàng điện ngọc, vợ  
đẹp con ngoan, kẻ hầu người hạ, không gì là chẳng có.  
Vậy mà, vì ý chí cầu đạo, đi tìm cho mình một chân lý  
giác ngộ, một con đường giải thoát, tận độ chúng sinh,  
cho nên Ngài đã xả bỏ tài vật, để lại sau lưng tất cả  
để xuất gia tu hành, sam phương cầu đạo, khổ hạnh  
ép xác, chẳng việc khó, việc khổ nào mà Đại Sĩ chưa  
từng trải qua. Chính vì sự buông xả rốt ráo đó cho nên  
Thái tử Tất Đạt Đa đã hoàn thành được tâm nguyện  
của mình; sau 5 năm tầm đạo, 6 năm khổ hạnh, 49  
ngày đêm tham thiền nhập định dưới gốc cây Bồ Đề,  
vào lúc sao mai mọc, Ngài đã hoát nhiên đại ngộ và  
trở thành bậc Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác -  
Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, bậc minh sư có trí tuệ vô  
thượng, lòng từ bi trải khắp để tận độ chúng sinh.  
**Tấm gương thứ hai** đó chính là **Đức Phật  
Hoàng Trần Nhân Tông** (1258-1308) của Việt Nam  
chúng ta. Ngài cũng là một Thái tử, một vị Vua, rồi  
Thái Thượng Hoàng và rồi cuối cùng là sự xả bỏ vĩ  
*Học Đạo Đức Chú thích* 179  
đại bậc nhất của trời Nam để trở thành **“Hương Vân  
Đại Đầu Đà”** thiền sư. Sau đó tiến tới sự thành công  
thành Phật làm Tổ, sáng lập tông phong, truyền trì  
chính pháp, phá mê khai ngộ, độ cho vô số chúng  
sinh cùng về bến giác.  
**Tấm gương thứ ba** là tấm gương của **Cư sĩ Bàng  
Long Uẩn** (740-808). Cư sĩ Bàng Long Uẩn được coi  
là một trong những vị Cư sĩ ngộ đạo được đánh giá  
ngang hàng với Cư sĩ Bồ tát Duy Ma Cật thời Đức Phật  
còn tại thế bên Ấn Độ, Cư sĩ Tuệ Trung Thượng Sĩ của  
Việt Nam… Sinh thời Cư sĩ Bàng Long Uẩn có một vợ  
và hai con, một trai một gái. Cả gia đình đều tu hành  
theo Phật pháp và đều được coi là ngộ đạo từ rất sớm.  
Sau khi ngộ đạo, Bàng Long Uẩn đem hết tiền tài, của  
cải chở đầy mấy thuyền lớn đem ra sông mà đổ, nhà  
cửa thì cải đổi thành Chùa để cúng dàng Tam Bảo. Sau  
đó cả nhà vào núi để phát nương, làm rẫy hàng ngày đi  
bán đồ tre đan đủ để sống qua ngày, cuối cùng cả nhà  
đều trở thành những bậc chân tu, đắc đạo giải thoát.  
Một tấm gương nữa đó chính là **Cư sĩ Cấp Cô  
Độc**, một vị đại trưởng giả, đại thí chủ thời Đức Phật  
tại thế. Ông không chỉ nổi tiếng với việc đem vàng trải  
đất để mua, xây dựng tinh xá cúng Phật mà còn rất nổi  
tiếng trong việc từ thiện, giúp đỡ mọi người...  
180 *Học Đạo Đức Chú thích*Một tấm gương nữa đó là **Tuệ Trung Thượng Sĩ**,  
đương thời là con trưởng của An sinh vương Trần Liễu,  
là anh của Quốc công tiết chế Hưng Đạo vương Trần  
Quốc Tuấn. Trong ba cuộc kháng chiến chống giặc  
Nguyên Mông, đặc biệt là lần thứ 2 (1285) và lần thứ  
3 (1287-1288), Thượng Sĩ đều trực tiếp tham gia chỉ  
huy. Theo sử sách Trung Quốc, ngày 10 tháng 6 năm  
1285, Trần Tung (tên thường gọi của Ngài khi chưa  
học Phật, tên Tuệ Trung Thượng Sĩ là tên pháp danh  
của Ngài khi quy y Tam Bảo và trở thành Phật tử tại  
gia) cùng với Hưng Đạo Vương đem hơn hai vạn quân  
giao chiến với tướng nhà Nguyên là Lưu Thế Anh và  
đuổi Thoát Hoan chạy dài đến sông Như Nguyệt (sông  
Cầu). Trong cuộc kháng chiến lần thứ ba, Trần Tung  
còn được giao những nhiệm vụ ngoại giao quan trọng,  
ông từng đến đồn trại đối phương vờ ước hẹn trá hàng,  
làm cho giặc mất cảnh giác, sau đó vua tôi nhà Trần bất  
ngờ cho quân tiến đánh, khiến cho giặc Nguyên đại bại.  
Sau khi kháng chiến thành công, ông được phong  
chức Tiết độ sứ cai quản phủ Thái Bình. Nhưng không  
lâu sau ông lui về ở ẩn tại ấp Tịnh Bang (nay ở huyện  
Vĩnh Bảo, ngoại thành Hải Phòng) lập Dưỡng Chân  
Trang để nghiên cứu và tu tập theo Thiền học của Phật  
giáo. Ông học đạo với thiền sư Tiêu Dao, vừa thực  
*Học Đạo Đức Chú thích* 181  
hành giải thoát tâm trong đời sống gia đình theo hình  
thức Cư Sĩ - Phật tử tại gia, vừa đảm trách các công  
việc xã hội mà triều đình giao phó. Ông được vua Trần  
Thánh Tông rất nể phục vì kiến thức Phật pháp uyên  
thâm cũng như ngoại điển bác lãm, cho nên được vua  
tôn là “Đạo Huynh”. Đương thời Tuệ Trung Thượng Sĩ  
sáng tác rất nhiều thi, kệ; một số được kiết tập trong  
“Thượng sĩ ngữ lục” (Những lời dạy của Thượng sĩ) rất  
nổi tiếng hiện nay vẫn còn. Thượng Sĩ tự tại nhập diệt  
vào năm 1291, dương thọ 61 tuổi.  
Đó chính là những tấm gương tiêu biểu trong  
Phật giáo, các Ngài không chỉ dừng lại ở sự thành  
công trong cuộc sống đời thường mà còn biết xả bỏ  
tài vật đúng lúc, đúng nơi, đúng chỗ, vừa là để biểu  
thị cho hạnh xả ly; vừa là để chỉ dạy chúng ta con  
đường học đạo, tu tập giải thoát. Từ đây biết rằng, con  
đường học đạo không thể bước đi trên con đường danh  
lợi. Cái danh, cái lợi, tiền tài của cải chỉ là vật phù  
du, là phương tiện ban đầu để chúng ta phấn đấu. Sau  
khi thành công rồi, điều thiết yếu cho con đường giải  
thoát, giác ngộ đó chính là việc xả bỏ tài vật để hướng  
tới sự thanh tịnh, giải thoát vô thượng của bậc Thánh.  
(85) *Người thành công, không vọng chấp/ Nếu vọng  
chấp, sẽ khổ đau/ Rõ trước sau, đều là giả/ Mượn cái giả,*  
182 *Học Đạo Đức Chú thích  
để hiện chân:* Trong cuộc sống nếu người thành công  
thực sự, hạnh phúc thực sự thì chúng ta thấy họ rất an vui,  
tự tại không chấp trước vào tiền tài, sự nghiệp hay bất cứ  
điều gì. Vì sao? Vì họ biết rằng: tiền tài, của cải, tiếng  
khen hay sự nghiệp… thảy đều là giả. Vì trong **Kinh  
Kim Cương**, Đức Phật đã dạy: *“Nhất thiết pháp hữu vi,  
như mộng huyễn bào ảnh, như lộ diệc như điện, ưng tác  
như thị quán”*. Nghĩa là tất cả các pháp có hình tướng,  
hết thảy đều là giả, chúng như mộng, như huyễn, như  
hóa, như sương mai, như điện chớp… không thật có.  
Bậc có trí tuệ thực sự thường không chấp vào những cái  
giả đó, mà họ chỉ mượn những cái giả để hiện những cái  
chân mà thôi. Ví dụ như người biết nương vào cái phúc  
báo giàu sang, phú quý kiếp này để làm bố thí, cúng  
dàng, phóng sinh, tu phúc,… thì kiếp sau họ sẽ được  
nhận lại những kết quả tốt đẹp gấp nhiều lần kiếp trước.  
Chúng ta rồi ai ai cũng sẽ phải già, bệnh, rồi  
chết. Khi chết, ta không mang theo được vật gì, ngoài  
nghiệp quả thiện - ác mà mình đã gieo trồng. Thế rồi  
tất cả tài vật, dù cho có nhiều tới đâu, quý tới đâu thì  
chúng ta cũng sẽ phải từ bỏ hết, hoặc những thứ đó  
cũng sẽ rời xa chúng ta. Cũng ví như hơi nước, tới  
mùa khô hanh tự nhiên sẽ bị bốc hơi và cạn dần; hay  
như đám mây bay qua bầu trời, chợt có rồi không thật,  
*Học Đạo Đức Chú thích* 183  
không bền vững. Mạng sống của chúng ta cũng như  
thế, sống chết vô thường, nay còn mai mất, không có  
kỳ hẹn, nó được ví như sương mai, như điện chớp…  
mới ngày nào thanh niên trai tráng, ngoảnh đi ngoảnh  
lại tóc đã điểm hoa râm, tuổi già lụ khụ. Biết rồi thì nên  
buông bỏ, buông (xả) ở đây nghĩa là không chấp trước,  
không vướng bận, không khởi tâm đắm nhiễm để rồi  
sinh ra đau khổ, âu lo, phiền muộn; làm chất xúc tác  
cho tâm thức đoạ lạc khi chúng ta rời bỏ tấm thân này.  
(86) *Trao cho con, dạy cho cháu/ Biết lo toan,  
biết điều hành/ Biết việc rành, biết phát thu/ Ta nên  
tu, cầu giải thoát:* Khi chúng ta là người thành công  
trong cuộc sống, ta thực sự không muốn đau khổ thì  
phải thực hành hạnh buông xả mà Đức Phật đã dạy.  
Ấn Quang lão Pháp sư từng dạy: “đối với tiền tài,  
của cải, danh văn, lợi dưỡng… nếu chúng ta buông  
được một phần thì chúng ta được hạnh phúc một phần,  
buông được mười phần thì được hạnh phúc mười phần,  
buông được trăm nghìn phần thì sẽ được hạnh phúc  
trăm nghìn phần”. Lời dạy của Tổ quả thật rất chí  
tình chí lý. Bởi vậy, đối với người học Phật chúng  
ta, khi đang trên đỉnh cao của sự thành công, ta nên  
dần trao truyền, dạy lại cho con, cho cháu; khiến  
cho con cháu, người thân của chúng ta biết cách lo  
184 *Học Đạo Đức Chú thích*toan, biết cách điều hành, còn chúng ta nên dành thời  
gian nhiều hơn để nghiên cứu Phật pháp, thực hành  
theo lời Phật dạy để hướng tới giác ngộ và giải thoát.  
(87) *Hạnh Bồ Tát, thường xả ly/ Đạo từ bi, ban trải  
khắp/ Ta sắp xếp, lại thời gian/ Bớt lo toan, chăm việc  
chính:* Khi chúng ta muốn được giải thoát, giác ngộ  
thì bản thân phải học và thực hành theo hạnh nguyện  
của Bồ Tát. Bồ Tát có nghĩa là “Giác hữu tình”. Nghĩa  
là tự mình giác ngộ và thường giác ngộ (dạy bảo) cho  
chúng sinh. Trong **Phạm Võng Giới Kinh** Đức Phật  
có dạy: “Người thực hành hạnh của Bồ Tát thì phải tu  
tập theo pháp lục độ như: Bố thí Ba la mật, Trì giới  
Ba la mật, Nhẫn nhục Ba la mật, Tinh tiến Ba la mật,  
Thiền định Ba la mật và Trí tuệ Ba la mật”. Đây chính  
là sáu pháp căn bản của Bồ Tát phải thực hành, phải  
tu tập để làm lợi ích cho tất cả các loại hữu tình. Vậy  
nên mới nói “Hạnh Bồ Tát, thường xả ly, đạo từ bi,  
ban trải khắp”. Biết vậy rồi chúng ta nên sắp xếp lại  
thời gian, bớt đi những lo toan, phiền muộn để chăm  
vào việc chính. Việc chính ở đây chính là việc tu học  
Phật pháp. Vì trong **Kinh A Hàm** Đức Phật đã dạy:  
“mạng người vô thường, chỉ trong hơi thở, hít vào mà  
không thở ra được nữa thì coi như mọi sự đã hết”. Do  
đó chúng ta phải gắng thu xếp thời gian để tu tập, nếu  
*Học Đạo Đức Chú thích* 185  
không một khi thần chết đến, lúc đó mới ăn năn, mới  
hối hận thì cũng đâu còn kịp nữa.  
(88) *Biết thế thì, nên buông bỏ/ Cầu giải thoát,  
cầu ngộ tâm/ Không mê lầm, trong nẻo ác/ Không  
tạo ác, nghiệp khổ đau:* Tất cả chúng ta, nếu không  
phải là Chư Phật, Bồ Tát tái thế, cưỡi thuyền Từ đại  
nguyện để cứu vớt chúng sinh thì vẫn phải trôi lăn  
trong dòng đời sinh tử. Mới ngày nào còn thanh niên  
trai tráng, yểu điệu thục nữ, mặt hoa da phấn, môi đỏ  
như son, tóc đen như mun... vậy mà thấm thoát thoi  
đưa đã trở thành già nua lụm cụm. Cái khổ của tuổi  
già là cô đơn, bệnh tật, chết chóc, nó luôn rình rập,  
bất ngờ và thường trực không hẹn trước với bất cứ ai.  
Nhà Phật thường dạy: “khi chết, ta không mang theo  
được gì”. Tất cả tiền tài, của cải, chức tước, danh  
vọng, giàu sang, phú quý… đều phải bỏ lại sau lưng,  
chỉ có nghiệp thiện, nghiệp ác là hạt giống mang theo;  
thiện thì đi lên, ác thì đi xuống. Thiện thì sinh cõi trời  
người, ác thì đoạ trong ba đường địa ngục, ngạ quỷ,  
súc sinh; khổ cực vô cùng chẳng thể tả hết.  
Vậy nên mới khuyên tất cả, phải sớm giác ngộ  
để tìm đường giải thoát. Không nên mê lầm mãi trong  
dòng đời sinh tử, tử sinh luân hồi khổ cực. Đức Phật đã  
dạy: “Muốn thoát ly sinh tử chỉ có một con đường duy  
186 *Học Đạo Đức Chú thích*nhất đó là bỏ ác làm lành, lánh dữ hành thiện, trì trai  
giữ giới, sam thiền, niệm Phật, học Phật tinh chuyên;  
luôn lấy Giới - Định - Tuệ để trau dồi ba nghiệp thân,  
khẩu, ý, khi nghiệp hết tội tiêu, tất sẽ được giải thoát”.  
*Học Đạo Đức Chú thích* 187  
**XI. Chương mười một**(89) *Chương mười một:* nói về việc báo hiếu tổ  
tiên. Chúng ta thường nghe nói: “Chim có tổ người  
có tông”. Thật vậy, nếu không có tổ tiên thì không có  
chúng ta. Tổ tiên chính là nguồn gốc, là dòng máu,  
là từng tế bào đang hoạt động trong cơ thể của chúng  
ta. Tổ tiên chính là ông bà, cha mẹ hiện đời cũng như  
nhiều đời, nhiều kiếp của chúng ta. Bởi vậy đạo làm  
con phải báo đền. Trong **Kinh Bản Nguyện Của Bồ  
Tát Địa Tạng** Đức Phật có dạy rằng: “Đạo làm con  
phải lo báo hiếu. Khi ông bà, cha mẹ còn sống thì  
phải chăm sóc, dưỡng nuôi cho chu đáo; nếu ông bà,  
cha mẹ đã quá vãng thì phải kiến lập đàn tràng, cung  
thỉnh chư Tăng đọc tụng kinh văn, bố thí cúng dàng,  
phóng sinh tu phúc, làm các việc thiện để hồi hướng,  
cầu nguyện cho những người đã khuất sớm được siêu  
sinh về cõi lành, làm được như thế mới gọi là người  
con hiếu thảo”.  
(90) *Sống trước sau, luôn phải nhớ/ Nhớ công đức,  
của tổ tiên/ Nhớ báo ân, cha mẹ hiền/ Nghĩ phúc điền,  
từ đâu có:* Đạo lý làm người luôn luôn nhắc nhở chúng  
ta, phải sống làm sao cho có trước có sau, có nhân có  
nghĩa. Chính vì vậy ca dao tục ngữ Việt Nam có câu:  
188 *Học Đạo Đức Chú thích  
“Uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây”* hoặc  
lại nói: *“Chữ Trung, chữ Hiếu, chữ Hòa, hỏi trong ba  
chữ, thờ cha chữ nào? Chữ Trung, thì để thờ cha, chữ  
Hiếu thờ mẹ, chữ Hòa thờ anh”*. Và đây chính là đạo  
lý mà cả nhân loại chúng ta phải tôn thờ, phải kính  
trọng, phải giữ gìn. Chúng ta học đạo đức, chính là  
đang hướng về cội nguồn của dân tộc, cội nguồn của  
nhân loại, sống một cuộc sống biết tri ân và báo ân;  
mà ở đây dạy cho chúng ta phải nhớ về công đức  
của tổ tiên, của cha mẹ và phải nghĩ rằng: “tất cả  
phúc điền mà chúng ta đang thụ hưởng này từ đâu mà  
có, chẳng phải là từ tổ tiên, ông bà, cha mẹ để lại hay  
sao?” Biết vậy rồi chúng ta phải sống một cuộc sống  
làm sao cho không bị uổng phí. Nên nhớ rằng mạng  
người vô thường, vậy nên những việc cần làm thì phải  
làm ngay, chớ nên chậm trễ.  
(91) *Lời Phật dạy, phải khắc ghi/ Cha nhiều đời,  
mẹ nhiều kiếp/ Khắp tông thân, cả họ hàng/ Nhớ báo  
ân, mong độ hết:* Người học đạo đức phải luôn ghi  
nhớ những lời Phật dạy. Trong **Kinh Đại Phương  
Tiện Phật Báo Ân** Đức Phật có dạy: “Có cha nhiều  
đời, có mẹ nhiều kiếp, nhẫn đến các bậc ông bà, cha  
mẹ, tổ tiên, lục thân quyến thuộc… chúng ta đều phải  
*Học Đạo Đức Chú thích* 189  
báo hiếu”. Điều này được thể hiện rất rõ trong mùa  
Vu Lan hiếu hạnh của Phật giáo. Trong **Kinh Vu Lan  
Báo Hiếu** Đức Phật cũng đã chỉ dạy rất rõ về điều này.  
Sách **Nhị Thập Tứ Hiếu**, một bộ sách cổ của Trung  
Hoa có nói về hai mươi bốn tấm gương hiếu thảo mà  
chúng ta nên đọc để làm theo. **Kinh Địa Tạng** là một bộ  
“Hiếu Kinh” của Phật giáo chúng ta cũng nên thường  
đọc và làm theo. Đây chính là phương pháp học và báo  
hiếu các bậc ông bà, cha mẹ tốt nhất của nhân loại.  
(92) *Đem Phật pháp, giác ngộ cho/ Chớ đắn đo,  
đừng chậm trễ/ Lập trai đàn, thỉnh chư Tăng/ Tụng  
kinh văn, đem hồi hướng:* Trong **Kinh Đại Phương  
Tiện Phật Báo Ân** có dạy: “Đạo làm con phải lo  
báo hiếu. Báo hiếu bằng cách nào? Đó chính là đem  
Phật pháp để giác ngộ cho ông bà, cha mẹ. Vì sao?  
Vì chỉ có Phật Pháp, chỉ có Tam Bảo mới là ruộng  
phúc điền tốt nhất để cho nhân gian gieo trồng hạt  
phúc”. Chính vì vậy người học đạo đức, đặc biệt là  
các tín đồ Phật tử phải mau mau đem Phật Pháp để  
giác ngộ cho tổ tiên, ông bà, cha mẹ chớ có đắn đo,  
chớ để chậm trễ. Kinh **Vu Lan Báo Hiếu** Đức Phật  
dạy: “Nên kiến lập đàn tràng, cung thỉnh chư Tăng  
đọc tụng kinh điển để đem hồi hướng”, làm được như  
thế thì công đức vô lượng, khiến cho những người đã  
khuất sớm được thoát khổ, sinh về cõi lành; những  
190 *Học Đạo Đức Chú thích*người còn sống thì sẽ được hưởng quả báo tốt đẹp,  
phúc thọ miên trường, cát tường như ý.  
(93) *Chăm phóng sinh, thêm tạo phúc/ Ấn tống  
Kinh, tô tượng Phật/ Cúng Tam bảo, thí chúng sinh/  
Đem báo ân, cha mẹ hiền:* Trong tất cả việc phúc thì  
việc phóng sinh là việc phúc đầu. Trong tất cả công đức  
thì việc tu tập, trì trai giữ giới, cúng dàng Tam Bảo,  
ấn tống Kinh điển, làm chùa, tô tượng, đúc chuông…  
là công đức hơn cả. Bởi vậy người học đạo đức chúng  
ta chớ bỏ qua cơ hội gieo trồng cội phúc và công đức  
lớn lao này. Trong **Kinh A Hàm** Đức Phật dạy: “Được  
thân người là khó, được gặp Phật pháp lại càng khó  
hơn; gặp Phật pháp rồi mà tin được, phát tâm Bồ Đề  
học đạo được, tu tập theo đúng chính pháp được thì  
lại càng khó hơn nữa. Nếu có thiện nam thiện nữ nào  
mà làm được thì công đức vô lượng, hiện đời được  
quả báo tốt, kiếp sau thường sinh cõi lành”. Chính vì  
những công đức lớn lao như thế, lợi ích như thế cho  
nên rộng khuyên tất cả các thiện nam tín nữ, người  
tín Phật hay chưa tín Phật, chớ bỏ qua cơ hội vạn kiếp  
khó gặp này. Vậy nên mới có câu: *“Chí tâm niệm  
Phật đêm ngày, cầu cho cha mẹ sống tày non cao”*hay còn nói: *“Công cha đức mẹ cao dày, cưu mang  
trứng nước những ngày ngây thơ, nuôi con khó nhọc  
đến giờ, trưởng thành con phải biết thờ song thân”.*  
*Học Đạo Đức Chú thích* 191  
(94) *Muốn ghi tên, nơi cửa Phật/ Phải hết lòng,  
hiếu mẹ cha/ Hiếu ông bà, hiếu tổ tiên/ Lo báo đền,  
cho rộng khắp:* Người học đạo đức chúng ta phải  
luôn nhớ nghĩ tới công đức sinh thành và dưỡng dục  
của cha mẹ thật lớn lao, sâu nặng biết nhường nào.  
Cho nên mới nói **“Công cha cao, nghĩa mẹ dày, đức  
tổ tiên, ân nặng trĩu”** là vậy. Người Phật tử chúng  
ta muốn được ghi tên ở nơi cửa Phật, nơi cảnh giới  
Tây Phương Cực Lạc giác ngộ, giải thoát của chư  
Phật thì phải hết lòng báo hiếu mẹ cha, báo hiếu ông  
bà tổ tiên, nhẫn đến rộng ra cho đến khắp cả muôn  
loài. Vì trong **Kinh Địa Tạng** Đức Phật dạy: “Tất cả  
chúng sinh từ vô thỉ kiếp trôi lăn trong sáu nẻo luân  
hồi, do đó có không biết bao nhiêu đời kiếp những  
chúng sinh đó từng làm ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con  
cái, anh em, bạn bè lục thân quyến thuộc của ta; cho  
nên phận làm con chúng ta phải lo báo hiếu”.  
Thời xưa khi Đức Phật còn tại thế, một lần sau  
khi đi khất thực xong, trên đường về Đức Thế Tôn dừng  
lại và đỉnh lễ một bộ xương khô, tôn giả A Nan thấy  
vậy liền bạch Phật. Đức Phật là bậc tối thượng, công  
đức, thần thông và trí tuệ của Ngài thật không một ai  
sánh kịp, dù cho tất cả chúng Chư Thiên, Ma, Phạm…  
cũng không ai bằng được; vậy tại sao Đức Thế Tôn lại  
192 *Học Đạo Đức Chú thích*cung kính đỉnh lễ một đống xương khô như vậy? Đức  
Phật ôn tồn bảo với tôn giả A Nan và đại chúng “Ông  
chỉ thấy đây là một bộ xương khô, còn Như Lai thì  
thấy đây chính là cha mẹ, lục thân quyến thuộc của  
Như Lai trong nhiều kiếp trước”. Qua đó chúng ta biết  
rằng, trong cõi luân hồi từ vô thỉ kiếp chắc chắn chúng  
ta đã có không biết bao nhiêu các bậc ông bà, cha  
mẹ… Vậy nên giáo lý của Phật giáo mới dạy chúng  
ta phải lo báo ân, báo hiếu cho rộng khắp là như thế.  
*Học Đạo Đức Chú thích* 193  
**XII. Chương mười hai**(95) *Chương mười hai:* nói về sự giác ngộ **“Sa Bà  
Khổ”** để phát nguyện sinh về **“Cực Lạc Vui”** của Đức  
Phật A Di Đà. Trong **Kinh Hoa Nghiêm** nói về chủng  
chủng vô lượng vô biên thế giới hải, ở tầng 13 của Hoa  
Tạng Thế Giới có một thế giới gọi là Sa Bà (tức thế  
giới - trái đất của chúng ta). Phía Tây của thế giới này  
có một thế giới tên là Cực Lạc, vị giáo chủ cõi đó tên  
là A Di Đà; còn phía Đông của thế giới Cực Lạc là cõi  
Sa Bà của chúng ta. Thế giới chúng ta thuộc về cõi “uế  
độ”. Nghĩa là chúng sinh ở cõi này có “Thánh phàm  
đồng cư”, lại có cảnh sinh, già, bệnh, chết, cầu mong  
không được là khổ, yêu thương phải chia lìa là khổ,  
oán ghét phải sum họp sống chung là khổ, năm ấm  
không hòa hợp sinh ra các bệnh về thân và tâm là khổ;  
nhẫn đến vô lượng vô biên những nỗi khổ thật chẳng  
thể nói hết của cõi này. Lại khi cõi này loạn, thường  
khởi lên năm ác trược là kiếp trược, kiến trược, phiền  
não trược, chúng sinh trược và mệnh trược chung rất là  
khổ cực. Chúng sinh sống trong giai đoạn này phần lớn  
thân tâm phải thọ khổ, chiến tranh, bệnh tật, thiên tai,  
dịch hoạ… nhiều vô số kể chẳng thể diễn tả hết được.  
Còn ở Tây Phương Cực Lạc thì thanh tịnh thuần  
vui, không có cái cảnh sinh, già, bệnh, chết… nhẫn đến  
194 *Học Đạo Đức Chú thích*tiếng khổ còn không có huống chi lại có chúng sinh  
chịu khổ thật ư! Trong **Kinh A Di Đà**, Đức Phật Thích  
Ca Mâu Ni đã khẳng định rằng: “Này Xá Lợi Phất! Vì  
sao thế giới đó tên là Cực Lạc? Vì thế giới đó không  
có những nỗi khổ, chỉ toàn những niềm vui cho nên gọi  
là Cực Lạc”. **Kinh Vô Lượng Thọ** cũng nói: “Thế giới  
Tây Phương Cực Lạc chúng sinh trong cõi đó không có  
những nỗi khổ, chỉ hưởng toàn niềm vui nên gọi là Cực  
Lạc”. Lại nữa: “Tất cả những chúng sinh được sinh về  
cõi đó đều chứng được quả vị “Bất thoái chuyển” và  
được gọi là bậc “Thượng Thiện Nhân”, thọ lượng vô  
biên đồng với Đức Phật A Di Đà, được thần thông tự  
tại, công đức phúc báo chẳng thể nghĩ bàn, muốn đi  
thì bay, muốn ăn tự có (thức thực), trong khoảng bữa  
ăn có thể phân thân vô số, biến khắp mười phương, đi  
khắp các cõi để cúng dàng các Đức Phật, cúng xong  
lại trở về, thảnh thơi như thế, công đức vô lượng. Nếu  
có đại nguyện, muốn dùng các thân để phổ độ chúng  
sinh thì nương vào nguyện lực của Đức Phật A Di Đà  
và thần thông công đức của mình, có thể hiện thân ở  
khắp mười phương để tuỳ duyên, tuỳ nguyện mà tế độ  
chúng sinh, làm những việc công đức lớn lao như thế,  
song tinh thần chẳng bị lao nhọc hay tổn hoại…”  
*Học Đạo Đức Chú thích* 195  
Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, trước khi nhập Đại  
Bát Niết Bàn, vì thương tưởng những chúng sinh đau  
khổ ở cõi này nên mới giới thiệu về Cảnh giới Tây  
Phương Cực Lạc thù thắng như trên, mục đích là để  
khuyến khích chúng ta phát khởi tín tâm, mong nguyện  
sinh về. Những ai phát nguyện được sinh về đó chỉ cần  
Tín - Nguyện - Trì danh, cầu sinh Cực Lạc, chỉ trong  
mười niệm nhất tâm, khi lâm chung cũng được đới  
nghiệp vãng sinh. Nghĩa là mang theo nghiệp mà vãng  
sinh, khi vãng sinh rồi tận mắt thấy Đức Phật A Di Đà  
và Đức Quán Âm cùng Đại Thế Chí với chư Bồ Tát,  
vừa đối trước Phật, tai nghe diệu pháp, sinh tâm hoan hỷ,  
chứng pháp vô sinh, vào bất thoái chuyển, lên ngôi Bồ  
Tát, tự tại như thế cho đến khi thành Phật chẳng bị sinh  
tử khổ đau làm não hại nữa. Ôi quả là một pháp môn  
tu, một cõi đi về thật là hiếm có, bởi vậy mới kết đại  
thiện duyên, rộng khuyên tất cả chúng sinh khắp trong  
mười phương thế giới, hãy mau chóng phát tâm, **“Tín -  
Nguyện - Trì Danh”** cầu sinh Tịnh Độ để cùng nhau  
sớm được **“Nhẹ Gót Về Tây - Nam Mô A Di Đà Phật”.**(96) *Thân mộng huyễn, giả tạm này/ Trước ta vay,  
nay ta trả/ Có gì đâu, mà quyến luyến/ Nếu xao xuyến,  
gọi phàm phu:* Thân này như mộng, như huyễn là đồ  
giả tạm chẳng phải thật. Tất cả đều do tinh cha huyết  
196 *Học Đạo Đức Chú thích*mẹ và thần thức nghiệp lực của chúng ta mà thành.  
Vậy nên mới nói *“Trước ta vay, nay ta trả. Có gì  
đâu, mà quyến luyến”* là như thế. Bậc chân tu giác  
ngộ, sớm nhận ra tất cả các pháp hữu vi thảy đều như  
vang, như bóng, như mộng, như huyễn không có gì  
là bền vững. Từ đó biết rõ thân này là khổ, không,  
vô thường, vô ngã cho nên không vọng chấp, không  
luyến lưu, không chấp trước, chỉ một lòng niệm Phật  
để cầu sinh Tịnh Độ. Vì biết rằng tất cả các pháp  
hữu vi ở thế giới này đều là giả tạm, giả sử chúng ta  
có được nó đi chăng nữa cũng không bền lâu, tới khi  
già, khi bệnh, khi chết tất cả chúng sẽ bỏ chúng ta  
mà đi. Các hành giả tu tập theo pháp môn này phải  
tin sâu, nguyện thiết, một lòng trì danh để cầu sinh  
Tịnh Độ; không được để động tâm xao xuyến, không  
được quyến luyến tình trần thế gian. Nếu còn khởi  
một chút mảy may quyến luyến, chúng ta sẽ không  
được vãng sinh, chúng ta sẽ mãi là phàm phu tục tử  
ở cõi này. Ôi thật đáng thương và đáng sợ! Vậy nên  
mới rộng khuyên tất cả bạn lữ, hãy cùng nhau tinh  
tiến nhất tâm niệm Phật để cầu sinh Tịnh Độ.  
(97) *Tâm đạo đủ, sẽ biết ngay/ Quán hết thảy, đều  
giả tạm/ Đủ duyên đến, hết duyên đi/ Không tham si,  
không vọng chấp:* Chúng ta phát tâm tu tập để cầu sinh  
*Học Đạo Đức Chú thích* 197  
Tịnh Độ, nếu tâm đạo đầy đủ thì chúng ta phải tin sâu  
nguyện thiết, không được chấp trước vào các pháp hữu  
vi sinh tử ở thế gian này nữa. Phải quán hết thảy đều  
là giả tạm, chúng ta có mặt ở cõi này đều là do nhân  
duyên, các duyên hòa hợp hội đủ thì chúng ta đến, các  
duyên ly tán, không còn thì chúng ta đi; đi về một nơi  
thanh tịnh, an vui không còn khổ đau luân hồi nữa.  
Biết rõ vậy nên chúng ta không còn tham si, không  
còn vọng chấp vào các giả cảnh bên ngoài, chỉ nhất  
tâm niệm Phật để cầu sinh Tịnh Độ, đây mới là công  
việc chân thật cuối cùng mà chúng ta phải làm để được  
**“Nhẹ Gót Về Tây”.**(98) *Lấy công phu, xin hồi hướng/ Đem phát  
nguyện, cầu vãng sinh/ Về Tây phương, An lạc quốc/  
Thành tựu rồi, hết khổ đau:* Hàng ngày chúng ta tu  
phúc tu thiện, nhẫn đến công đức trì trai, giữ giới,  
tụng kinh, trì chú, niệm Phật, sam Thiền,… tất cả  
đều đem công phu này để hồi hướng, phát nguyện cầu  
sinh về Tây Phương Cực Lạc. Đại lão Hòa Thượng  
pháp sư Tịnh Không dạy rằng: “Chúng ta phải coi  
tất cả các công hạnh ở cõi này là phương tiện, là giả;  
quán như thế rồi, chỉ dốc một lòng cầu sinh Tịnh Độ,  
được sinh về đó rồi chúng ta mới thực sự là người tu  
hành, thực sự bước trên con đường mà chư Phật đã  
198 *Học Đạo Đức Chú thích*đi…” Thật vậy, nếu là một hành giả tu tập, cầu sinh  
Tịnh Độ chúng ta mới thấy được lời dạy rất tha thiết  
của Hòa Thượng. Vì sao? Vì ở cõi này nếu tu phúc  
tu thiện mà không buông xả được, cứ bám chấp vào  
những việc mình làm, dù cho việc đó là việc thiện  
thì chúng ta sẽ không được tự do tự tại, không thể  
thoát ra khỏi được sự chấp trước, từ đó mà dòng xoáy  
sinh tử luân hồi cứ mãi vòng quay. Hết sinh rồi lại  
tử, hết tử rồi lại sinh, có phúc thì đi lên hai cõi Trời,  
Người; hết phúc lại đọa lạc, đi xuống ba đường ác  
đạo Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh. Ôi như vậy thì chi  
bằng một lòng niệm Phật để cầu sinh Tịnh Độ, được  
thành tựu rồi việc sinh tử sẽ đoạn tận, mọi khổ đau  
sẽ chấm dứt, tới lúc đó chúng ta có thể tuỳ duyên tuỳ  
nguyện, cưỡi thuyền từ đại nguyện để phổ độ chúng  
sinh chẳng phải là tốt lắm hay sao?  
(99) *Hoặc từ một, đến bảy ngày/ Nhẫn mười câu,  
đem hồi hướng/ Nguyện sinh về, cõi nước ta/ Nếu người  
đó, không sinh về/ Cõi nước ta, thì ta thề/ Mãi sẽ không,  
thành Chính Giác:* Hành giả tu theo Tịnh Độ phải  
nương vào đâu để mà lập nguyện? Nương vào đâu để  
biết rằng mình niệm Phật cầu sinh Tây Phương Cực  
Lạc sẽ được như nguyện? Chúng ta nương vào những  
lời vàng ngọc từ kim khẩu của Đức Từ Phụ Thích Ca  
*Học Đạo Đức Chú thích* 199  
Mâu Ni Phật chỉ dạy ở trong Kinh A Di Đà, Kinh Vô  
Lượng Thọ, Kinh Quán Vô Lượng Thọ… để làm căn cứ.  
Trong **Kinh A Di Đà**, Đức Bản Sư của chúng ta  
có dạy: *“… Cách đây đi về phương Tây hơn mười muôn  
ức cõi Phật, nơi đó có một thế giới tên là Tây Phương  
Cực Lạc, thế giới đó có Đức Phật hiệu là A Di Đà hiện  
đang thuyết pháp”*. Trong **Kinh Vô Lượng Thọ**, Đức  
Phật lại dạy rằng: *“… Khi còn hành Bồ Tát đạo, Đức  
Phật đó đã phát ra bốn mươi tám đại nguyện, nguyện  
nguyện đều vì chúng sinh khắp trong mười phương thế  
giới mà tu tập. Thế rồi trải qua nhiều kiếp, vị Đại Bồ  
Tát đó (Pháp Tạng Tỷ Khiêu - Pháp Tạng Bồ Tát) đã  
được thành Phật, nay đang giáo hóa độ sinh, khiến  
cho chúng sinh khắp trong mười phương thế giới nghe  
được danh hiệu của Ngài mà sinh tâm hoan hỷ, tín thọ  
phụng hành, trì trai giữ giới, sam Thiền niệm Phật…  
cầu sinh Tịnh Độ, nếu sau khi xả bỏ báo thân mà không  
được sinh về thì Ngài sẽ không thành Chính giác”.*Nay chúng ta biết chắc vậy rồi, nên mau chóng  
lấy công phu tu tập hàng ngày để hồi hướng, phát  
nguyện cầu sinh Tịnh Độ. Vì trong **Kinh Vô Lượng  
Thọ** có nói, khi còn thực hành Bồ Tát đạo Ngài đã phát  
đại nguyện rằng: “Sau khi thành Phật, nếu có chúng  
sinh nào ở khắp trong mười phương thế giới, nghe được  
200 *Học Đạo Đức Chú thích*danh hiệu của ta mà sinh tâm hoan hỷ muốn sinh về  
cõi ta, nếu không được sinh về ta thề sẽ không thành  
Chính giác”. Nương vào nguyện đó chúng ta nhất tâm  
tu tập, một lòng phát nguyện, cầu được vãng sinh, tất  
sẽ được thành tựu.  
(100) *Mọi thứ giả, Phật mới chân/ Biết vậy nên,  
ta phát nguyện/ Nguyện kiên cố, chẳng đổi thay/ Nếu  
không may, thân này bệnh/ Càng tin sâu, càng nguyện  
thiết/ Dẫu thân này, có mất đi/ Chẳng cần chi, phải lưu  
luyến/ Vì đã nguyện, về Tây Phương:* Tin sâu, nguyện  
thiết, hành chuyên là ba yếu tố quan trọng để được  
vãng sinh về Tây Phương Cực Lạc khi mãn báo thân  
này. Do đó hành giả chúng ta phải khắc ghi những lời  
Phật dạy, không khởi một niệm sinh tâm nghi ngờ hay  
nhạo báng. Chỉ quyết chí một lòng chuyên niệm **“A  
Di Đà Phật**”, không để tâm xen tạp hay tán loạn, cũng  
không vấn vương vào các công việc tầm thường của  
thế gian, dù có gặp gian lao, vất vả hoặc bất cứ trở ngại  
nào cũng không quên câu Phật hiệu.  
Vì sao? Vì tất cả các pháp thế gian đều là giả,  
chỉ có Phật mới là giác, là chân. Biết vậy nên chúng ta  
phải luôn giữ được chí nguyện cho kiên cố; nếu không  
may có bệnh tật, có khổ đau thì chí nguyện cầu sinh  
Cực Lạc vẫn chẳng đổi thay, ngược lại càng phải tin  
*Học Đạo Đức Chú thích* 201  
sâu, càng phải nguyện thiết. Dù có mất thân này chúng  
ta cũng vui vẻ chẳng cần chi phải lưu luyến, vì trong  
đời ai mà chẳng phải chết. Điều quan trọng là sau khi  
chết chúng ta đi về đâu? Người đời phần lớn do tham,  
sân, chấp ngã nên sau khi chết thần thức phải theo  
nghiệp mà đi xuống, còn những người chân tu cầu Phật  
thì thần thức sẽ đi lên, sẽ được quang minh công đức,  
nguyện lực của Đức Từ Phụ A Di Đà phóng đại quang  
minh tiếp dẫn, trong khoảng sát na, thần thức người đó  
đã được vãng sinh về Tây Phương Cực Lạc, vĩnh viễn  
xa rời biển nghiệp, hết sạch sinh tử khổ đau, tốc chứng  
quả vị, viên mãn vô thượng Bồ Đề.  
(101) *Kèo lún sụt, nóc tan hoang/ Cùng lửa dữ, cháy  
ngày đêm/ Chúng yêu ma, côn trùng độc/ Mọi hiểm nguy,  
đang chờ sẵn:* Chư vị hành giả nhờ vào những thiện  
duyên kiếp trước, nay gặp được giáo pháp thậm thâm  
vị diệu của Phật, nay rộng khuyến khích, kết duyên  
với tất cả chư vị, hãy tinh tiến tu hành, nhất tâm niệm  
Phật để cầu sinh Tịnh Độ. Hãy quán thân này chỉ là túi  
da, thoạt nhìn dáng vẻ bên ngoài thì đẹp đẽ, xinh tươi,  
mặt hoa, da phấn, tóc đen, môi đỏ,… nhưng quán sát  
kỹ hơn, chúng ta sẽ nhận thấy nó thực sự chỉ là một túi  
da không hơn không kém, chứa đựng bên trong cả một  
đống phân nhơ bẩn thỉu, nào là ruột già, ruột non, tim,  
202 *Học Đạo Đức Chú thích*gan, phèo phổi, máu mủ, đờm dãi,… tất cả chúng đều  
không sạch. Vả lại trong chúng đều ấp ủ, dung chứa  
các mầm bệnh hiểm nguy, bởi vậy mà khi vừa qua tuổi  
tráng niên chúng ta đã nhanh chóng già nua bệnh tật.  
Tới khi đó chẳng khác gì như ngôi nhà đã mục nát,  
tường vách lở long, mái kèo lún sụt, bờ nóc tan hoang;  
ví lại đang có lửa dữ bốc cháy, trùng độc quỷ dữ, rình  
rập ám hại, mọi nỗi hiểm nguy thật không kể xiết.  
Chính vì vậy mà trong **Kinh Diệu Pháp Liên  
Hoa** Đức Phật mới ví cõi này không an giống như nhà  
lửa tam giới. Chúng đang ngày đêm bốc cháy, mọi  
nỗi hiểm nguy đang rình rập, không biết chúng ta giữ  
được tấm thân này tới bao giờ? Mạng người vô thường  
chỉ trong hơi thở. Mười phương Chư Phật thị hiện ra  
đời cũng chỉ đều giải quyết một vấn đề đó cho chúng  
ta. Vậy nên chân thành khẩn thiết, kính nguyện tất cả  
chúng sinh sớm mau giác ngộ, buông bỏ tham sân, nhất  
tâm niệm Phật để cầu sinh Tịnh Độ, được vãng sinh rồi  
tất hết sinh tử, chấm dứt khổ đau, tự do tự tại thân gá  
thai sen, hoa nở thấy Phật, ngộ pháp vô sinh, vào dòng  
bất thoái, tốc chứng viên mãn quả vị Vô thượng Bồ Đề  
để tận độ chúng sinh, được lợi ích như thế há lại còn  
khởi tâm vọng động nghi ngờ nữa ư?  
*Học Đạo Đức Chú thích* 203  
(102) *Phật sẽ đến, an ủi ta/ Phật sẽ qua, không  
hư dối/ Ta không thoái, chí nguyện sinh/ Ánh quang  
minh, Phật liền tới:* Hành giả tu tập theo pháp môn  
Tịnh Độ, đã biết rõ về các pháp cõi này là khổ, không,  
vô thường, vô ngã rồi thì phải nên buông bỏ, không  
luyến lưu, cũng không chấp trước. Dẫu cho thân này  
có gặp hiểm nguy cũng không được nao núng, sợ sệt  
mà chỉ dốc một lòng “nhất tâm niệm Phật”. Niệm  
niệm miên mật không để cho xen tạp hay tán loạn thì  
Đức Từ Phụ A Di Đà Phật sẽ hiện ra, đúng như trong  
kinh điển đã nói, thật không một lời hư dối. Được  
như vậy là do tâm ta không thoái lui, không nghi ngờ,  
không sợ sệt, cho nên từ trên hư không quang minh  
của Đức Phật liền chiếu tới để tiếp dẫn người đó.  
(103) *Trước mắt ta, lúc bấy giờ/ Phật phóng quang,  
đưa tay đón/ Kim đài trao, trong khoảnh khắc/ Ta nhẹ  
gót, thẳng về Tây:* Người niệm Phật nhất tâm trước,  
trong và sau khi lâm chung thường thấy cảnh lành  
tướng lạ hiện ra như là nhìn thấy quang minh công  
đức của Phật, nhìn thấy hoa sen, nhìn thấy Chư Phật -  
Bồ Tát, hoặc ngửi thấy mùi hương thơm ngào ngạt,…  
đặc biệt là nhìn thấy Đức Phật A Di Đà và Bồ Tát  
Quán Âm, Bồ Tát Đại Thế Chí cùng chư Thánh chúng  
204 *Học Đạo Đức Chú thích*đầy khắp hư không, trên tay cầm tràng phan bảo cái,  
âm nhạc hòa vang, thánh thót thảnh thơi, hương trời  
sực nức. Lại thấy Đức Phật A Di Đà tay trái cầm hoa  
sen, tay phải buông xuống theo tư thế kết ấn “Di  
Đà Tiếp Dẫn”, trên đỉnh đầu nơi nhục kế, hoặc trên  
tướng bạch hào giữa chặng mày Đức Phật phóng đại  
quang minh chiếu khắp nơi thân hành giả. Lúc bấy  
giờ hành giả nhìn và nghe thấy những điềm lành tướng  
lạ như vậy thì thân tâm thư thái, lòng rất hoan hỷ, an  
nhiên tự tại; lại thấy Đức Phật A Di Đà tay đưa đài  
vàng (hoặc đài bạc), chỉ trong khoảnh khắc liền thấy  
mình ngồi trên hoa sen báu, đi theo sau Phật, nhẹ gót  
vãng sinh về thẳng thế giới Tây Phương Cực Lạc.  
(104) *Ao Liên Trì, chín phẩm hoa/ Thức gá sen, là  
cha mẹ/ Hoa vừa nở, thấy Phật luôn/ Tai tinh nghe,  
vi diệu Pháp/ Tâm vui mừng, trong chính định/ Được  
trí tuệ, đắc thần thông/ Khoảng sát na, lên bất thoái/  
Chứng vô sinh, thành bất tử:* Chư vị hành giả tu tập  
theo pháp môn Tịnh Độ, khi được vãng sinh về Tây  
Phương Cực Lạc thì không còn phải sinh ra từ thai sinh  
nhơ nhớp như ở cõi này mà thần thức được gá vào hoa  
sen để sinh ra. Vậy nên mới tạm gọi là **“chín phẩm  
hoa sen là cha mẹ”**. Nghĩa là hành giả được vãng sinh  
*Học Đạo Đức Chú thích* 205  
về Tây Phương Cực Lạc có chín phẩm tuỳ theo công  
hạnh lúc sinh tiền tu tập như thế nào mà cảm được.  
Chín phẩm ấy được chia thành ba bậc đó là:  
**Ba phẩm bậc thượng:** Thượng phẩm thượng  
sinh, thượng phẩm trung sinh và thượng phẩm hạ sinh.  
Trong **Kinh Vô Lượng Thọ** có nói rằng: “Ba phẩm  
bậc này là chỉ cho những bậc chân tu đã lìa tham dục,  
thường xuất gia làm Sa Môn, phát đại Bồ Đề tâm, một  
lòng chuyên nhớ nghĩ tới Đức Phật Vô Lượng Thọ, tu  
tập mọi công đức lành, một lòng niệm Phật và phát  
nguyện sinh về cõi kia. Những hạng người như thế, đến  
lúc thọ chung, được Đức A Di Đà, cùng với hàng Thánh  
chúng hiện ra trước mắt, phóng vô lượng hào quang,  
thần thức của người đó liền đi theo sau Đức Phật mà  
vãng sinh về Tây Phương Cực Lạc, thần thức gá vào  
trong hoa Sen báu, tự nhiên mà hóa sinh, liền trụ bậc  
Bất Thoái Chuyển. Trí tuệ và thần thông của những  
hành giả ở phẩm này, thật bất khả tư nghì, được tự do  
tự tại trong các pháp”. Những hạng người này thường  
thị hiện tự tại vãng sinh, hoặc đứng mà vãng sinh, hoặc  
kiết già phu toạ mà vãng sinh…  
**Ba phẩm bậc trung:** Trung phẩm thượng sinh,  
trung phẩm trung sinh, trung phẩm hạ sinh. Ba phẩm  
bậc này trong **Kinh Vô Lượng Thọ** nói rằng: “Nếu có  
206 *Học Đạo Đức Chú thích*chúng trời người ở khắp trong mười phương thế giới,  
dốc một lòng niệm Phật cầu sinh về nước kia, dù chưa  
làm Sa Môn, nhưng làm nhiều công đức và phát đại  
Bồ Đề tâm, một lòng chuyên nhớ nghĩ về Đức Phật Vô  
Lượng Thọ, lại trì trai giữ giới, khởi lập Chùa-ThápTượng, in ấn ba Tạng Pháp, cúng dàng bậc Sa Môn,  
treo phan phướn đốt đèn, rải hoa và thiêu hương... đem  
những công đức đó, nguyện sinh về nước kia. Người đó  
lúc lâm chung được đức Phật Vô Lượng Thọ, hóa hiện  
ra thân Phật, tướng hảo và quang minh cũng giống như  
chân Phật, cùng với chư Thánh chúng hiện ra trước  
người đó. Thần thức của người đó, liền theo sau hóa  
Phật, vãng sinh về nước kia, trụ vào hoa Sen báu, hoa  
nở liền thấy Phật, tâm được đại an vui, liền trụ ngôi  
Bất Thoái. Trí tuệ và công đức, thần thông và biện  
tài gần giống bậc thượng trên”. Đây là tướng trạng và  
phẩm vị của bậc Trung phẩm được sinh về Tây Phương  
Cực Lạc.  
**Ba phẩm bậc hạ:** Hạ phẩm thượng sinh, hạ phẩm  
trung sinh, hạ phẩm hạ sinh. Ba phẩm này trong Kinh  
Vô Lượng Thọ nói rằng: “Nếu có chúng trời người ở  
khắp trong mười phương thế giới, dốc một lòng niệm  
Phật để cầu sinh Tịnh Độ, nhưng công đức lành chưa  
đủ, vậy nên phải làm các việc công đức như phát tâm  
*Học Đạo Đức Chú thích* 207  
Bồ Đề, tuỳ hỷ và gần gũi những bậc chân tu thiện tri  
thức có trí tuệ, tinh thông Tam Tạng để cầu dạy bảo  
cho phương pháp tu tập. Lại dạy cho biết quy y Tam  
Bảo và trì trai giữ giới, làm mười điều thiện, thường  
trì niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà, nhẫn đến khi  
lâm chung chỉ niệm được mười câu; đem những công  
đức trì trai, giữ giới, niệm Phật đó để hồi hướng cầu  
sinh về Tịnh Độ. Người đó lúc lâm chung, được thấy  
Đức Phật A Di Đà và Bồ Tát Quán Thế Âm, Bồ Tát  
Đại Thế Chí cùng các hàng Thánh chúng hóa hiện  
ra trước mắt và phóng đại quang minh để tiếp dẫn.  
Công đức và trí tuệ của những hạng người này gần  
bằng với bậc trung”. Đây là tướng trạng và phẩm vị  
của bậc Hạ phẩm được sinh về Tây Phương Cực Lạc.  
(105) *Chúng cõi đó, ai cũng được/ Vô lượng thọ, vô  
lượng quang/ Hết sinh tử, sạch khổ đau/ Mãi về sau, tới  
thành Phật/ Vậy mới khuyên, khắp tất cả/ Hết chúng  
sinh, thảy mọi loài/ Nhớ tu tâm, làm việc thiện/ Nên  
phát nguyện, về cõi kia/ Đức Từ Phụ, A Di Đà/ Đang  
chờ đón, chúng ta sang/ Đồng cất vang, tiếng niệm  
Phật/ Cùng nhẹ gót, thẳng về Tây:* Tất cả các hành giả  
nhẫn đến các loại chúng sinh khắp trong mười phương  
thế giới được sinh về đó rồi đều gọi là bậc **“Thượng  
Thiện Nhân”**; ai ai cũng được Vô lượng thọ, Vô lượng  
208 *Học Đạo Đức Chú thích*quang, Vô lượng công đức, thần thông tự tại, hết sạch  
khổ đau trong ba đường sáu nẻo. Từ đó tu tập dần dần  
cho đến thành Phật không bao giờ bị thoái chuyển. Vậy  
nên rộng khuyên tất cả chúng sinh, hết thảy mọi loài  
phát Bồ Đề Tâm, tin sâu nhân quả, một lòng nguyện  
thiết, trì trai giữ giới, nhất tâm niệm Phật, bỏ ác làm  
lành, lánh dữ hành thiện, phóng sinh tu phúc, bố thí  
cúng dàng,… đem những công đức đó để hồi hướng  
cầu sinh về Tây Phương Cực Lạc. Đức Từ Phụ A Di  
Đà Phật vẫn ngày đêm dang rộng vòng tay chờ đón  
chúng ta. Vậy nên kính nguyện tất cả chư vị hành giả,  
Chư Hiền Thánh chúng, Thiên, Long, Bát Bộ, Hộ Pháp,  
Thiện Thần, Nhân và Phi Nhân; nhẫn đến tất cả các  
loài chúng sinh đang chịu khổ đau trong ba đường sáu  
nẻo, hết thảy đều được thấy tướng hảo và danh hiệu  
của Đức Phật A Di Đà; thấy - nghe rồi tin nhận, phát  
nguyện thụ trì, nhất tâm chuyên niệm “Nam Mô A Di  
Đà Phật” hoặc “A Di Đà Phật” để cùng được Đức Từ  
Phụ A Di Đà phóng quang tiếp dẫn; chúng ta hãy cùng  
nhau phát đại nguyện và đồng cất vang tiếng niệm “A  
Di Đà Phật - Nam Mô A Di Đà Phật” để được **“Cùng  
Nhau Nhẹ Gót Thẳng Về Tây Phương”.**  
**MỤC LỤC  
LỜI GIỚI THIỆU** ....................................................................... 3  
**HỌC ĐẠO ĐỨC** .......................................................................... 6  
**PHẦN CHÚ THÍCH** ................................................................. 45  
CHƯƠNG THỨ NHẤT .............................................................. 45  
(1) Chương thứ nhất ....................................................................... 45  
(2) Đấng Đại Giác - Thế Tôn......................................................... 45  
(3) Không sát sinh, không trộm cắp............................................... 46  
CHƯƠNG THỨ HAI .................................................................. 47  
(4) Chương thứ hai ......................................................................... 47  
(5) Khi sinh con, cha mẹ khóc ....................................................... 47  
(6) Công cha nặng, như núi Tản .................................................... 47  
CHƯƠNG THỨ BA .................................................................... 49  
(7) Chương thứ ba .......................................................................... 49  
(8) Chữ Thánh Hiền ....................................................................... 49  
(9) Anh em hòa, gia sự hưng.......................................................... 49  
(10) Khi dùng cơm, phải chú ý ....................................................... 50  
(11) Không ồn ào, khua bát đũa...................................................... 50  
CHƯƠNG THỨ TƯ .................................................................... 51  
(12) Chương thứ tư.......................................................................... 51  
(13) Con của Rồng, cháu của Tiên ................................................. 51  
(14) Văn Lang................................................................................. 52  
(15) Âu Lạc ..................................................................................... 52  
(16) Triệu Đà Vương ...................................................................... 53  
(17) Trưng Trắc, Trưng Nhị ........................................................... 54  
(18) Tô Định ................................................................................... 55  
(19) Triệu Thị Trinh........................................................................ 55  
(20) Lý Bôn..................................................................................... 56  
(21), (22) Đuổi Tiêu Tư, đón Hợp Phố............................................... 57  
(23) Cuộc khởi nghĩa, Mai Thúc Loan ........................................... 58  
(24) Phùng Hưng ............................................................................ 59  
(25) Phùng Hải - Phùng Dĩnh.......................................................... 60  
(26) Khúc Thừa Dụ......................................................................... 60  
(27) Dương Đình Nghệ ................................................................... 61  
(28) Ngô Quyền .............................................................................. 61  
(29) Đinh Bộ Lĩnh .......................................................................... 62  
(30) Lê Đại Hành............................................................................ 63  
(31) Thiền Sư Vạn Hạnh................................................................. 65  
(32) Lý Công Uẩn........................................................................... 66  
(33) Trần Thủ Độ............................................................................ 67  
(34) Trần Thái Tông ....................................................................... 67  
(35) Trần Nhân Tông...................................................................... 74  
(36) Trần Hưng Đạo........................................................................ 77  
(37) Trần Quang Khải..................................................................... 79  
(38) Hồ Quý Ly .............................................................................. 80  
(39) Lê Lợi...................................................................................... 80  
(40) Mạc Đăng Dung...................................................................... 82  
(41) Qua Lê sơ, tới Lê mạt.............................................................. 83  
(42) Cung vua Lê, phủ chúa Trịnh.................................................. 85  
(43) Nguyễn Huệ ............................................................................ 87  
(44) Nguyễn Hoàng ........................................................................ 88  
(45) Nguyễn Ánh - Vua Gia Long.................................................. 92  
(46) Quốc Hiệu Việt Nam............................................................... 93  
(47) Ba triều Vua, đầu độc lập..................................................... 102  
(48) Mười đời sau, Bảo Đại cuối .................................................. 103  
(49) Yêu Tổ Quốc, thương đồng bào........................................... 103  
(50) Bác bôn ba, bao khổ cực....................................................... 104  
(51) Tại Ba Đình, đất lịch sử - Bản Tuyên Ngôn......................... 115  
(52) Điện Biên Phủ, khắc dấu son..................................................120  
(53) Pháp chưa đi, Mỹ lại tới.........................................................123  
(54) Ngày ba mươi, tháng tư ấy. ................................................... 124  
(55) Khơ-me Đỏ............................................................................ 126  
(56) Quân dân ta chống Pol Pot.................................................... 131  
(57) Nhân dân ta, đã đoàn kết - Chống xâm lăng ......................... 135  
(58) Nguyễn Văn Linh.................................................................. 138  
(59) Nhớ ơn Đảng, ơn Tổ quốc.................................................... 140  
CHƯƠNG THỨ NĂM .............................................................. 141  
(60) Chương thứ năm ................................................................... 141  
(61) Tuổi dần lớn, trí dần khôn..................................................... 141  
(62) Nhớ công sinh, khắc công dưỡng.......................................... 142  
(63) Nếu làm người, phải lập chí .................................................. 143  
CHƯƠNG THỨ SÁU ................................................................ 144  
(64) Chương thứ sáu...................................................................... 144  
(65) Học xong rồi, chọn việc làm................................................. 145  
(66) Tìm việc làm, nếu không được.............................................. 146  
(67) Việc nếu hợp, nhưng còn khó................................................ 149  
(68) Việc phạm pháp, việc gian tà................................................ 150  
CHƯƠNG THỨ BẢY................................................................ 152  
(69) Chương thứ bảy..................................................................... 152  
(70) Nếu một khi, có vấp ngã... .................................................... 152  
(71) Miện vinh quang, luôn tỏa sáng............................................ 153  
(72) Việc thành công, do người nghĩ ............................................ 154  
(73) Nghĩ điều lành, làm điều thiện.............................................. 155  
CHƯƠNG THỨ TÁM ............................................................... 157  
(74) Chương thứ tám..................................................................... 157  
(75) Làm người phải, sống có Tâm............................................... 157  
(76) Khi giúp người, không cầu báo............................................. 160  
(77) Đối với mình, luôn răn nhắc.................................................. 161  
(78) Ác không theo, thiện gắng làm ............................................. 163  
CHƯƠNG THỨ CHÍN .............................................................. 166  
(79)Chương thứ chín .................................................................... 166  
(80) Biết rõ khổ, hiểu rõ khôn ...................................................... 166  
(81) Biết vô thường, nên học đạo.................................................. 168  
(82) Vui thế gian, là giả tạm......................................................... 170  
(83) Ác thì xuống, thiện đi lên...................................................... 173  
CHƯƠNG THỨ MƯỜI.............................................................. 177  
(84) Chương thứ mười .................................................................. 177  
(85) Người thành công, không vọng chấp .................................... 181  
(86) Trao cho con, dạy cho cháu .................................................. 183  
(87) Hạnh Bồ Tát, thường xả ly.................................................... 184  
(88) Biết thế thì, nên buông bỏ..................................................... 185  
CHƯƠNG MƯỜI MỘT............................................................. 187  
(89) Chương mười một.................................................................. 187  
(90) Sống trước sau, luôn phải nhớ............................................... 187  
(91) Lời Phật dạy, phải khắc ghi................................................... 188  
(92) Đem Phật Pháp, giác ngộ cho ............................................... 189  
(93) Chăm phóng sinh, thêm tạo phúc.......................................... 190  
(94) Muốn ghi tên, nơi cửa Phật ................................................... 191  
CHƯƠNG MƯỜI HAI............................................................... 193  
(95) Chương mười hai................................................................... 193  
(96) Thân mộng huyễn, giả tạm này............................................. 195  
(97) Tâm đạo đủ, sẽ biết ngay ...................................................... 196  
(98) Lấy công phu, xin hồi hướng ................................................ 197  
(99) Hoặc từ một, đến bảy ngày.................................................... 198  
(100) Mọi thứ giả, Phật mới chân.................................................. 200  
(101) Kèo lún sụt, nóc tan hoang................................................... 201  
(102) Phật sẽ đến, an ủi ta ............................................................. 203  
(103) Trước mắt ta, lúc bấy giờ ..................................................... 203  
(104)Ao Liên Trì, chín phẩm hoa ................................................. 204  
(105) Chúng cõi đó, ai cũng được ................................................. 207  
**MỤC LỤC** ............................................................................... 209  
**HỌC ĐẠO ĐỨC CHÚ THÍCH**Thường Chiếu: Thích Đạo Thịnh  
**NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO**53 Tràng Thi - Q.Hoàn Kiếm - Hà Nội  
ĐT: (024) 37822845 - Fax: (024) 37822841  
Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com  
Chịu trách nhiệm xuất bản  
Giám Đốc: **ThS. Nguyễn Hữu Có**Chịu trách nhiệm nội dung  
Q. Tổng Biên Tập: **Lê Hồng Sơn**Biên Tập: **Nguyễn Thị Thanh Thủy**Trình bày và kỹ thuật vi tính  
**Thích Giác Tâm**Đơn vị liên kết: **Công Ty TNHH Văn hóa phẩm  
Phật giáo Tản Viên**In 2000 cuốn, khổ 14.5 x 20.5 cm, tại Công ty TNHH Văn hóa phẩm Phật giáo  
Tản Viên.  
Địa chỉ: Thôn Tây Ninh, Xã Sơn Đông, Sơn Tây, Hà Nội.  
Số ĐKXB: 3673-2021/CXBIPH/04-96/TG  
Quyết định XB số: 449/QĐ-NXBTG ngày 28 tháng 10 năm 2021  
Mã ISBN: 978-604-61-8023-4  
In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2021.